



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ



SỔ TAY

CÔNG TÁC TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

Wildlife Conservation Society (WCS) hoạt động tại Việt Nam từ năm 2006, tập trung vào các hoạt động hỗ trợ hoàn thiện khung pháp lý và tăng cường năng lực thực thi pháp luật cho các cơ quan chức năng tại Việt Nam để đấu tranh với tội phạm về động vật hoang dã. WCS ưu tiên một số lĩnh vực hoạt động chủ chốt nhằm tác động đến các mạng lưới buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, với mục tiêu cuối cùng là hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam phòng, chống và đấu tranh hiệu quả đối với loại tội phạm này.

Liên hệ:

Tổ chức WCS, Chương trình Việt Nam

106, nhà D, số 3 Thành Công,
Ba Đình, Hà Nội

ĐT: +84 24 3514 9750

Email: wcsvietnam@wcs.org

Website: <https://vietnam.wcs.org/>

Facebook:

www.facebook.com/wcs.vietnam



NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

SỔ TAY

**CÔNG TÁC
TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP
VỀ HÌNH SỰ**

 Bản quyền xuất bản thuộc về
NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP



Do Chính phủ Hoa Kỳ tài trợ



Thực thi bởi
giz
Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



Sổ tay là kết quả của Dự án “Tăng cường hợp tác thực thi pháp luật giữa Mô-dã-m-bích, Nam Phi và Việt Nam trong phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã” và “Xây dựng hợp tác giữa châu Á và châu Phi trong phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã” do Cục Phòng, chống Ma túy và Thực thi Pháp luật Quốc tế (INL), Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ, Tổ chức Wildlife Conservation Society (WCS) thực hiện và Dự án “Xây dựng quan hệ đối tác chống săn, bắt và buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã (tại châu Phi và châu Á)” do Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) thực hiện, đại diện cho Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ) và Bộ Môi trường, Bảo tồn thiên nhiên và An toàn hạt nhân Liên bang Đức (BMU), kết hợp chuyên môn và nguồn lực từ năm bộ của Liên bang Đức, các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ.

Nội dung tài liệu do Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự (Viện kiểm sát nhân dân tối cao) phối hợp cùng Tổ chức WCS, Chương trình Việt Nam xây dựng và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ và GIZ.

Mã số: TPC/K - 22 - 11

2896-2022/CXBIPH/03-283/TP

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

SỔ TAY

CÔNG TÁC TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP
HÀ NỘI - 2022

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

TS. NGUYỄN QUANG DŨNG

Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

TỔ CHỨC BIÊN SOẠN

ThS. Vũ Thị Hải Yến

*Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự,
Viện kiểm sát nhân dân tối cao*

THAM GIA BIÊN SOẠN

- | | |
|------------------------|--|
| ThS. Ngô Thị Quỳnh Anh | Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao |
| ThS. Kiều Phương Liên | Trưởng phòng, Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao |
| ThS. Nguyễn Khánh Ngân | Phó Trưởng phòng, Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao |
| ThS. Nguyễn Thu Hương | Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao |

ThS. Nguyễn Văn Vui	Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
ThS. Nguyễn Cẩm Tú	Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
ThS. Nguyễn Thanh Liêm	Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
ThS. Đỗ Đức Cường	Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
CN. Phạm Thị Hồng Minh	Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

LỜI GIỚI THIỆU

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế là định hướng chiến lược xuyên suốt của Đảng chính thức được đề ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Quá trình hội nhập của đất nước từng bước được bổ sung qua các kỳ Đại hội, từ mới mẻ đến làm quen, từ đơn lẻ đến nhiều lĩnh vực, từ khu vực đến toàn cầu, từ thận trọng đến tự tin nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế đã cụ thể hóa đường lối đối ngoại của Đảng, đề ra yêu cầu tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, trong đó có việc hoàn thiện hệ thống pháp luật để làm cơ sở pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy quá trình hội nhập của đất nước trong những năm tiếp theo. Tăng cường hợp tác quốc tế là một trong những nội dung lớn của cải cách tư pháp, được quy định tại các nghị quyết của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Đặc biệt, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định rõ: “... thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại,... là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế...”.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, bên cạnh việc phát triển các hoạt động hợp tác kinh tế, đầu tư và giao lưu giữa công dân các nước tạo cơ sở và thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, chúng ta cũng phải đối mặt với nhiều nguy cơ và thách thức, trong đó có tình hình tội phạm xuyên quốc gia ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp. Do đó, việc tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm xuyên quốc gia thông qua hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự là nhu cầu khách quan và cấp thiết nhằm giúp các quốc gia giải quyết các vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài một cách hiệu quả nhất. Ở Việt Nam, tương trợ tư pháp về hình sự được thực hiện theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp, Bộ luật Tố tụng hình sự và các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên.

Nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạt động hợp tác quốc tế nói chung và hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự nói riêng, nhằm tăng cường hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm và góp phần thực hiện chiến lược cải cách tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành hữu quan tổ chức thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự và đã đạt được một số kết quả tích cực. Tuy nhiên, đến nay, tương trợ tư pháp về hình sự vẫn còn là một lĩnh vực hoạt động có nhiều điểm mới đối với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Việt Nam. Để nâng cao hiệu quả hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự, với vai trò là cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổng hợp lại các

vấn đề liên quan đến quy định pháp luật, thực tiễn vướng mắc và một số lưu ý trong quá trình thực hiện hoạt động này những năm gần đây để xây dựng cuốn “**Sổ tay công tác tương trợ tư pháp về hình sự**” làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các cán bộ đang trực tiếp làm công tác tương trợ tư pháp về hình sự.

Bố cục cuốn Sổ tay gồm:

Phần thứ nhất: Những vấn đề chung về tương trợ tư pháp hình sự

Phần thứ hai: Quy trình thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự

Phần thứ ba: Văn bản sử dụng trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự

Phần thứ tư: Danh sách các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự đang có hiệu lực

Phần thứ năm: Danh sách các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tiếp nhận yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự; ngôn ngữ sử dụng trong tương trợ tư pháp về hình sự.

Mặc dù tập thể tác giả đã rất cố gắng biên soạn cuốn Sổ tay này nhưng chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp, nhất là những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc giải quyết án có yếu tố nước ngoài và công tác tương trợ tư pháp về hình sự để cuốn Sổ tay hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trân trọng cảm ơn Tổ chức WCS, Chương trình Việt Nam đã hỗ trợ kỹ thuật và kinh phí xây dựng, xuất bản cuốn Sổ tay này.

Hà Nội, tháng 8 năm 2022

**VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ
VÀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ,
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**



DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

ANĐT	An ninh điều tra
BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
CQTW	Cơ quan trung ương
CSĐT	Cảnh sát điều tra
ĐUQT	Điều ước quốc tế
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
TTTP	Tương trợ tư pháp
TTTPHS	Tương trợ tư pháp về hình sự
QPPL	Quy phạm pháp luật
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
Vụ 13	Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

VỀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP HÌNH SỰ

1. Nguyên tắc tương trợ tư pháp về hình sự

Văn bản QPPL:

- BLTTHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (Điều 492);
- Luật TTTP năm 2007 (Điều 4).

Nội dung:

- Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và ĐUQT mà Việt Nam là thành viên.

- Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có ĐUQT về TTTP thì hoạt động TTTP được thực hiện trên nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật và tập quán quốc tế.

2. Phạm vi tương trợ tư pháp về hình sự

2.1. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định của pháp luật trong nước

Văn bản QPPL:

- BLTTHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (các Điều: 491, 495, 496, 497, 507 và 508);
- Luật TTTP năm 2007 (các Điều: 8, 17, 20, 24, 25, 26, 28, 29, 30);
- Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG ngày 16/8/2013 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự.

Phạm vi TTTPHS bao gồm:

- Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến TTTPHS.

Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể tổng đạt giấy triệu tập người làm chứng, người giám định, thông báo các quyết định tố tụng... cho đối tượng được nêu trong yêu cầu tương trợ.

- Triệu tập người làm chứng, người giám định.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Việt Nam hoặc của nước ngoài có thể triệu tập người làm chứng, người giám định để cung cấp chứng cứ hoặc hỗ trợ điều tra. Việc triệu tập phải bao gồm văn bản ghi rõ điều kiện làm chứng, giám định và cam kết về việc bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, điều kiện ăn ở, đi lại cho người làm chứng, người giám định. Người làm chứng, người giám định được triệu tập đến nước yêu cầu không bị giam giữ, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xét xử tại nước yêu cầu đối với hành vi được cho là xảy ra trước khi người này rời lãnh thổ của nước được yêu cầu.

Quyền không bị giam giữ, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xét xử của người làm chứng, người giám định chấm dứt nếu người đó không rời khỏi nước yêu cầu sau thời hạn 15 ngày hoặc theo thỏa thuận giữa hai cơ quan trung ương, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu về việc không cần sự có mặt của họ tại nước yêu cầu.

Người được triệu tập để cung cấp chứng cứ hoặc hỗ trợ điều tra có thể từ chối cung cấp chứng cứ nếu pháp luật của nước được yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh thổ của nước được yêu cầu; hoặc pháp luật của nước yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh thổ của nước yêu cầu.

Người được triệu tập để cung cấp chứng cứ hoặc hỗ trợ điều tra chỉ hỗ trợ trong phạm vi yêu cầu.

Người đồng ý cung cấp chứng cứ hay hỗ trợ điều tra sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự căn cứ vào lời khai của họ, trừ việc họ khai báo gian dối.

- Thu thập, cung cấp chứng cứ như lấy lời khai của người bị hại, người làm chứng, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, xác minh lý lịch, thu thập và cung cấp tài liệu...

- Dẫn giải người đang chấp hành hình phạt tù để cung cấp chứng cứ.

Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể yêu cầu nước ngoài dẫn giải người đang chấp hành hình phạt tù đến Việt Nam

để cung cấp chứng cứ; hoặc người đang chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam có thể được dẫn giải cho cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu để cung cấp chứng cứ trong vụ án hình sự tại nước yêu cầu.

Việc dẫn giải người đang chấp hành hình phạt tù để cung cấp chứng cứ đối với phía Việt Nam được thực hiện khi có đủ những điều kiện sau đây:

+ Người đó đồng ý với việc dẫn giải và cung cấp chứng cứ tại nước yêu cầu;

+ Cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu phải cam kết bằng văn bản về việc bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, điều kiện ăn ở, đi lại, thời hạn, phương thức tiếp nhận, trao trả và các điều kiện cụ thể khác liên quan đến việc dẫn giải do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Việt Nam đề nghị. Văn bản cam kết được lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế liên quan đến việc dẫn giải người đang chấp hành hình phạt tù để cung cấp chứng cứ. Việc trao trả lại người bị dẫn giải cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Việt Nam phải được thực hiện theo đúng thời hạn đã cam kết.

Thời gian mà người đang chấp hành hình phạt tù bị dẫn giải, lưu lại ở nước yêu cầu được tính vào thời hạn chấp hành hình phạt tù của người đó.

Khi người đang chấp hành hình phạt tù đang ở trên lãnh thổ của nước yêu cầu theo yêu cầu tương trợ thì người đó sẽ không bị giam giữ, truy tố, xét xử hay bị hạn chế tự do cá nhân nào khác tại nước yêu cầu, hoặc là đương sự trong bất cứ vụ án dân sự nào mà người đó có liên quan nếu người đó không ở tại nước yêu cầu đối

với bất kỳ hành vi nào xảy ra trước khi người này rời khỏi lãnh thổ nước được yêu cầu; người đó sẽ không bị yêu cầu phải cung cấp chứng cứ trong bất kỳ thủ tục tố tụng hoặc hỗ trợ cho bất kỳ hoạt động điều tra nào ngoài phạm vi thủ tục tố tụng hay việc điều tra đã nêu trong yêu cầu tương trợ nếu người đó không đồng ý.

Người đang chấp hành hình phạt tù đồng ý cung cấp chứng cứ sẽ không bị truy tố căn cứ vào lời khai của họ, trừ việc khai báo gian dối. Người này sẽ không phải chịu bất kỳ hình phạt hay biện pháp hạn chế tự do cá nhân nào vì từ chối cung cấp chứng cứ.

Khi nước được yêu cầu thông báo với nước yêu cầu rằng việc giam giữ người được chuyển giao không còn cần thiết nữa thì người đó sẽ được trả tự do và được đối xử như đối với người làm chứng khác.

- Truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với vụ án có người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam mà người đó đã trốn ra nước ngoài và Việt Nam đã yêu cầu dẫn độ nhưng cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài từ chối việc dẫn độ thì cơ quan đang thụ lý vụ án chuyển hồ sơ vụ án đến VKSNDTC để yêu cầu nước nơi người phạm tội đang có mặt tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự. Khi quyết định chuyển giao hồ sơ vụ án, VKSNDTC có thể chuyển giao cả vật chứng của vụ án.

Trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật TTTP và Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án, khi có đủ các điều kiện sau:

+ Người bị yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự là người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam, đang bị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Việt Nam điều tra, truy tố hoặc xét xử nhưng đã trốn khỏi Việt Nam đến nước mà người đó mang quốc tịch hoặc nước khác (nước mà người phạm tội đang có mặt);

+ Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã yêu cầu nước ngoài dẫn độ về Việt Nam, nhưng cơ quan có thẩm quyền của nước đó từ chối việc dẫn độ.

Đối với yêu cầu của nước ngoài đề nghị Việt Nam tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với công dân Việt Nam phạm tội ở nước ngoài hiện đang có mặt tại Việt Nam thì thực hiện theo quy định tại Điều 29 Luật TTTP, trình tự, thủ tục như sau:

+ Trường hợp vụ án trong giai đoạn điều tra và thuộc thẩm quyền của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì chuyển cho VKSND cấp tỉnh nơi công dân Việt Nam cư trú cuối cùng trước khi ra nước ngoài để yêu cầu CQĐT cùng cấp tiến hành điều tra; đối với vụ án thuộc thẩm quyền của CQĐT Bộ Công an thì chuyển cho CQĐT Bộ Công an để tiến hành điều tra;

+ Trường hợp vụ án trong giai đoạn truy tố và thuộc thẩm quyền của VKSND cấp tỉnh thì chuyển cho VKSND cấp tỉnh nơi công dân Việt Nam cư trú cuối cùng trước khi ra nước ngoài để tiến hành truy tố;

+ Việc điều tra, truy tố, xét xử đối với vụ án được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

- Trao đổi thông tin

Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài có thể cung cấp các thông tin liên quan đến yêu cầu TTTPHS hoặc bản sao bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật đối với công dân của nước yêu cầu.

2.2. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia

Văn bản QPPL:

- Hiệp định TTTPHS giữa Việt Nam với các nước: Hàn Quốc, Ấn Độ, Vương quốc Anh và Bắc Ailen, An-giê-ri, In-đô-nê-xi-a, Ô-xtrây-li-a, Pháp, Tây Ban Nha, Hung-ga-ri, Cam-pu-chia, Ca-dắc-xtan, Cu Ba, Mô-dăm-bích, Lào;
- Hiệp định TTTP điều chỉnh chung nhiều lĩnh vực giữa Việt Nam với các nước: Tiệp Khắc (nay Séc và Xlô-va-ki-a kế thừa), Nga, U-crai-na, Triều Tiên, Bun-ga-ri, Ba Lan, Trung Quốc, Mông Cổ, Bê-la-rút;
- Hiệp định TTTPHS giữa các nước ASEAN.

Phạm vi TTTPHS bao gồm:

- Nhận dạng hoặc xác định nơi ở của một người hoặc nơi có đồ vật.
- Thực hiện việc khám người hoặc khám xét địa điểm nhằm tìm kiếm và thu giữ giấy tờ, tài liệu, dữ liệu hoặc đồ vật được sử dụng làm chứng cứ.

- Truy tìm, kê biên, phong tỏa, thu giữ, tịch thu tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội.

Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng Việt Nam có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền nước ngoài hoặc cơ quan có thẩm quyền nước ngoài có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thực hiện các biện pháp nhằm truy tìm, kê biên, phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu tài sản có nguồn gốc hay có được trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua việc thực hiện tội phạm và công cụ, phương tiện được sử dụng hoặc có ý định sử dụng để thực hiện tội phạm. Khi áp dụng các biện pháp này, quyền lợi chính đáng của bên thứ ba ngay tình có liên quan sẽ được tôn trọng và bảo vệ theo pháp luật.

- Trả lại tài sản hoặc phân chia tài sản do phạm tội mà có.

Nước được yêu cầu có thể yêu cầu phân chia tài sản từ nước yêu cầu nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ của nước đó đã đem lại hoặc hứa hẹn sẽ đem lại thành công trong việc tịch thu tài sản. Khi phân chia tài sản, các quyền chính đáng của bên thứ ba ngay tình được tôn trọng.

- Cho phép người có thẩm quyền của nước yêu cầu có mặt khi thực hiện yêu cầu.

Người có thẩm quyền của nước yêu cầu có thể có mặt trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ và có thể đề xuất thêm các câu hỏi, tài liệu bổ sung để người có thẩm quyền tiến hành tố tụng của nước được yêu cầu thực hiện.

3. Từ chối hoặc hoãn thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự

3.1. Từ chối tương trợ

3.1.1. Từ chối tương trợ theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp

Văn bản QPPL:

Luật TTTP năm 2007 (Điều 21).

Trong hoạt động TTTPHS, phía Việt Nam từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ khi thuộc một trong những trường hợp sau:

- Không phù hợp với ĐUQT mà Việt Nam là thành viên, các quy định của pháp luật Việt Nam.
- Gây phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia.
- Liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một người về hành vi phạm tội mà người đó đã bị kết án, được tuyên không có tội hoặc được đại xá, đặc xá tại Việt Nam.
- Liên quan đến hành vi phạm tội đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS Việt Nam.
- Liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật nhưng không cấu thành tội phạm theo quy định của BLHS Việt Nam (nguyên tắc tội phạm kép).

3.1.2. Từ chối tương trợ theo quy định tại các Hiệp định giữa Việt Nam và nước ngoài

Văn bản QPPL:

- Hiệp định TTTPHS giữa Việt Nam với các nước: Hàn Quốc, Ấn Độ, Vương quốc Anh và Bắc Ailen, An-giê-ri, In-đô-nê-xi-a, Ô-xtrây-li-a, Pháp, Tây Ban Nha, Hung-ga-ri, Cam-pu-chia, Ca-dắc-xtan, Cu Ba, Mô-dăm-bích, Lào;

- Hiệp định TTTP điều chỉnh chung nhiều lĩnh vực giữa Việt Nam với các nước: Tiệp Khắc (nay Séc và Xlô-va-ki-a kế thừa), Nga, U-crai-na, Triều Tiên, Bun-ga-ri, Ba Lan, Trung Quốc, Mông Cổ, Bê-la-rút;

- Hiệp định TTTPHS giữa các nước ASEAN.

- Ngoài các trường hợp từ chối tương trợ theo quy định của Luật TTTP, Hiệp định mà Việt Nam đã ký với nước ngoài còn quy định một số điều kiện từ chối khác như:

+ Yêu cầu liên quan đến tội phạm mà nước được yêu cầu cho rằng đó là tội phạm quân sự.

+ Yêu cầu liên quan đến tội phạm mà nước được yêu cầu cho rằng đó là tội phạm có tính chất chính trị.

+ Khi nước được yêu cầu có đủ căn cứ cho rằng yêu cầu tương trợ được đưa ra nhằm truy tố hoặc trừng phạt một người vì lý do chủng tộc, giới tính, tôn giáo, quốc tịch hoặc chính kiến hay việc thực hiện yêu cầu tương trợ sẽ làm cho người đó bị thành kiến vì các lý do như vậy.

+ Khi nước yêu cầu không đảm bảo chắc chắn rằng án tử hình sẽ không được áp dụng hoặc có tuyên nhưng không thi hành đối với đối tượng của yêu cầu tương trợ.

- Bên cạnh đó, Hiệp định Việt Nam đã ký với các nước còn quy định một số điều kiện *có thể* từ chối như:

+ Yêu cầu tương trợ liên quan đến việc phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có hoặc tịch thu tài sản liên quan đến hành vi, hoạt động mà không thể làm căn cứ cho việc phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu tài sản đó ở nước được yêu cầu.

+ Việc tương trợ sẽ hoặc chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến sự an toàn của mọi người, bất kể người đó đang ở trong hay ngoài lãnh thổ của nước được yêu cầu.

+ Việc thực hiện tương trợ sẽ tạo ra gánh nặng tài chính quá mức đối với nguồn lực của nước được yêu cầu.

3.2. Hoàn thực hiện tương trợ

Nước được yêu cầu có thể hoàn thực hiện yêu cầu TTTP nếu việc thực hiện yêu cầu TTTP cản trở quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án tại nước được yêu cầu.

Trước khi từ chối hoặc hoãn tương trợ, nước được yêu cầu sẽ phải thông báo cho nước yêu cầu về lý do từ chối hoặc hoãn; trao đổi với nước yêu cầu để xác nhận khả năng thực hiện tương trợ với các điều kiện mà nước được yêu cầu cho là cần thiết. Nếu nước yêu cầu chấp nhận việc tương trợ với những điều kiện quy định này thì phải tuân thủ các điều kiện đó.

4. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

Văn bản QPPL:

- BLTTHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (Điều 493);
- Luật TTTP năm 2007 (từ Điều 61 đến Điều 70).

Theo quy định của Luật TTTP, thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết yêu cầu TTTPHS thuộc về các cơ quan:

4.1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao

VKSNDTC là CQTW, có trách nhiệm tiếp nhận, chuyển giao, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các yêu cầu TTTPHS; xem xét, quyết định việc thực hiện và yêu cầu VKSND hoặc CQĐT có thẩm quyền thực hiện TTTPHS; từ chối hoặc hoãn thực hiện TTTPHS theo thẩm quyền; hướng dẫn VKSND các cấp thực hiện TTTPHS để xuất việc ký kết, gia nhập và thực hiện ĐUQT về TTTP, kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về TTTP.

4.2. Bộ Công an

Bộ Công an có trách nhiệm thực hiện hoạt động TTTP theo thẩm quyền.

4.3. Bộ Ngoại giao

Bộ Ngoại giao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xem xét, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong quan hệ TTTP với nước hữu quan.

Theo đó, khi có yêu cầu TTTPHS với những nước Việt Nam chưa ký Hiệp định hoặc Việt Nam và nước đó không là thành viên của một ĐUQT đa phương thì VKSNDTC gửi hồ sơ yêu cầu TTTPHS do cơ quan có thẩm quyền lập, kèm theo cam kết thực hiện nguyên tắc có đi có lại đến Bộ Ngoại giao để Bộ Ngoại giao xem xét quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại.

4.4. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

VKSND cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện yêu cầu TTTP của nước ngoài theo quy định; tiến hành các hoạt động TTTP khác theo thẩm quyền; thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động TTTP theo thẩm quyền và báo cáo kết quả thực hiện TTTP cho VKSNDTC theo quy định.

4.5. Cơ quan điều tra

CQĐT có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ TTTPHS từ cơ quan có thẩm quyền chuyển đến; tiến hành các hoạt động TTTPHS theo quy định của Luật TTTP và các quy định khác của pháp luật có liên quan; báo cáo kết quả thực hiện TTTPHS cho cơ quan có thẩm quyền.

4.6. Tòa án nhân dân cấp tỉnh

TAND cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện yêu cầu TTTP của nước ngoài theo quy định; tiến hành các hoạt động TTTP khác theo thẩm quyền.

5. Ngôn ngữ sử dụng trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự

Văn bản QPPL:

- Luật TTTP năm 2007 (Điều 5);
- Hiệp định TTTPHS giữa Việt Nam với các nước: Hàn Quốc, Ấn Độ, Vương quốc Anh và Bắc Ailen, An-giê-ri, In-đô-nê-xi-a, Ô-xtrây-li-a, Pháp, Tây Ban Nha, Hung-ga-ri, Cam-pu-chia, Ca-dắc-xtan, Cu Ba, Mô-dăm-bích, Lào;

- Hiệp định TTTP điều chỉnh chung nhiều lĩnh vực giữa Việt Nam với các nước: Tiệp Khắc (nay Séc và Xlô-va-ki-a kế thừa), Nga, U-crai-na, Triều Tiên, Bun-ga-ri, Ba Lan, Trung Quốc, Mông Cổ, Bê-la-rút;
- Hiệp định TTTPHS giữa các nước ASEAN.

Cơ quan lập hồ sơ yêu cầu TTTP phải dịch hồ sơ ra ngôn ngữ được quy định trong ĐUQT về TTTP mà Việt Nam và nước ngoài đã ký kết. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có ĐUQT về TTTP thì hồ sơ phải kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc dịch ra ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu chấp nhận.

6. Chi phí thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự

Văn bản QPPL:

- Luật TTTP năm 2007 (Điều 31);
- Hiệp định TTTPHS giữa Việt Nam với các nước: Hàn Quốc, Ấn Độ, Vương quốc Anh và Bắc Ailen, An-giê-ri, In-đô-nê-xi-a, Ô-xtrây-li-a, Pháp, Tây Ban Nha, Hung-ga-ri, Cam-pu-chia, Ca-dắc-xtan, Cu Ba, Mô-dăm-bích, Lào;
- Hiệp định TTTP điều chỉnh chung nhiều lĩnh vực giữa Việt Nam với các nước: Tiệp Khắc (nay Séc và Xlô-va-ki-a kế thừa), Nga, U-crai-na, Triều Tiên, Bun-ga-ri, Ba Lan, Trung Quốc, Mông Cổ, Bê-la-rút;
- Hiệp định TTTPHS giữa các nước ASEAN.

Theo quy định của Luật TTTP, chi phí thực hiện TTTPHS

giữa Việt Nam với nước ngoài do nước yêu cầu chi trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Tuy nhiên, theo thông lệ quốc tế và quy định của các Hiệp định TTTPHS mà Việt Nam đã ký với các nước thì nước được yêu cầu phải chịu mọi chi phí thực hiện yêu cầu tương trợ, trừ một số chi phí nhất định mang tính đặc thù như:

- Chi phí liên quan đến việc chuyên chở người đến hoặc đi từ lãnh thổ của nước được yêu cầu và sinh hoạt phí, thù lao và các chi phí phải trả cho người đó trong thời gian có mặt tại lãnh thổ nước yêu cầu theo yêu cầu tương trợ.

- Chi phí liên quan đến việc chuyên chở nhân viên dẫn giải hoặc hộ tống.

- Chi phí trưng cầu giám định.

- Chi phí liên quan đến việc phiên dịch, biên dịch tài liệu và thu thập chứng cứ qua cầu truyền hình hoặc các phương tiện kỹ thuật khác từ nước được yêu cầu đến nước yêu cầu.

- Chi phí bất thường phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ khi nước được yêu cầu đề nghị.

PHẦN THỨ HAI

QUY TRÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

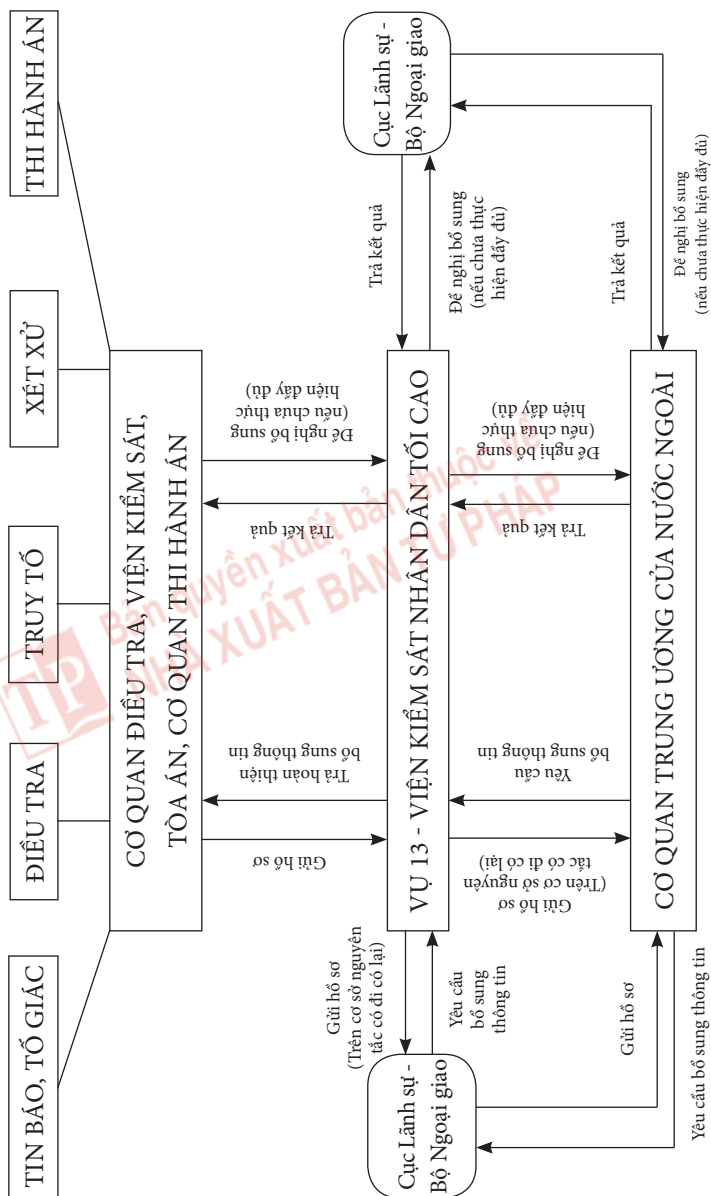
1. Quy trình yêu cầu nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự

Văn bản QPPL:

- BLTTHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (Điều 497);
- Luật TTTP năm 2007 (các Điều: 20, 22, 26, 27, 28);
- Hiệp định TTTPHS giữa Việt Nam với các nước: Hàn Quốc, Ấn Độ, Vương quốc Anh và Bắc Ailen, An-giê-ri, In-đô-nê-xi-a, Ô-xtrây-li-a, Pháp, Tây Ban Nha, Hung-ga-ri, Cam-pu-chia, Ca-đắc-xtan, Cu Ba, Mô-dam-bích, Lào;
- Hiệp định TTTP điều chỉnh chung nhiều lĩnh vực giữa Việt Nam với các nước: Tiệp Khắc (nay Séc và Xlô-va-ki-a kế thừa), Nga, U-crai-na, Triều Tiên, Bun-ga-ri, Ba Lan, Trung Quốc, Mông Cổ, Bê-la-rút;
- Hiệp định TTTPHS giữa các nước ASEAN;
- Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG ngày 16/8/2013 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự.

Các bước thực hiện:

TÓM TẮT QUY TRÌNH



1.1. Hồ sơ tương trợ tư pháp về hình sự

- Hồ sơ TTTPHS phải có các tài liệu sau đây:

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu TTTPHS gửi VKSNDTC;

+ Văn bản yêu cầu TTTPHS gửi cho CQTW của nước ngoài.

- Văn bản yêu cầu TTTPHS gửi cho CQTW của nước ngoài phải có các nội dung sau đây:

+ Tên, địa chỉ cơ quan yêu cầu TTTP;

+ Tên của cơ quan được yêu cầu TTTP;

+ Họ, tên, địa chỉ nơi thường trú hoặc nơi làm việc của cá nhân, tên đầy đủ, địa chỉ hoặc văn phòng chính của cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến yêu cầu TTTPHS;

+ Nội dung công việc được yêu cầu tương trợ phải nêu rõ mục đích tương trợ; tóm tắt nội dung vụ án, các tình tiết liên quan, trích dẫn điều luật và hình phạt có thể được áp dụng; tiến độ điều tra, truy tố, xét xử; thời hạn thực hiện yêu cầu TTTP.

- Ngoài những nội dung quy định trên, tùy từng trường hợp cụ thể, theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài, văn bản yêu cầu TTTPHS có thể có các nội dung sau đây:

+ Đặc điểm nhận dạng, quốc tịch và nơi ở của đối tượng trong vụ án hình sự hoặc những người có thông tin liên quan đến vụ án đó;

+ Vấn đề cần thẩm vấn, câu hỏi đặt ra, tài liệu, hồ sơ hoặc vật

chúng được đưa ra và nếu có thể thì mô tả đặc điểm, hình dạng người được yêu cầu xuất trình tài liệu, hồ sơ, vật chứng đối với yêu cầu thu thập chứng cứ;

+ Nội dung công việc, câu hỏi, yêu cầu đối với người làm chứng, người giám định được triệu tập;

+ Mô tả về tài sản và nơi có tài sản cần tìm; căn cứ để xác định tài sản do phạm tội mà có đang có tại nước yêu cầu và có thể thuộc quyền tài phán của nước yêu cầu; việc thực hiện bản án, quyết định của Tòa án đối với yêu cầu về khám xét, thu giữ hoặc truy tìm, tịch thu tài sản do phạm tội mà có;

+ Biện pháp cần áp dụng đối với yêu cầu TTTPHS có thể dẫn đến việc phát hiện hoặc thu hồi tài sản do phạm tội mà có;

+ Yêu cầu hoặc thủ tục của nước yêu cầu để đảm bảo thực hiện có hiệu quả yêu cầu tương trợ, cách thức hoặc hình thức cung cấp thông tin, chứng cứ, tài liệu, đồ vật;

+ Yêu cầu về bảo mật;

+ Mục đích, dự định thời gian và lịch trình chuyển đi trong trường hợp người có thẩm quyền của nước yêu cầu cần phải đến lãnh thổ của nước được yêu cầu vì mục đích liên quan đến yêu cầu tương trợ;

+ Bản án, quyết định hình sự của Tòa án và tài liệu, chứng cứ hoặc thông tin khác cần thiết cho việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

Trường hợp thông tin nêu trong văn bản yêu cầu TTTPHS nêu trên không đủ để thực hiện yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu có thể đề nghị bằng văn bản với nước yêu

cầu cung cấp thông tin bổ sung và ấn định thời hạn cụ thể trả lời kết quả bổ sung. Việc trao đổi thông tin thực hiện qua CQTW là Vụ 13 - VKSNDTC.

Hồ sơ yêu cầu TTTPHS được lập thành ba (03) bộ theo quy định của Luật TTTP và phù hợp với pháp luật của nước được yêu cầu. Ngôn ngữ sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu TTTP thực hiện theo Điều 5 Luật TTTP. Giấy tờ, tài liệu TTTPHS do cơ quan có thẩm quyền lập, chuyển giao qua CQTW không cần chứng nhận, chứng thực.

1.2. Lập, gửi hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp

Yêu cầu TTTPHS của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng Việt Nam gửi đến các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài được thực hiện theo quy định của Luật TTTP và quy trình sau:

1.2.1. Lập, gửi yêu cầu, bổ sung thông tin yêu cầu

- Quá trình giải quyết vụ án hình sự ngay từ giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, nếu thấy cần thiết phải thu thập chứng cứ, tài liệu từ nước ngoài, VKSND có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần chủ động yêu cầu, phối hợp với CQĐT lập hồ sơ yêu cầu TTTPHS theo quy định tại Luật TTTP.

- Trước khi lập yêu cầu, nếu thấy cần thiết thì cơ quan lập yêu cầu liên hệ với Vụ 13 - VKSNDTC để được hướng dẫn về cách thức lập yêu cầu.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Vụ 13 - VKSNDTC vào sổ thụ lý, kiểm tra tính hợp lệ

theo quy định của Luật TTTP hoặc theo ĐUQT về TTTPHS mà Việt Nam là thành viên và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đề nghị hỗ trợ thực hiện. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Vụ 13 - VKSNDTC trả lại cho cơ quan lập yêu cầu, nêu rõ lý do, đề nghị bổ sung thông tin hoặc hướng dẫn lập lại yêu cầu.

- Trường hợp theo quy định của pháp luật nước yêu cầu và khi có đề nghị, Vụ 13 - VKSNDTC trực tiếp lập yêu cầu gửi nước ngoài. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan phải cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho Vụ 13 - VKSNDTC để thực hiện việc lập yêu cầu.

- Trường hợp sau khi đã gửi yêu cầu mà nhận thấy việc đề nghị nước ngoài thực hiện tương trợ không còn cần thiết, cơ quan lập yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho Vụ 13 - VKSNDTC để thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nước được yêu cầu về việc dừng đề nghị thực hiện tương trợ.

1.2.2. Phối hợp trao đổi, bổ sung thông tin, đôn đốc nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp của Việt Nam

- Khi nước được yêu cầu đề nghị, trên cơ sở thông báo của Vụ 13 - VKSNDTC, cơ quan lập yêu cầu có văn bản bổ sung, làm rõ thông tin về nội dung vụ việc liên quan đến yêu cầu gửi Vụ 13 - VKSNDTC để thực hiện bổ sung, làm rõ thông tin cho nước được yêu cầu.

- Trong trường hợp cần thiết, Vụ 13 - VKSNDTC chủ trì, phối hợp với cơ quan lập yêu cầu và cơ quan có thẩm quyền khác thống nhất nội dung thông tin cần bổ sung, làm rõ.

- Sau khi gửi yêu cầu cho nước ngoài, Vụ 13 - VKSNDTC rà soát hoặc trên cơ sở đề nghị của cơ quan lập yêu cầu, có văn bản đôn đốc, đề nghị nước ngoài cung cấp kết quả hoặc tiến độ thực hiện tương trợ; đồng thời thông báo cho cơ quan lập yêu cầu về việc đã thực hiện đôn đốc.

1.2.3. Xử lý kết quả tương trợ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện cho Việt Nam

Khi nhận được kết quả tương trợ của nước ngoài, Vụ 13 - VKSNDTC kiểm tra, rà soát nội dung trả lời của phía nước ngoài, yêu cầu nước ngoài tiếp tục bổ sung trong trường hợp kết quả tương trợ chưa đầy đủ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Vụ 13 - VKSNDTC chuyển trả kết quả cho cơ quan đã lập hồ sơ yêu cầu.

Trường hợp kết quả tương trợ chưa được dịch ra tiếng Việt, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã lập hồ sơ yêu cầu TTTP gửi ra nước ngoài chịu trách nhiệm dịch kết quả thực hiện tương trợ ra tiếng Việt, kiểm tra nội dung trả lời của phía nước ngoài đã đầy đủ và chính xác so với các nội dung đề nghị thực hiện tương trợ hay chưa. Trường hợp chưa đầy đủ và nếu thấy cần thiết yêu cầu nước ngoài thực hiện tương trợ thì có văn bản thông báo để Vụ 13 - VKSNDTC tiếp tục đề nghị nước ngoài thực hiện các nội dung tương trợ còn lại hoặc đề nghị nước ngoài thông báo lý do không thực hiện được.

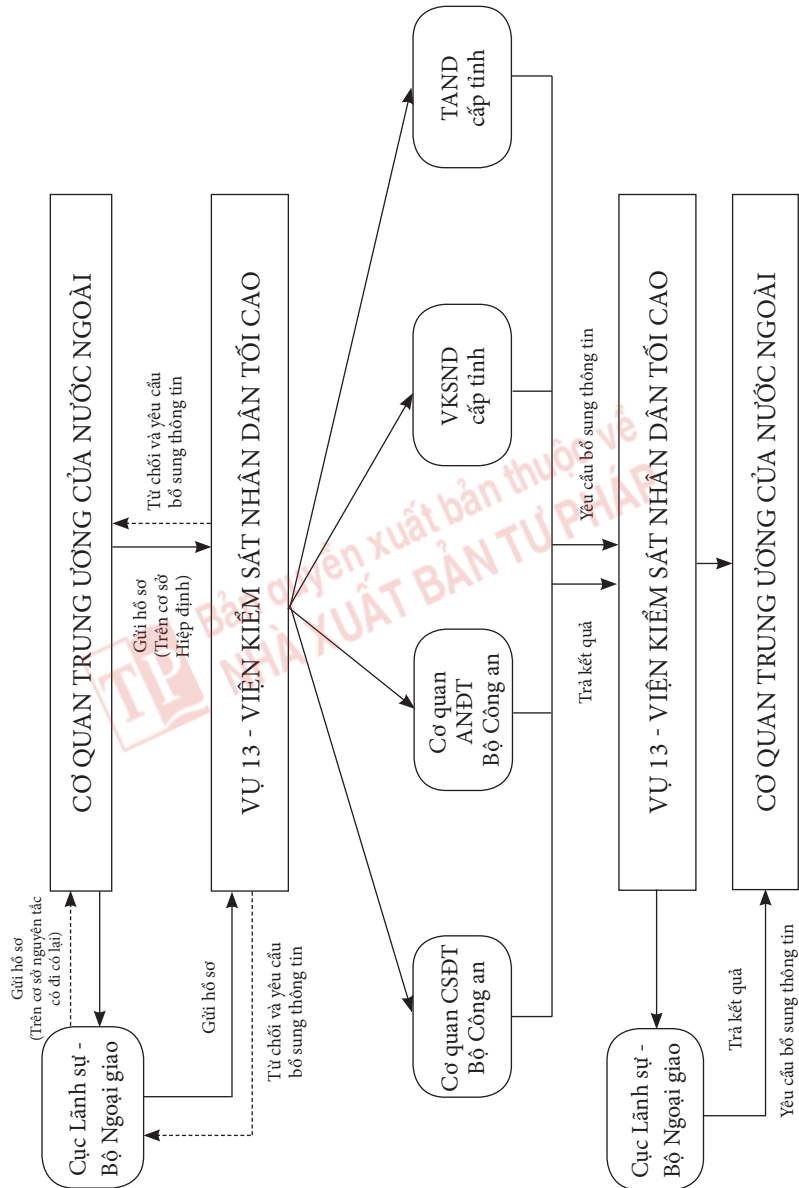
Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng gửi cho Vụ 13 - VKSNDTC một bản dịch kết quả tương trợ để quản lý theo quy định.

2. Quy trình thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài

Văn bản QPPL:

- BLTTHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (áp dụng như giải quyết vụ án hình sự trong nước);
- Luật TTTP năm 2007 (các Điều: 23, 24, 25, 26, 27, 29, 30);
- Hiệp định TTTPHS giữa Việt Nam với các nước: Hàn Quốc, Ấn Độ, Vương quốc Anh và Bắc Ailen, An-giê-ri, In-đô-nê-xi-a, Ô-xtrây-li-a, Pháp, Tây Ban Nha, Hung-ga-ri, Cam-pu-chia, Ca-dắc-xtan, Cu Ba, Mô-dăm-bích, Lào;
- Hiệp định TTTP điều chỉnh chung nhiều lĩnh vực giữa Việt Nam với các nước: Tiệp Khắc (nay Séc và Xlô-va-ki-a kế thừa), Nga, U-crai-na, Triều Tiên, Bun-ga-ri, Ba Lan, Trung Quốc, Mông Cổ, Bê-la-rút;
- Hiệp định TTTPHS giữa các nước ASEAN.

Các bước thực hiện:



2.1. Trình tự, thủ tục tiếp nhận và thực hiện yêu cầu

Khi nhận được yêu cầu TTTPHS của nước ngoài gửi đến, Vụ 13 - VKSNDTC sẽ tổ chức dịch, nghiên cứu, phân loại và giải quyết như sau:

- Nếu thuộc thẩm quyền của Cơ quan CSĐT Bộ Công an, Vụ 13 - VKSNDTC chuyển yêu cầu tương trợ đến Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an để tổ chức thực hiện; đồng thời gửi Vụ nghiệp vụ thuộc VKSNDTC có liên quan để theo dõi và thực hiện chức năng kiểm sát điều tra theo thẩm quyền.

- Nếu thuộc thẩm quyền của Cơ quan ANĐT Bộ Công an, Vụ 13 - VKSNDTC chuyển đến Cơ quan ANĐT Bộ Công an để thực hiện yêu cầu tương trợ; đồng thời gửi Vụ nghiệp vụ thuộc VKSNDTC có liên quan để theo dõi và thực hiện chức năng kiểm sát điều tra theo thẩm quyền.

- Nếu thuộc thẩm quyền giải quyết của VKSND cấp tỉnh, Vụ 13 - VKSNDTC chuyển đến VKSND cấp tỉnh nơi công dân Việt Nam nêu trong yêu cầu TTTPHS cư trú cuối cùng trước khi ra nước ngoài để thực hiện yêu cầu tương trợ.

- Nếu thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp tỉnh, Vụ 13 - VKSNDTC chuyển đến TAND cấp tỉnh nơi có địa chỉ của công dân Việt Nam nêu trong yêu cầu TTTPHS để thực hiện yêu cầu tương trợ; đồng thời gửi VKSND cùng cấp để theo dõi và thực hiện chức năng kiểm sát điều tra theo thẩm quyền.

- Trường hợp yêu cầu TTTP không thực hiện được hoặc quá thời hạn mà nước ngoài yêu cầu hoặc cần bổ sung thông tin, tài liệu liên quan thì các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng

phải thông báo bằng văn bản cho Vụ 13 - VKSNDTC để thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu.

2.2. Xử lý kết quả thực hiện yêu cầu cho nước ngoài

Kết quả thực hiện các yêu cầu TTTPHS của các đơn vị thuộc Cơ quan CSĐT Bộ Công an, Cơ quan ANĐT Bộ Công an, CQĐT cấp tỉnh, VKSND cấp tỉnh, TAND cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị hữu quan được gửi trực tiếp đến Vụ 13 - VKSNDTC để làm thủ tục chuyển trả phía nước ngoài. Khi chuyển kết quả thực hiện yêu cầu cho phía nước ngoài, Vụ 13 - VKSNDTC đồng thời thông báo cho đơn vị nghiệp vụ thuộc VKSNDTC, VKSND cấp tỉnh có liên quan để biết, theo dõi và phối hợp trong trường hợp cần thiết.

3. Một số vấn đề cần lưu ý

3.1. Cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp hình sự, phân biệt với các kênh liên hệ khác

Theo quy định của Luật TTTP và các Hiệp định TTTPHS Việt Nam đã ký thì CQTW tiếp nhận các yêu cầu TTTPHS là VKSNDTC.

Tại VKSNDTC, đơn vị tiếp nhận, giải quyết yêu cầu TTTPHS là Vụ 13.

Địa chỉ:

Vụ 13 - VKSNDTC

Số 9 phố Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 38 255 058, máy lẻ 810021 hoặc 810050.

Fax: 024 39 361 531.

Thư điện tử: ttp_mla@vks.gov.vn

Trong thực tiễn, một số cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng vẫn còn lúng túng trong cách thức gửi yêu cầu tương trợ; không gửi yêu cầu tương trợ qua CQTW theo quy định của Luật TTTP là VKSNDTC mà gửi tới Văn phòng Interpol Việt Nam, Sở Ngoại vụ, Cục Lãnh sự, Đại sứ quán hoặc cơ quan lãnh sự các nước tại Việt Nam hoặc gửi trực tiếp tới các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Đó là các yêu cầu tương trợ không tuân thủ đúng các quy trình, không phải là tương trợ chính thức nên nhiều yêu cầu không có kết quả. Việc gửi qua các kênh khác làm kéo dài thời gian chuyển hồ sơ, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết yêu cầu TTTPHS. Trong khi đó, VKSNDTC không nắm được thông tin để liên hệ, đôn đốc tiến độ thực hiện đối với CQTW của nước ngoài.

Bên cạnh kênh TTTPHS còn có các kênh hợp tác quốc tế khác có tính bổ trợ trong quá trình giải quyết các vụ việc hình sự. Đây là kênh hợp tác trực tiếp giữa các cơ quan thực thi pháp luật các nước ở các cấp độ khác nhau, bao gồm (nhưng không giới hạn) hợp tác thông qua các mạng lưới cơ quan thực thi pháp luật như Interpol, Aseanpol, Europol, các mạng lưới liên cơ quan thu hồi tài sản (ARIN-AP, ARIN-WCA...), mạng lưới các cơ quan tư pháp khu vực ASEAN (SEAJust), hợp tác trực tiếp giữa các cơ quan pháp luật như cảnh sát, hải quan, thuế vụ, biên phòng, đơn vị tình báo tài chính (FIU)... So với các kênh hợp tác này, TTTPHS (với vai trò là kênh hợp tác chính thức) có những khác biệt sau:

- *Thứ nhất*, về cấp độ hợp tác: TTTPHS là kênh hợp tác ở cấp độ nhà nước. Theo đó, một yêu cầu TTTPHS được đưa ra sẽ

nhân danh, đại diện Nhà nước này đề nghị Nhà nước kia thực hiện tương trợ. Cấp độ này, trong nhiều trường hợp còn thể hiện rõ hơn, khi một số quốc gia đòi hỏi CQTW của bên yêu cầu phải trực tiếp lập yêu cầu TTTPHS hoặc yêu cầu tương trợ phải được gửi qua kênh ngoại giao, kể cả khi yêu cầu tương trợ đó được lập trên cơ sở ĐUQT. Trong khi đó, các kênh hợp tác quốc tế khác phần lớn thuộc cấp độ bộ, ngành (như hợp tác cảnh sát - cảnh sát, hải quan - hải quan...), nhưng nhiều trường hợp còn ở cấp độ đơn vị chuyên trách thuộc bộ, ngành, thậm chí ở cấp độ cá nhân các cán bộ thực thi pháp luật (như hợp tác thông qua SEAJust, ARIN-AP...).

- *Thứ hai*, về chủ thể hợp tác: Trong hoạt động TTTPHS, các quốc gia phải chỉ định một CQTW để đại diện cho quốc gia mình trong hoạt động này. Tùy thuộc vào mô hình bộ máy nhà nước và quy định của pháp luật mà các quốc gia chỉ định một cơ quan cấp bộ phù hợp để thực hiện nhiệm vụ CQTW. Các CQTW về TTTPHS thường là Cơ quan Tổng chương lý, Bộ Nội vụ, Cơ quan Công tố tối cao, Bộ Tư pháp... Mọi hoạt động TTTPHS, từ việc gửi, tiếp nhận, liên hệ đôn đốc thực hiện tương trợ, đều phải thông qua các CQTW. Trong khi đó, đối với các kênh hợp tác quốc tế khác, các cơ quan thực thi pháp luật liên hệ trực tiếp với nhau để đề nghị thực hiện hợp tác. Cơ quan được đề nghị hợp tác cũng chủ động thực hiện đáp ứng các đề nghị hợp tác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và chuyển kết quả hợp tác cho cơ quan yêu cầu.

- *Thứ ba*, về thời điểm hợp tác: Các kênh hợp tác quốc tế khác thường được triển khai ở giai đoạn xác minh ban đầu làm rõ dấu hiệu tội phạm để từ đó phân loại tài liệu, định hướng điều tra và

quyết định mở cuộc điều tra hình sự chính thức. Kênh TTTPHS được triển khai ở tất cả các giai đoạn tố tụng hình sự, ngay từ giai đoạn giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

- *Thứ tư*, về giá trị của kết quả hợp tác: Thông tin, tài liệu hay kết quả hợp tác thông qua các kênh hợp tác quốc tế khác có giá trị xác minh ban đầu, nhằm xác lập đủ thông tin, tài liệu để tiến hành hoặc mở rộng các cuộc điều tra chính thức. Trong nhiều trường hợp, kết quả của hoạt động hợp tác qua các kênh này là tiền đề để triển khai hoạt động TTTPHS. Trong khi đó, mục đích của TTTPHS là thu thập chứng cứ, phục vụ quá trình tố tụng nhằm điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

3.2. Thời hạn trong việc lập, giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

Thực tiễn cho thấy, việc triển khai thực hiện các yêu cầu TTTPHS thường mất nhiều thời gian, trong khi việc giải quyết các vụ án hình sự phải tuân thủ thời hạn luật định. Việc chậm có kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Nguyên nhân là do Luật TTTP và các Hiệp định mà Việt Nam đã ký với các nước không quy định thời hạn giải quyết yêu cầu TTTPHS. Một số yêu cầu tương trợ không có đầy đủ thông tin, phải chuyển đi chuyển lại nhiều lần qua đường công văn để bổ sung thông tin. Các bản dịch trong các hồ sơ yêu cầu TTTP, yêu cầu TTTP đối với công dân Việt Nam hoặc nước ngoài một số trường hợp không rõ ràng, chính xác về tên tuổi, địa chỉ, nơi cư trú... cũng gây ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện TTTP.

Vì vậy, trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự có yếu tố

nước ngoài, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Quá trình giải quyết vụ án hình sự ngay từ giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, nếu thấy cần thiết phải thu thập chứng cứ, tài liệu từ nước ngoài, cần chủ động, kịp thời lập hồ sơ yêu cầu TTTPHS theo quy định của pháp luật gửi đến Vụ 13 - VKSNDTC.

- Quy trình lập hồ sơ tiến hành theo quy định của Luật TTTP; nếu cần hướng dẫn thì liên hệ với CQTW (Vụ 13 - VKSNDTC) để tránh phải lập lại hồ sơ nhiều lần.

- Hồ sơ cần ghi rõ thời hạn mong muốn nhận được kết quả tương trợ. Cần đề ra thời hạn hợp lý để phía nước ngoài có thể thực hiện được; tránh tình trạng sắp hết thời hạn điều tra vụ án hình sự mới lập yêu cầu gửi đi và đề nghị phía nước ngoài thực hiện và cung cấp kết quả trong thời hạn quá ngắn.

Đối với việc tiếp nhận, giải quyết yêu cầu TTTPHS của nước ngoài cần thực hiện nhanh, tốt nhất là trong thời hạn do phía nước ngoài đề nghị. Theo nguyên tắc có đi có lại, việc thực hiện nhanh, đầy đủ các yêu cầu của nước ngoài cũng là điều kiện để phía nước ngoài thực hiện yêu cầu TTTPHS của ta khi có phát sinh.

3.3. Nội dung và hình thức của yêu cầu tương trợ

- Nội dung hồ sơ yêu cầu TTTPHS thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 18, 19 Luật TTTP, Hiệp định TTTP giữa Việt Nam với các nước và Mẫu văn bản yêu cầu TTTPHS theo hướng dẫn của Vụ 13 - VKSNDTC. Văn bản yêu cầu TTTPHS cần nêu rõ mục đích, nội dung các hoạt động tương trợ cần thực hiện; sự cần thiết phải thực hiện tương trợ để phục vụ quá trình

điều tra, truy tố, xét xử vụ án tại Việt Nam. Cần chú ý mô tả cụ thể nội dung vụ án, các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội; trích dẫn đầy đủ nội dung điều luật và hình phạt để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện tương trợ cho Việt Nam trong trường hợp có sự khác nhau về tội danh trong pháp luật giữa nước ta và các nước; tư cách tố tụng của các cá nhân được yêu cầu lấy lời khai; nêu rõ thời hạn mong muốn có kết quả thực hiện tương trợ. Trường hợp đề nghị thực hiện nhiều nội dung tương trợ khác nhau thì cần mô tả chi tiết từng loại yêu cầu tương trợ.

- Về căn cứ pháp lý: Ghi rõ văn bản pháp lý mà dựa vào đó hai nước thực hiện tương trợ cho nhau hoặc căn cứ nguyên tắc có đi có lại (trong trường hợp Việt Nam và nước được yêu cầu chưa ký Hiệp định TTTPHS). Trong trường hợp có Hiệp định hay không có Hiệp định thì cũng bao gồm cả căn cứ pháp lý là Luật TTTP năm 2007 của Việt Nam (Ví dụ: “Hiệp định TTTP...; Luật TTTP năm 2007 của Việt Nam”; hoặc “Nguyên tắc có đi có lại; Luật TTTP năm 2007 của Việt Nam”).

- Theo quy định của pháp luật một số quốc gia, vùng lãnh thổ như In-đô-nê-xi-a, Hồng Kông (Trung Quốc), Xinh-ga-po... thì yêu cầu TTTP phải do CQTW của nước yêu cầu lập. Do vậy, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lập hồ sơ yêu cầu TTTPHS đề nghị nước ngoài thực hiện cần cung cấp đầy đủ thông tin để Vụ 13 - VKSNDTC có thể lập yêu cầu TTTP theo mẫu mà pháp luật nước được yêu cầu quy định.

- Đối với yêu cầu TTTP gửi đi Đài Loan: (1) trong văn bản yêu cầu tương trợ không có nội dung thể hiện là “Trung Quốc”,

chỉ ghi là “Vùng lãnh thổ Đài Loan”; (2) mục “Quốc tịch” ghi là “Người Đài Loan”; (3) hồ sơ kèm theo bản dịch sang tiếng Trung Quốc phần thể.

- Đối với yêu cầu TTTP gửi đi Trung Quốc: (1) nêu rõ họ tên, địa chỉ bằng tiếng Trung Quốc và các thông tin nhân thân khác của bị can và đối tượng liên quan đến việc thực hiện nội dung tương trợ; (2) trích dẫn toàn bộ nội dung của điều luật quy định về tội danh và hình phạt có thể áp dụng trong vụ án; (3) cung cấp bản sao hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc các giấy tờ khác thể hiện thông tin nhân thân của cá nhân liên quan đến yêu cầu. Trong trường hợp không thu thập được những giấy tờ đó, cần nêu rõ trong văn bản yêu cầu tương trợ để tránh việc phía Trung Quốc gửi lại yêu cầu bổ sung những tài liệu này. Hồ sơ kèm theo bản dịch sang tiếng Trung Quốc gián thể.

- Trường hợp cần thiết đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài giữ bí mật nội dung và việc thực hiện yêu cầu TTTP thì cần ghi rõ trong văn bản TTTP; không đóng dấu các mức độ mật vào hồ sơ yêu cầu TTTP gửi đi nước ngoài.

- Hồ sơ yêu cầu TTTPHS lập thành 03 bộ, kèm theo bản dịch đảm bảo chất lượng theo quy định tại Điều 5 Luật TTTP, gửi Vụ 13 - VKSNDTC để kiểm tra tính hợp lệ và làm thủ tục chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện.

- Trường hợp nước ngoài đề nghị bổ sung, làm rõ thông tin liên quan đến yêu cầu, khi gửi văn bản bổ sung thông tin cho Vụ 13 - VKSNDTC, cơ quan lập yêu cầu phải gửi kèm theo bản dịch sang tiếng nước ngoài.

3.4. Yêu cầu liên quan đến xác minh nhân thân, tiền án, tiền sự

Đối với hoạt động thu thập thông tin nhân thân, xác minh lý lịch của bị can là người nước ngoài, trong các vụ án cụ thể đề nghị phía nước ngoài thực hiện mà không có kết quả tương trợ, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể sử dụng các biện pháp khác đã được các cơ quan tư pháp trung ương thống nhất để thu thập thông tin nhân thân, lý lịch của bị can, bị cáo, đó là:

- Sử dụng giấy tờ tùy thân của bị can để xác định, bao gồm hộ chiếu, thẻ căn cước hay giấy tờ, tài liệu khác để xác định nhân thân bị can.

- Có văn bản đề nghị cơ quan Tổng lãnh sự, Đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam cung cấp, xác định tài liệu, thông tin về lý lịch của bị can là công dân nước đó (có thể đề nghị thông qua Sở Ngoại vụ ở địa phương mình).

- Trực tiếp liên hệ thông qua kênh hợp tác cảnh sát - cảnh sát, Văn phòng Interpol đề nghị cảnh sát nước có công dân đang là bị can ở Việt Nam để thu thập lý lịch của bị can.

- Trường hợp đã thực hiện các biện pháp trên nhưng không thu thập được thông tin, tài liệu về lý lịch của bị can, thì căn cứ vào lời khai của bị can để xác định nhân thân, lai lịch của bị can.

3.5. Yêu cầu liên quan đến thu hồi tài sản

Hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đặc biệt là tài sản tham nhũng, là vấn đề ngày càng được các quốc gia cũng như cộng đồng quốc tế rất quan tâm. Để thu hồi được tài sản, các

quốc gia cần hợp tác với nhau thông qua kênh hợp tác chính thức là TTTPHS.

Khoản 2 Điều 91 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định: VKSNDTC là CQTW về hợp tác quốc tế thu hồi tài sản tham nhũng trong tố tụng hình sự; tiếp nhận, xử lý yêu cầu TTTPHS của nước ngoài về thu hồi tài sản tham nhũng và đề nghị nước ngoài thực hiện yêu cầu TTTPHS về thu hồi tài sản tham nhũng của Việt Nam. Tuy nhiên, do pháp luật chưa quy định cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền nên còn nhiều vướng mắc cho việc thực hiện kê biên, phong tỏa, tịch thu, trả lại tài sản do phạm tội mà có theo yêu cầu TTTP của nước ngoài. Đã có nhiều yêu cầu TTTP của Việt Nam gửi đề nghị nước ngoài thu hồi, trả lại tài sản cho Nhà nước Việt Nam. Thực tiễn cho thấy, sau khi gửi yêu cầu đi, nước được yêu cầu thường đề nghị Việt Nam phải bổ sung thông tin, giải thích về pháp luật tố tụng, thực hiện các thủ tục tố tụng, đưa ra các nội dung cam kết và cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu. Quá trình đáp ứng những yêu cầu trên gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do thiếu cơ sở pháp lý cũng như để xác định cụ thể trình tự, thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong nước đáp ứng những yêu cầu trên. Đây là thực trạng chung trên thế giới hiện nay vì đây là loại hình TTTP phức tạp, có độ khó cao, tính hiệu quả phụ thuộc nhiều vào chuẩn mực pháp lý và thiện chí hợp tác của nước được yêu cầu.

Vì vậy, nhằm tránh việc phải bổ sung thông tin nhiều lần cho nước ngoài, quá trình lập yêu cầu tương trợ, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần lưu ý những nội dung sau:

- Mô tả về tài sản và nơi có tài sản cần tìm; căn cứ để xác định tài sản do phạm tội mà có đang có tại nước ngoài và có thể thuộc quyền tài phán của nước ngoài; việc thực hiện các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền đối với yêu cầu về khám xét, thu giữ hoặc truy tìm, tịch thu tài sản do phạm tội mà có.

- Mối liên hệ giữa tài sản bị yêu cầu tịch thu và hành vi phạm tội: đưa ra chứng cứ chứng minh mối liên hệ giữa tài sản và hành vi phạm tội hoặc chứng minh rằng tài sản là lợi ích mà đối tượng có được do phạm tội. Ví dụ: đối với hành vi rửa tiền, cần cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản, đường đi của tài sản hoặc phân tích các báo cáo ngân hàng, hồ sơ kinh doanh, chứng từ tài chính, các hợp đồng; những hành vi che đậy của cơ quan, tổ chức để xác định những chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng...

- Biện pháp cần áp dụng có thể dẫn đến việc phát hiện hoặc thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

- Yêu cầu hoặc thủ tục của Việt Nam để đảm bảo thực hiện có hiệu quả yêu cầu TTTP, cách thức hoặc hình thức cung cấp tài liệu, đồ vật.

- Các cam kết và thực hiện (ví dụ: cam kết có đi có lại, bảo mật, sử dụng hạn chế và cam kết trả chi phí hoặc thiệt hại).

- Các tài liệu, thông tin khác có thể tạo thuận lợi cho việc xem xét thực hiện yêu cầu.

- Trường hợp khẩn cấp thì phải nêu rõ thời hạn và lý do cần thực hiện khẩn cấp (ví dụ: nêu thời gian của phiên toà sắp diễn ra).

- Yêu cầu giữ bí mật yêu cầu tương trợ (nếu có).

3.6. Xử lý yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài và việc ban hành quyết định pháp lý cuối cùng

Qua thực tiễn hoạt động TTTPHS cho thấy, trong số các yêu cầu TTTPHS chuyển đến, yêu cầu tương trợ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với công dân Việt Nam đã thực hiện hành vi phạm tội tại nước yêu cầu và đã về Việt Nam chiếm một số lượng đáng kể. Phía nước ngoài chuyển hồ sơ đề nghị Việt Nam tiếp tục tiến hành điều tra, truy cứu trách nhiệm hình sự và đề nghị Việt Nam cung cấp quyết định có hiệu lực pháp lý cuối cùng đối với vụ việc được chuyển giao.

Việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ vụ việc để điều tra truy cứu trách nhiệm hình sự thực hiện theo quy định của các Hiệp định đã ký, BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, BLTTHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 và Luật TTTP năm 2007. Trong nhiều trường hợp, CQĐT có thẩm quyền đã tiến hành xác minh, thấy không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự, đã có thông báo đến VKSNDTC (Vụ 13) để trả lời cho nước ngoài. Tuy nhiên, phía cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho rằng các văn bản này chỉ mang tính chất thông báo mà không phải là quyết định có hiệu lực pháp lý cuối cùng đối với các yêu cầu này nên lại tiếp tục đề nghị phía Việt Nam cung cấp quyết định có hiệu lực pháp lý cuối cùng đối với các yêu cầu này. Do pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về việc tiếp nhận và xử lý các vụ việc do nước ngoài chuyển đến đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự nên các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng Việt Nam đã gặp vướng mắc trong việc đáp ứng yêu cầu này.

Ngày 15/6/2012, VKSNDTC đã có Công văn số 1918/VKSTC-HTQT hướng dẫn việc ban hành Quyết định pháp lý cuối cùng. Theo đó, sau khi tiến hành xác minh, nếu đủ căn cứ thì CQĐT có thẩm quyền khởi tố vụ án, khởi tố bị can và giải quyết vụ án hình sự theo quy định của pháp luật Việt Nam; nếu không đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự thì ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự và gửi hồ sơ đến VKSND cùng cấp để thực hiện chức năng kiểm sát điều tra theo quy định tại Điều 158 BLTTHS.

VKSND cùng cấp nếu thấy Quyết định không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT là có căn cứ thì thông báo cho CQĐT theo quy định của pháp luật để CQĐT gửi cho Vụ 13 - VKSNDTC một bản Quyết định không khởi tố vụ án hình sự (bản gốc) để trả lời cho phía nước ngoài. Quyết định này là quyết định pháp lý cuối cùng đối với vụ án do phía nước ngoài yêu cầu.

3.7. Sự có mặt của người tiến hành tố tụng của nước yêu cầu tại nước được yêu cầu

Thực tiễn hoạt động TTTPHS hiện nay đã có một số trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng Việt Nam đề nghị cử cán bộ tham dự hoạt động TTTP ở nước ngoài. VKSNDTC cũng đã tiếp nhận một số yêu cầu TTTPHS do nước ngoài chuyển đến, đề nghị cho điều tra viên, công tố viên tham dự quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ tại Việt Nam.

Liên quan đến vấn đề này, điểm h khoản 2 Điều 19 Luật TTTP quy định về nội dung của văn bản yêu cầu TTTPHS bao gồm: “*Mục đích, dự định thời gian và lịch trình chuyển đi trong trường hợp người có thẩm quyền của nước yêu cầu cần phải đến*

lãnh thổ của nước được yêu cầu vì mục đích liên quan đến ủy thác tư pháp”.

Điều 495 BLTTHS quy định: “Việc tiến hành tố tụng của người có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài và người có thẩm quyền của nước ngoài ở Việt Nam được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại”.

Một số Hiệp định TTTPHS mà Việt Nam đã ký với nước ngoài cũng có quy định về việc cho phép người có thẩm quyền của nước yêu cầu có thể tham dự vào việc thực hiện yêu cầu TTTP tại nước được yêu cầu (như Hiệp định với Anh, In-đô-nê-xi-a, Ô-xtrây-li-a). Đây là các quy định tùy nghi, mục đích nhằm thực hiện yêu cầu TTTPHS nhanh chóng và hiệu quả.

Đối với đề nghị cử cán bộ tham dự thực hiện hoạt động TTTP của nước ngoài tại Việt Nam: Do pháp luật trong nước chưa có quy định chi tiết về trình tự, thủ tục thực hiện, Vụ 13 - VKSNDTC có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng sẽ xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể. Quy trình, thủ tục tiếp nhận, xử lý yêu cầu tương tự như các loại yêu cầu khác. Nếu thấy việc cho người có thẩm quyền của nước yêu cầu vào tham dự quá trình thực hiện yêu cầu TTTP tại Việt Nam có thể chấp nhận được, VKSNDTC sẽ thông báo cho nước yêu cầu biết bằng văn bản. Trong quá trình người có thẩm quyền của nước ngoài tham dự vào quá trình thực hiện yêu cầu TTTP tại Việt Nam, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa CQTW về TTTPHS, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Việt Nam đang thụ lý vụ án và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để đảm bảo

mọi hoạt động tố tụng được tiến hành đúng quy định của pháp luật. Trường hợp phát sinh nội dung TTTP, người có thẩm quyền của nước ngoài đề nghị người có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Việt Nam xem xét thực hiện bổ sung nếu không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

Đối với hoạt động tham dự việc thực hiện TTTP tại nước ngoài của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng Việt Nam, Vụ 13 - VKSNDTC có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng Việt Nam lập yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật của nước được yêu cầu và hỗ trợ trong quá trình tham dự hoạt động thực hiện yêu cầu TTTP tại nước ngoài để đạt được kết quả theo yêu cầu và đúng quy định pháp luật của mỗi bên.

3.8. Vấn đề hợp pháp hóa lãnh sự tài liệu liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

Hoạt động TTTPHS dựa trên sự hợp tác chính thức giữa các quốc gia nhằm đấu tranh, phòng ngừa tội phạm hình sự, bảo vệ lợi ích Nhà nước, các quyền và lợi ích cơ bản của công dân. Thông thường, khi TTTPHS được thực hiện qua các CQTW của quốc gia thì các văn bản, tài liệu kèm theo đã được cung cấp theo đúng quy định tố tụng hình sự mỗi bên, do đó không cần phải hợp pháp hóa bằng bất kỳ hình thức nào.

Thực tiễn hoạt động TTTPHS và các Hiệp định TTTPHS giữa Việt Nam và nước ngoài đều không đặt ra vấn đề hợp pháp hóa lãnh sự hoặc xác định miễn hợp pháp hóa lãnh sự đối với tài liệu TTTPHS.

Việc hợp pháp hóa lãnh sự thực hiện theo quy định của Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự và Nghị định

số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, theo đó: “Việc chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự chỉ là chứng nhận con dấu, chữ ký, chức danh trên giấy tờ, tài liệu, không bao hàm chứng nhận về nội dung và hình thức của giấy tờ, tài liệu” (Điều 3). Các giấy tờ, tài liệu được miễn chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự bao gồm: “1. Giấy tờ, tài liệu được miễn chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên, hoặc theo nguyên tắc có đi có lại. 2. Giấy tờ, tài liệu được chuyển giao trực tiếp hoặc qua đường ngoại giao giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. 3. Giấy tờ, tài liệu được miễn chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. 4. Giấy tờ, tài liệu mà cơ quan tiếp nhận của Việt Nam hoặc của nước ngoài không yêu cầu phải hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự phù hợp với quy định pháp luật tương ứng của Việt Nam hoặc của nước ngoài” (Điều 9).

3.9. Tương trợ tư pháp về hình sự trực tiếp giữa các tỉnh có chung đường biên giới với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Trong hoạt động TTTPHS giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng các tỉnh có đường biên giới giáp với các nước láng giềng, Việt Nam đã thiết lập cơ chế hợp tác đặc thù với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, cơ quan tiến hành tố tụng các tỉnh có chung đường biên giới hai nước có thể liên hệ trực tiếp với nhau trong việc thực hiện các yêu cầu TTTPHS. Điều 4 Hiệp định TTTP giữa Việt Nam và Lào năm 2020 quy định: “Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh có chung đường biên giới của các Bên có thể liên hệ trực tiếp với nhau trong việc chuyển giao, tiếp nhận và thực hiện

các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, đồng thời phải báo cáo cho Cơ quan trung ương của nước mình”.

Trình tự cụ thể tiếp tục thực hiện theo Hướng dẫn số 19/HD-VKSTC-HTQT ngày 24/7/2012 của VKSNDTC. Theo đó, Viện kiểm sát địa phương hai nước khi liên hệ với nhau để thực hiện TTTPHS phải báo cáo CQTW là VKSNDTC. Đối với TTTPHS do VKSND các tỉnh biên giới của Lào trực tiếp gửi đến, sau khi nhận được yêu cầu, Viện kiểm sát địa phương phải báo cáo ngay cho VKSNDTC. Viện kiểm sát địa phương chủ động thực hiện TTTP và gửi kết quả thực hiện cho phía Bạn, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện cho VKSNDTC. Trong trường hợp không thực hiện được yêu cầu hoặc có vướng mắc trong quá trình thực hiện yêu cầu thì kịp thời thông báo cho phía Bạn, đồng thời báo cáo VKSNDTC để phối hợp giải quyết. Đối với TTTPHS do VKSND các tỉnh biên giới của Việt Nam gửi đi Lào, Viện kiểm sát địa phương khi gửi yêu cầu TTTPHS trực tiếp tới VKSND các tỉnh biên giới của Lào thì đồng thời phải báo cáo VKSNDTC để theo dõi, đôn đốc việc thực hiện.

3.10. Thông báo và tiếp xúc lãnh sự trong vụ án liên quan đến người nước ngoài tại Việt Nam

Tiếp xúc lãnh sự là một chế định trong luật pháp quốc tế quy định trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại trong việc tạo điều kiện cho cơ quan hoặc nhân viên lãnh sự của nước ngoài thực hiện đại diện lãnh sự hoặc bảo hộ cho công dân nước họ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự tại nước sở tại.

Việc thông báo và tiếp xúc lãnh sự cần được thực hiện

nghiêm túc theo quy định của Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự và Chỉ thị số 21/2000/CT-TTg ngày 16/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ về thông báo và tiếp xúc lãnh sự đối với công dân nước ngoài và người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài bị bắt, tạm giữ, tạm giam hoặc đang thi hành án phạt tù tại Việt Nam. Theo đó, khi công dân nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài bị bắt, tạm giữ, tạm giam trong quá trình điều tra liên quan đến vụ án hình sự, CQĐT cần thông báo ngay cho Bộ Ngoại giao và phối hợp với Bộ Ngoại giao thu xếp cho đại diện của cơ quan đại diện nước ngoài khi có yêu cầu được tiếp xúc lãnh sự. Việc tiếp xúc lãnh sự thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự năm 2019, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Nghị định số 120/2017/NĐ-CP ngày 06/11/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam.

VKSND khi thực hiện công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam trong các vụ án có yếu tố nước ngoài cần yêu cầu CQĐT thực hiện đầy đủ việc thông báo và thu xếp tiếp xúc lãnh sự khi có yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật.

PHẦN THỨ BA

VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

1. Một số văn bản pháp luật và hướng dẫn thi hành trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự

LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP NĂM 2007

(Trích)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Quốc hội ban hành Luật Tương trợ tư pháp.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù giữa Việt Nam với nước ngoài; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong tương trợ tư pháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam, cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp với Việt Nam.

Điều 3. Áp dụng pháp luật

1. Tương trợ tư pháp được thực hiện theo quy định của Luật này; trường hợp Luật này không quy định thì áp dụng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật tố tụng hình sự và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

2. Việc áp dụng pháp luật nước ngoài chỉ được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 4. Nguyên tắc tương trợ tư pháp

1. Tương trợ tư pháp được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp thì hoạt động tương trợ tư pháp được thực hiện trên nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật và tập quán quốc tế.

Điều 5. Ngôn ngữ trong tương trợ tư pháp

1. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài đã có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp thì ngôn ngữ trong tương trợ tư pháp là ngôn ngữ được quy định trong điều ước quốc tế đó.

2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp thì hồ sơ phải kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu tương trợ tư pháp hoặc dịch ra một ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu chấp nhận.

3. Cơ quan lập hồ sơ yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp phải dịch hồ sơ ra ngôn ngữ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 6. Ủy thác tư pháp và hình thức thực hiện tương trợ tư pháp

1. Ủy thác tư pháp là yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc thực hiện một hoặc một số hoạt động tương trợ tư pháp theo quy định của pháp luật nước có liên quan hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Tương trợ tư pháp được thực hiện trên cơ sở yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thông qua ủy thác tư pháp.

Điều 7. Hợp pháp hóa lãnh sự và việc công nhận giấy tờ, tài liệu ủy thác tư pháp

1. Hợp pháp hóa lãnh sự là việc Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam hoặc cơ quan khác ở nước ngoài được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự chứng nhận chữ ký, con dấu trên giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp hoặc xác nhận để sử dụng ở Việt Nam.

2. Giấy tờ, tài liệu ủy thác tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài lập, cấp hoặc xác nhận theo quy định của pháp

luật nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận, nếu giấy tờ, tài liệu đó đã được hợp pháp hóa lãnh sự.

Điều 8. Triệu tập và bảo vệ người làm chứng, người giám định

1. Trong quá trình tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền có thể triệu tập người làm chứng, người giám định theo quy định của Luật này và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Trong giấy triệu tập phải ghi rõ điều kiện làm chứng, giám định và cam kết về việc bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, điều kiện ăn ở, đi lại cho người làm chứng, người giám định.

3. Người làm chứng, người giám định được tạo điều kiện thuận lợi trong nhập cảnh, xuất cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Người làm chứng, người giám định được triệu tập đến Việt Nam không bị bắt, bị tạm giam, tạm giữ hoặc bị điều tra, truy tố, xét xử vì những hành vi sau đây trước khi đến Việt Nam:

a) Cung cấp lời khai làm chứng, bản kết luận chuyên môn đối với vụ án mà người đó được triệu tập;

b) Phạm tội ở Việt Nam;

c) Có quan hệ với đối tượng đang bị điều tra, truy tố, xét xử về hình sự tại Việt Nam;

d) Có liên quan đến vụ việc dân sự hoặc hành chính khác tại Việt Nam.

5. Quyền không bị bắt, bị tạm giam, tạm giữ hoặc bị điều tra,

truy tố, xét xử của người làm chứng, người giám định quy định tại khoản 4 Điều này chấm dứt nếu người đó không rời Việt Nam sau thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam về việc không cần thiết sự có mặt của họ tại Việt Nam. Thời hạn này không tính vào thời gian mà người làm chứng, người giám định không thể rời Việt Nam vì lý do bất khả kháng.

Điều 9. Việc giao nhận tài liệu, đồ vật và tiền

Việc giao nhận tài liệu, đồ vật và tiền liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

...

Chương III

TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

Điều 17. Phạm vi tương trợ tư pháp về hình sự

Phạm vi tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và nước ngoài bao gồm:

1. Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự;
2. Triệu tập người làm chứng, người giám định;
3. Thu thập, cung cấp chứng cứ;
4. Truy cứu trách nhiệm hình sự;
5. Trao đổi thông tin;
6. Các yêu cầu tương trợ tư pháp khác về hình sự.

Điều 18. Hồ sơ ủy thác tư pháp về hình sự

1. Hồ sơ ủy thác tư pháp về hình sự phải có các văn bản sau đây:

a) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự;

b) Văn bản ủy thác tư pháp về hình sự quy định tại Điều 19 của Luật này.

2. Hồ sơ ủy thác tư pháp về hình sự được lập thành ba bộ theo quy định của Luật này và phù hợp với pháp luật của nước được yêu cầu. Ngôn ngữ được sử dụng để lập hồ sơ theo quy định tại Điều 5 của Luật này.

Điều 19. Văn bản ủy thác tư pháp về hình sự

1. Văn bản ủy thác tư pháp về hình sự phải có các nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm và địa điểm lập văn bản;

b) Tên, địa chỉ cơ quan ủy thác tư pháp;

c) Tên, địa chỉ hoặc văn phòng chính của cơ quan được ủy thác tư pháp;

d) Họ, tên, địa chỉ nơi thường trú hoặc nơi làm việc của cá nhân, tên đầy đủ, địa chỉ hoặc văn phòng chính của cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp về hình sự;

đ) Nội dung công việc được ủy thác tư pháp về hình sự phải nêu rõ mục đích ủy thác; tóm tắt nội dung vụ án, các tình tiết liên quan, trích dẫn điều luật và hình phạt có thể được áp dụng; tiến độ điều tra, truy tố, xét xử; thời hạn thực hiện ủy thác.

2. Ngoài những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, tùy từng trường hợp cụ thể, theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài, văn bản ủy thác tư pháp về hình sự có thể có các nội dung sau đây:

a) Đặc điểm nhận dạng, quốc tịch và nơi ở của đối tượng trong vụ án hình sự hoặc những người có thông tin liên quan đến vụ án đó;

b) Vấn đề cần thẩm vấn, câu hỏi đặt ra, tài liệu, hồ sơ hoặc vật chứng được đưa ra và nếu có thể thì mô tả đặc điểm, hình dạng người được yêu cầu xuất trình tài liệu, hồ sơ, vật chứng đối với ủy thác thu thập chứng cứ;

c) Nội dung công việc, câu hỏi, yêu cầu đối với người làm chứng, người giám định được triệu tập;

d) Mô tả về tài sản và nơi có tài sản cần tìm; căn cứ để xác định tài sản do phạm tội mà có đang có tại nước yêu cầu và có thể thuộc quyền tài phán của nước yêu cầu; việc thực hiện bản án, quyết định của Tòa án đối với ủy thác về khám xét, thu giữ hoặc truy tìm, tịch thu tài sản do phạm tội mà có;

đ) Biện pháp cần áp dụng đối với ủy thác tư pháp về hình sự có thể dẫn đến việc phát hiện hoặc thu hồi tài sản do phạm tội mà có;

e) Yêu cầu hoặc thủ tục của nước yêu cầu để đảm bảo thực hiện có hiệu quả ủy thác tư pháp, cách thức hoặc hình thức cung cấp thông tin, chứng cứ, tài liệu, đồ vật;

g) Yêu cầu về bảo mật ủy thác tư pháp;

h) Mục đích, dự định thời gian và lịch trình chuyển đi trong

trường hợp người có thẩm quyền của nước yêu cầu cần phải đến lãnh thổ của nước được yêu cầu vì mục đích liên quan đến ủy thác tư pháp;

i) Bản án, quyết định hình sự của Tòa án và tài liệu, chứng cứ hoặc thông tin khác cần thiết cho việc thực hiện ủy thác tư pháp.

3. Trường hợp thông tin nêu trong văn bản ủy thác tư pháp về hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không đủ để thực hiện ủy thác thì cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu còn có thể đề nghị bằng văn bản với nước yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung và ấn định thời hạn cụ thể trả lời kết quả bổ sung.

Điều 20. Yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp về hình sự

1. Cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam trong quá trình giải quyết vụ án hình sự có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp trong các trường hợp sau đây:

a) Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu cho người đang cư trú ở nước được yêu cầu;

b) Triệu tập người làm chứng, người giám định đang ở nước được yêu cầu;

c) Thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước được yêu cầu để giải quyết vụ án hình sự tại Việt Nam;

d) Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đang ở nước mà người đó mang quốc tịch;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp về hình sự phải được lập thành văn bản dưới hình thức ủy thác tư pháp về hình sự theo quy định của Luật này.

Điều 21. Từ chối hoặc hoãn thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự của nước ngoài

1. Ủy thác tư pháp về hình sự của nước ngoài bị từ chối thực hiện nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Gây phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia;

c) Liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một người về hành vi phạm tội mà người đó đã bị kết án, được tuyên không có tội hoặc được đại xá, đặc xá tại Việt Nam;

d) Liên quan đến hành vi phạm tội đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam;

đ) Liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật nhưng không cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam.

2. Ủy thác tư pháp về hình sự có thể bị hoãn thực hiện tại Việt Nam nếu việc thực hiện ủy thác tư pháp cản trở quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án tại Việt Nam.

3. Khi quyết định từ chối hoặc hoãn thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo cho nước yêu cầu biết lý do và các biện pháp cần áp dụng.

Điều 22. Thủ tục ủy thác tư pháp về hình sự cho nước ngoài

1. Cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tương trợ tư pháp về hình sự phải lập hồ sơ ủy thác tư pháp theo quy định tại Điều 18 của Luật này và gửi cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao vào sổ ủy thác tư pháp, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài là thành viên hoặc thông qua kênh ngoại giao. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì Viện kiểm sát nhân dân tối cao trả lại cho cơ quan đã lập hồ sơ và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển văn bản đó cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp về hình sự.

Điều 23. Thủ tục tiếp nhận và xử lý ủy thác tư pháp về hình sự của nước ngoài

1. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp về hình sự của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải vào sổ ủy thác tư pháp, kiểm tra tính hợp lệ và chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì Viện kiểm sát nhân dân tối cao trả lại cho cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu và nêu rõ lý do.

2. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển văn bản đó cho cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước yêu cầu là thành viên hoặc thông qua kênh ngoại giao.

3. Trường hợp ủy thác tư pháp về hình sự không thực hiện được hoặc quá thời hạn mà nước ngoài yêu cầu hoặc cần bổ sung thông tin, tài liệu liên quan, cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao và nêu rõ lý do để Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu.

Điều 24. Tổng đạt giấy triệu tập người làm chứng, người giám định

1. Nước yêu cầu muốn triệu tập người làm chứng, người giám định đang cư trú tại Việt Nam thì phải gửi giấy triệu tập cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao chậm nhất là chín mươi ngày, trước ngày dự định người đó phải có mặt tại nước yêu cầu. Thủ tục tiếp nhận giấy triệu tập người làm chứng, người giám định được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật này.

2. Cơ quan thực hiện việc tổng đạt giấy triệu tập phải gửi ngay cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao văn bản xác nhận đã tổng đạt để Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển cho nước yêu cầu; trường hợp không tổng đạt được thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 25. Dẫn giải người đang chấp hành hình phạt tù để cung cấp chứng cứ

1. Người đang chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam có thể được dẫn giải cho cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu để cung cấp chứng cứ trong vụ án hình sự tại nước yêu cầu.

2. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chỉ dẫn giải người đang chấp hành hình phạt tù theo quy định tại khoản 1 Điều này với các điều kiện sau đây:

a) Người đó đồng ý với việc dẫn giải và cung cấp chứng cứ tại nước yêu cầu;

b) Cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu phải cam kết bằng văn bản về việc bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, điều kiện ăn ở, đi lại, thời hạn, phương thức tiếp nhận, trao trả và các điều kiện cụ thể khác liên quan đến việc dẫn giải do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam đề nghị. Văn bản cam kết được lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế liên quan đến việc dẫn giải người đang chấp hành hình phạt tù để cung cấp chứng cứ. Việc trao trả lại người bị dẫn giải cho cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam phải được thực hiện theo đúng thời hạn đã cam kết.

3. Thời gian mà người đang chấp hành hình phạt tù bị dẫn giải, lưu lại ở nước yêu cầu được tính vào thời hạn chấp hành hình phạt tù của người đó.

Điều 26. Cung cấp thông tin

Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao yêu cầu cơ quan

có thẩm quyền của nước ngoài hoặc cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam cung cấp các thông tin liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự hoặc bản sao bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật đối với công dân của nước yêu cầu.

Điều 27. Việc sử dụng thông tin, chứng cứ trong tương trợ tư pháp về hình sự

1. Thông tin, chứng cứ do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam cung cấp chỉ được sử dụng phù hợp với mục đích đã nêu trong ủy thác tư pháp về hình sự, không được tiết lộ hoặc chuyển giao, trừ trường hợp có sự đồng ý trước bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam phải áp dụng biện pháp thích hợp để giữ bí mật về ủy thác tư pháp về hình sự, nội dung ủy thác, tài liệu kèm theo, những hành vi tố tụng hình sự sẽ được tiến hành theo ủy thác tư pháp. Trong trường hợp không thể thực hiện được ủy thác tư pháp về hình sự của nước ngoài theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước thì Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do và thỏa thuận với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về các biện pháp thay thế, nếu có.

3. Khi ủy thác tư pháp về hình sự cho nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài áp dụng các biện pháp để:

a) Giữ bí mật thông tin, chứng cứ mà Việt Nam đã cung cấp và sử dụng thông tin, chứng cứ trong phạm vi cần thiết cho mục đích nêu trong yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự;

b) Bảo đảm thông tin, chứng cứ không bị sai lệch, thay đổi, tiết lộ trái phép hoặc các hành vi lạm dụng khác.

Điều 28. Yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự; giao hồ sơ, vật chứng của vụ án cho nước ngoài

1. Đối với vụ án có người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam mà người đó đã trốn ra nước ngoài và Việt Nam đã yêu cầu dẫn độ nhưng cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài từ chối việc dẫn độ thì cơ quan đang thụ lý vụ án chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao để yêu cầu nước nơi người phạm tội đang có mặt tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự. Khi quyết định chuyển giao hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể chuyển giao cả vật chứng của vụ án.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định các điều kiện cụ thể về tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án.

Điều 29. Xử lý yêu cầu của nước ngoài về truy cứu trách nhiệm hình sự công dân Việt Nam tại Việt Nam

Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với công dân Việt Nam phạm tội ở nước ngoài đang có mặt tại Việt Nam theo trình tự sau đây:

1. Trường hợp vụ án trong giai đoạn điều tra và thuộc thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh) thì chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh nơi công dân Việt Nam cư trú cuối cùng trước khi ra nước ngoài để yêu cầu cơ quan điều tra cùng cấp tiến hành điều tra; đối với vụ án thuộc thẩm

quyền của cơ quan điều tra Bộ Công an thì chuyển cho cơ quan điều tra Bộ Công an để tiến hành điều tra;

2. Trường hợp vụ án trong giai đoạn truy tố và thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thì chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh nơi công dân Việt Nam cư trú cuối cùng trước khi ra nước ngoài để tiến hành truy tố;

3. Việc điều tra, truy tố, xét xử đối với vụ án quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Điều 30. Thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài về điều tra đối với công dân nước ngoài tại Việt Nam

Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp về điều tra đối với công dân nước ngoài đã phạm tội ở nước đó hiện đang cư trú tại Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền của Việt Nam để tiến hành điều tra. Kết quả điều tra được gửi đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao để chuyển cho nước yêu cầu.

Điều 31. Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự

Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài do nước yêu cầu chi trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trong trường hợp Việt Nam chịu chi phí cho việc thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự thì chi phí đó do ngân sách nhà nước bảo đảm.

...

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP

Điều 61. Trách nhiệm của Chính phủ trong hoạt động tương trợ tư pháp

1. Thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động tương trợ tư pháp.
2. Chỉ đạo các cơ quan của Chính phủ trong hoạt động tương trợ tư pháp; phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong hoạt động tương trợ tư pháp.
3. Hàng năm báo cáo Quốc hội về hoạt động tương trợ tư pháp.

Điều 62. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động tương trợ tư pháp.
2. Tiếp nhận, chuyển giao, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các ủy thác tư pháp về dân sự.
3. Trao đổi thông tin về pháp luật và thực tiễn tương trợ tư pháp với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
4. Đề xuất việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp; kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp.
5. Hàng năm báo cáo Chính phủ về hoạt động tương trợ tư pháp.

Điều 63. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao

1. Hướng dẫn Tòa án nhân dân các cấp thực hiện tương trợ tư pháp.

2. Xem xét, quyết định các vụ việc về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù theo thẩm quyền.

3. Định kỳ sáu tháng và hàng năm thông báo với Bộ Tư pháp tình hình thực hiện tương trợ tư pháp thuộc thẩm quyền.

Điều 64. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Tiếp nhận, chuyển giao, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các ủy thác tư pháp về hình sự; xem xét, quyết định việc thực hiện và yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân hoặc cơ quan điều tra có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự; từ chối hoặc hoãn thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự theo thẩm quyền.

2. Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp theo thẩm quyền.

3. Hướng dẫn Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự.

4. Đề xuất việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp; kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp.

5. Định kỳ sáu tháng và hàng năm thông báo với Bộ Tư pháp tình hình thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự.

Điều 65. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Tiếp nhận, chuyển giao, xem xét, giải quyết các yêu cầu của nước ngoài về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù, xem xét và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp theo thẩm quyền.

2. Đề xuất việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù; kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp.

3. Định kỳ sáu tháng và hàng năm thông báo với Bộ Tư pháp tình hình thực hiện yêu cầu dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù.

Điều 66. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xem xét, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong quan hệ tương trợ tư pháp với nước hữu quan.

2. Đề xuất việc ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp, kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp.

3. Định kỳ sáu tháng và hàng năm thông báo với Bộ Tư pháp tình hình áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong quan hệ tương trợ tư pháp với nước hữu quan.

Điều 67. Trách nhiệm của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài

1. Thực hiện các ủy thác tư pháp có liên quan đến công dân Việt Nam ở nước sở tại theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trong nước theo quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và không trái với pháp luật của nước sở tại.

2. Tiếp nhận các yêu cầu ủy thác tư pháp của nước ngoài và chuyển về cho các cơ quan có thẩm quyền trong nước.

3. Chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho Bộ Ngoại giao của nước sở tại để chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước này xem xét, thực hiện.

Điều 68. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài theo quy định của Luật này.

2. Xem xét, quyết định dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù hoặc từ chối dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù theo quy định của Luật này.

3. Tiến hành các hoạt động tương trợ tư pháp khác theo thẩm quyền.

4. Báo cáo kết quả thực hiện tương trợ tư pháp cho Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 69. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài theo quy định của Luật này.

2. Tiến hành các hoạt động tương trợ tư pháp khác theo thẩm quyền.

3. Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp theo thẩm quyền.

4. Báo cáo kết quả thực hiện tương trợ tư pháp cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 70. Trách nhiệm của cơ quan điều tra

1. Tiếp nhận hồ sơ tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù từ cơ quan có thẩm quyền chuyển đến.

2. Tiến hành các hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Báo cáo kết quả thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù cho cơ quan có thẩm quyền.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 71. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008.

Điều 72. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Đã ký)

Nguyễn Phú Trọng

**BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015,
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2021**

(Trích)

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Bộ luật Tổ tụng hình sự.*

...

**Phần thứ tám
HỢP TÁC QUỐC TẾ**

**Chương XXXV
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 491. Phạm vi hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự

1. Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự là việc các cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài phối hợp, hỗ trợ nhau để thực hiện hoạt động phục vụ yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

2. Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự gồm tương trợ tư pháp về hình sự; dẫn độ; tiếp nhận, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và các hoạt động hợp tác quốc tế khác được quy định tại Bộ luật này, pháp luật về tương trợ tư pháp và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại, theo quy định của Bộ luật này, pháp luật về tương trợ tư pháp và quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Điều 492. Nguyên tắc hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự

1. Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Trường hợp Việt Nam chưa ký kết hoặc chưa gia nhập điều ước quốc tế có liên quan thì việc hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự được thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế.

Điều 493. Cơ quan trung ương trong hợp tác quốc tế về tố tụng hình sự

1. Bộ Công an là Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hoạt động dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao là Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự và những hoạt động hợp tác quốc tế khác theo quy định của pháp luật.

Điều 494. Giá trị pháp lý của tài liệu, đồ vật thu thập được qua hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự

Tài liệu, đồ vật do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thu thập theo ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc tài liệu, đồ vật do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài gửi đến Việt Nam để ủy thác truy cứu trách nhiệm hình sự có thể được coi là chứng cứ. Trường hợp tài liệu, đồ vật này có đặc điểm quy định tại Điều 89 của Bộ luật này thì có thể được coi là vật chứng.

Điều 495. Việc tiến hành tố tụng của người có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài và người có thẩm quyền của nước ngoài ở Việt Nam

Việc tiến hành tố tụng của người có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài và người có thẩm quyền của nước ngoài ở Việt Nam được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại.

Điều 496. Sự có mặt của người làm chứng, người giám định, người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam ở nước ngoài; người làm chứng, người giám định, người đang chấp hành án phạt tù tại nước ngoài ở Việt Nam

1. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho người làm chứng, người giám định, người đang chấp hành án phạt tù tại nước được đề nghị có mặt ở Việt Nam để phục vụ việc giải quyết vụ án hình sự.

2. Theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể cho phép người làm

chúng, người giám định, người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam có mặt ở nước đã đề nghị để phục vụ việc giải quyết vụ án hình sự.

Chương XXXVI

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 497. Việc tiếp nhận, chuyển giao tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án

Việc tiếp nhận, chuyển giao tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, quy định của Bộ luật này, pháp luật về tương trợ tư pháp và quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Điều 498. Xử lý trường hợp từ chối dẫn độ công dân Việt Nam

Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có trách nhiệm xem xét để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc cho thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ.

Điều 499. Trình tự, thủ tục xem xét, xử lý yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định từ chối dẫn độ công dân Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, Tòa án đã ra quyết định từ chối dẫn độ chuyển hồ sơ và các tài liệu kèm theo của nước ngoài đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao để xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, xử lý yêu cầu của nước ngoài về truy cứu trách nhiệm hình sự công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ theo quy định của luật.

3. Việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự được tiến hành theo quy định của Bộ luật này.

4. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp, bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật để bảo đảm việc điều tra, truy tố, xét xử có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 500. Điều kiện cho thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ

Bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ có thể được thi hành tại Việt Nam khi có đủ các điều kiện:

1. Có văn bản yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị từ chối dẫn độ;

2. Hành vi phạm tội mà công dân Việt Nam bị kết án ở nước ngoài cũng cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

3. Bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam đã có hiệu lực pháp luật và không còn thủ tục tố tụng nào đối với người đó.

Điều 501. Trình tự, thủ tục xem xét yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị tù chối dẫn độ

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị tù chối dẫn độ, Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã ra quyết định từ chối dẫn độ xem xét yêu cầu của nước ngoài.

2. Tòa án có thẩm quyền mở phiên họp bằng Hội đồng gồm ba Thẩm phán để xem xét yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam bị tù chối dẫn độ. Phiên họp phải có mặt của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp, người bị yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài, luật sư hoặc người đại diện của họ (nếu có).

3. Sau khi khai mạc phiên họp, một thành viên của Hội đồng trình bày những vấn đề liên quan đến yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam và nêu ý kiến về cơ sở pháp lý của việc cho thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam tại Việt Nam.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc cho thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam tại Việt Nam.

Người bị yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài, luật sư, người đại diện của người này trình bày ý kiến (nếu có).

Hội đồng thảo luận và quyết định theo đa số việc cho thi hành hoặc không cho thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với người bị yêu cầu.

4. Quyết định cho thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam tại Việt Nam phải ghi rõ thời hạn mà người đó phải thi hành án phạt tù tại Việt Nam trên cơ sở xem xét, quyết định:

a) Trường hợp thời hạn của hình phạt do nước ngoài đã tuyên phù hợp với pháp luật Việt Nam thì thời hạn phải thi hành án tại Việt Nam được quyết định tương ứng với thời hạn đó;

b) Trường hợp tính chất hoặc thời hạn của hình phạt do Tòa án nước ngoài đã tuyên không phù hợp pháp luật Việt Nam thì quyết định chuyển đổi hình phạt cho phù hợp với pháp luật Việt Nam nhưng không được dài hơn hình phạt đã tuyên của Tòa án nước ngoài.

5. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ra quyết định cho thi hành hoặc không cho thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài, Tòa án nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định cho người bị yêu cầu thi hành, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Bộ Công an để thực hiện.

Người bị yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Tòa án nhân dân cấp tỉnh ra quyết định.

Tòa án nhân dân cấp tỉnh phải gửi hồ sơ và kháng cáo, kháng

ngợi cho Tòa án nhân dân cấp cao trong thời hạn 07 ngày kể từ nghị hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xem xét yêu cầu thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án nhân dân cấp cao mở phiên họp xem xét quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh bị kháng cáo, kháng nghị.

Thủ tục xem xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều này.

7. Quyết định thi hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam tại Việt Nam có hiệu lực pháp luật gồm:

- a) Quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh không bị kháng cáo, kháng nghị;
- b) Quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao.

8. Trình tự, thủ tục thi hành quyết định thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài đối với công dân Việt Nam tại Việt Nam được thực hiện theo quy định Bộ luật này và Luật Thi hành án hình sự.

9. Khi nhận được thông báo về quyết định đặc xá, đại xá hoặc miễn, giảm hình phạt của nước ngoài đối với công dân Việt Nam phạm tội ở nước ngoài bị Việt Nam từ chối dẫn độ và người đó đang thi hành án tại Việt Nam thì Bộ Công an gửi ngay thông báo đó cho Tòa án, Viện kiểm sát có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 502. Các biện pháp ngăn chặn, căn cứ và thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn

1. Các biện pháp ngăn chặn để bảo đảm cho việc xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc thi hành quyết định dẫn độ gồm bắt, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, đặt tiền để bảo đảm, tạm hoãn xuất cảnh.

2. Biện pháp ngăn chặn chỉ được áp dụng đối với người bị xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc bị dẫn độ khi có đủ các điều kiện:

a) Tòa án đã có quyết định xem xét yêu cầu dẫn độ đối với người đó hoặc quyết định dẫn độ đối với người đó đã có hiệu lực pháp luật;

b) Có căn cứ cho rằng người bị yêu cầu dẫn độ bỏ trốn hoặc gây khó khăn, cản trở việc xem xét yêu cầu dẫn độ hoặc thi hành quyết định dẫn độ.

3. Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao quyết định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn quy định tại khoản 1 Điều này. Thẩm phán chủ tọa phiên họp xem xét yêu cầu dẫn độ có quyền quyết định việc áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, biện pháp đặt tiền để bảo đảm sự có mặt của người bị yêu cầu dẫn độ tại phiên họp.

Điều 503. Bắt tạm giam người bị yêu cầu dẫn độ

1. Việc bắt người bị yêu cầu dẫn độ để tạm giam hoặc thi hành quyết định dẫn độ được thực hiện theo quy định tại Điều 113 của Bộ luật này.

2. Thời hạn tạm giam để xem xét yêu cầu dẫn độ không quá thời hạn trong lệnh bắt giam của cơ quan có thẩm quyền của nước

yêu cầu dẫn độ hoặc thời hạn phải thi hành hoặc còn phải thi hành hình phạt tù trong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nước yêu cầu dẫn độ.

Trường hợp cần thiết, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp cao có thể gửi văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu dẫn độ ra lệnh, quyết định tạm giam hoặc gia hạn tạm giam người bị yêu cầu dẫn độ để bảo đảm việc xem xét yêu cầu dẫn độ; văn bản yêu cầu được gửi thông qua Bộ Công an.

Điều 504. Cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh

1. Cấm đi khỏi nơi cư trú là biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với người bị yêu cầu dẫn độ có nơi cư trú rõ ràng nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Tòa án.

Việc áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật này.

Thời hạn áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú không được quá thời hạn bảo đảm việc xem xét yêu cầu dẫn độ và thời hạn xem xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.

2. Tạm hoãn xuất cảnh là biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với người bị yêu cầu dẫn độ nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Tòa án.

Việc áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh được thực hiện theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật này.

Thời hạn áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh không được quá thời hạn bảo đảm việc xem xét yêu cầu dẫn độ và thời hạn xem

xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.

Điều 505. Đặt tiền để bảo đảm

1. Đặt tiền để bảo đảm là biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với người bị yêu cầu dẫn độ căn cứ vào tình trạng tài sản của người đó nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Tòa án.

2. Việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm thực hiện theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật này.

3. Thời hạn áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm không được quá thời hạn bảo đảm việc xem xét yêu cầu dẫn độ và thời hạn xem xét kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định dẫn độ hoặc quyết định từ chối dẫn độ theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.

Điều 506. Hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn

1. Khi Tòa án có thẩm quyền quyết định từ chối dẫn độ hoặc hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định thi hành quyết định dẫn độ có hiệu lực mà nước yêu cầu dẫn độ không tiếp nhận người bị dẫn độ thì mọi biện pháp ngăn chặn đã áp dụng đều phải được hủy bỏ.

2. Người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn quy định tại Điều 502 của Bộ luật này phải kịp thời hủy bỏ hoặc thay đổi biện pháp ngăn chặn do mình quyết định nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết.

Điều 507. Xử lý tài sản do phạm tội mà có

1. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hợp tác với cơ quan

có thẩm quyền của nước ngoài trong việc truy tìm, tạm giữ, kê biên, phong tỏa, tịch thu, xử lý tài sản do phạm tội mà có để phục vụ yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

2. Việc truy tìm, tạm giữ, kê biên, phong tỏa, tịch thu tài sản do phạm tội mà có tại Việt Nam được thực hiện theo quy định của Bộ luật này và quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

3. Việc xử lý tài sản do phạm tội mà có tại Việt Nam thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo thoả thuận trong từng vụ việc cụ thể giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có liên quan.

Điều 508. Phối hợp điều tra, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

1. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể hợp tác với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc phối hợp điều tra hoặc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Việc hợp tác phối hợp điều tra hoặc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt được thực hiện trên cơ sở điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo thoả thuận trong từng vụ việc cụ thể giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có liên quan.

2. Các hoạt động phối hợp điều tra thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thực hiện theo quy định của Bộ luật này và quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Phần thứ chín

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 509. Hiệu lực thi hành

1. Bộ luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018*.
2. Bộ luật Tổ tụng hình sự số 19/2003/QH11 hết hiệu lực kể từ ngày Bộ luật này có hiệu lực.
3. Bãi bỏ quy định về việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa tại khoản 3 và khoản 4 Điều 27 của Luật Luật sư số 65/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 20/2012/QH13.

Điều 510. Quy định chi tiết

Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Bộ luật này.

Bộ luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Đã ký)

Nguyễn Sinh Hùng

* Chú thích Nhà xuất bản: Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 theo Nghị quyết số 41/2017/QH14.

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO -

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO -

BỘ CÔNG AN - BỘ TƯ PHÁP -

BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2013/TTLT-VKSNDTC-

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2013

TANDTC-BCA-BTP-BNG

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự

Căn cứ Luật Tương trợ tư pháp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Điều 345, Điều 346 Bộ luật Tố tụng hình sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao thống nhất hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn về điều kiện, nguyên tắc, trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Tương trợ tư pháp.

Điều 2. Điều kiện tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng

Việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự phải có đủ các điều kiện sau:

1. Người bị yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự là người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam, đang bị cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam điều tra, truy tố hoặc xét xử nhưng đã trốn khỏi Việt Nam đến nước mà người đó mang quốc tịch hoặc nước khác (nước mà người phạm tội đang có mặt, sau đây viết tắt là nước ngoài).

2. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã yêu cầu nước ngoài dẫn độ về Việt Nam, nhưng cơ quan có thẩm quyền của nước đó từ chối việc dẫn độ.

Điều 3. Nguyên tắc chuyển giao hồ sơ, vật chứng

Việc chuyển giao hồ sơ, vật chứng để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội được thực hiện trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đảm bảo an ninh chính trị của Việt Nam.

2. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; phù hợp tập quán quốc tế.

3. Đảm bảo bí mật nhà nước; chế độ bảo mật thông tin, tài liệu, vật chứng của vụ án.

4. Không làm ảnh hưởng đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội khác trong cùng vụ án hoặc việc giải quyết vụ án khác tại Việt Nam.

5. Tài liệu, vật chứng chuyển giao là những tài liệu, vật chứng không thể thiếu để phục vụ cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Điều 4. Áp dụng nguyên tắc có đi có lại

1. Trường hợp giữa Việt Nam và nước được yêu cầu chưa là thành viên của điều ước quốc tế tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội (sau đây viết tắt là hồ sơ) đến Bộ Ngoại giao để xem xét, quyết định việc đề nghị nước ngoài áp dụng nguyên tắc có đi có lại.

2. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Ngoại giao xem xét và đưa ra một trong các quyết định quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này. Đối với trường hợp cần thiết phải lấy ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp về việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại thì thời hạn này không quá hai mươi ngày làm việc.

3. Trường hợp quyết định đề nghị nước ngoài áp dụng nguyên

tắc có đi có lại, Bộ Ngoại giao có Công hàm đề nghị nước được yêu cầu áp dụng nguyên tắc có đi có lại kèm theo hồ sơ thông qua cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước được yêu cầu hoặc cơ quan đại diện của nước được yêu cầu tại Việt Nam; đồng thời thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao biết.

4. Trường hợp quyết định không đề nghị nước ngoài áp dụng nguyên tắc có đi có lại, trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ khi quyết định, Bộ Ngoại giao gửi trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời chính thức của nước ngoài về việc đồng ý áp dụng nguyên tắc có đi có lại, Bộ Ngoại giao thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao biết và phối hợp thực hiện.

6. Trường hợp nước ngoài đồng ý áp dụng nguyên tắc có đi có lại với những điều kiện kèm theo, Bộ Ngoại giao gửi văn bản tham khảo ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp phải có ý kiến trả lời bằng văn bản trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Ngoại giao.

Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại với những điều kiện kèm theo của nước ngoài trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, có Công hàm trả lời cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và gửi một bản sao Công hàm đó cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao biết để phối hợp.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾP NHẬN, CHUYỂN GIAO HỒ SƠ, VẬT CHỨNG

Mục 1

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾP NHẬN, CHUYỂN GIAO HỒ SƠ, VẬT CHỨNG GIỮA CÁC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỦA VIỆT NAM

Điều 5. Lập hồ sơ yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội

1. Khi yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu (sau đây viết tắt là cơ quan yêu cầu) phải lập hồ sơ.

2. Hồ sơ gồm có:

a) Công văn của cơ quan yêu cầu đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét việc chuyển hồ sơ cho nước ngoài;

b) Văn bản yêu cầu nước ngoài truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội do cơ quan yêu cầu lập theo mẫu được ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

c) Sao y bản chính hồ sơ gốc của vụ án trong trường hợp vụ án không có đồng phạm hoặc trong trường hợp có đồng phạm, hồ sơ vụ án của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự được tách, trích lập riêng theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch này;

d) Các tài liệu chứng minh đối tượng đang có mặt tại nước được yêu cầu;

đ) Văn bản từ chối dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Trường hợp giữa Việt Nam và nước được yêu cầu đã có Hiệp định về dẫn độ và đối tượng bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp từ chối dẫn độ theo quy định của Hiệp định thì cơ quan yêu cầu viện dẫn quy định đó trong Công văn gửi kèm thay cho văn bản từ chối dẫn độ;

e) Các tài liệu, vật chứng cần thiết khác có liên quan.

3. Hồ sơ phải được đánh số bút lục và có danh mục tài liệu, vật chứng kèm theo (nếu có) và được lập thành 03 bộ. Cơ quan yêu cầu có trách nhiệm dịch hồ sơ ra ngôn ngữ phù hợp theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp. Trường hợp cơ quan yêu cầu không xác định được ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu chấp nhận thì gửi văn bản đến Bộ Ngoại giao để nghị xác định.

4. Chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện các hoạt động lập hồ sơ, dịch thuật, chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao do cơ quan yêu cầu chi trả từ ngân sách nhà nước.

Điều 6. Xử lý vụ án có đồng phạm đang bị điều tra, truy tố hoặc xét xử tại Việt Nam

Trường hợp vụ án có đồng phạm đang bị điều tra, truy tố hoặc xét xử tại Việt Nam thì căn cứ vào việc quyết định yêu cầu nước ngoài truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, cơ quan yêu cầu tách hoặc trích lập riêng hồ sơ vụ án đối với người đó trước khi lập hồ sơ gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Việc tách hoặc trích lập hồ sơ vụ án của người bị yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự phải đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch này.

Điều 7. Hình thức chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Cơ quan yêu cầu có trách nhiệm chuyển trực tiếp hồ sơ đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc qua đường bưu điện.

2. Trường hợp chuyển trực tiếp thì việc giao, nhận phải được lập thành biên bản, nêu rõ các nội dung sau:

- a) Giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm giao, nhận hồ sơ;
- b) Tên cơ quan yêu cầu; họ, tên, chức vụ của người chuyển giao;
- c) Tên cơ quan tiếp nhận; họ, tên, chức vụ của người tiếp nhận;
- d) Các tài liệu có trong hồ sơ theo danh mục tài liệu đã được liệt kê; số lượng trang có trong hồ sơ đã được đánh số bút lục;
- đ) Chung loại vật chứng và tình trạng vật chứng (vật chứng đi kèm hồ sơ hay đang thuộc trách nhiệm bảo quản của cơ quan nào) được nêu trong danh mục vật chứng.

3. Trường hợp chuyển qua đường bưu điện, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm kiểm tra tài liệu, vật chứng có trong hồ sơ trước khi thụ lý. Trường hợp qua kiểm tra phát hiện tài liệu, vật chứng có trong hồ sơ bị thiếu hoặc không phù hợp với bản kê danh mục tài liệu, vật chứng thì phải thông báo ngay cho cơ quan gửi hồ sơ để phối hợp giải quyết.

4. Ngày Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trong biên bản giao, nhận (trong trường hợp chuyển trực tiếp) hoặc ngày đến theo dấu của bưu điện (trong trường hợp chuyển theo đường bưu điện).

Điều 8. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ

Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm:

1. Vào sổ thụ lý hồ sơ;
2. Kiểm tra tính đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch này. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại cho cơ quan yêu cầu và nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ thiếu các tài liệu cần thiết thì yêu cầu bổ sung. Thời hạn bổ sung tài liệu không quá mười ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu;
3. Xem xét, quyết định loại tài liệu, vật chứng chuyển giao cho nước ngoài theo quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch này. Trường hợp tài liệu, vật chứng kèm theo hồ sơ nhưng xét thấy không cần thiết chuyển giao cho nước ngoài thì trả lại cho cơ quan yêu cầu;
4. Liên hệ với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc chuyển giao hồ sơ, vật chứng để yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội theo điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước được yêu cầu là thành viên;
- Trường hợp giữa Việt Nam và nước được yêu cầu chưa có điều ước quốc tế về lĩnh vực này thì đề nghị Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định việc đề nghị nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trên cơ sở áp dụng nguyên tắc có đi có lại theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch này;
5. Thông báo cho cơ quan yêu cầu biết về việc chuyển giao hồ sơ, vật chứng cho nước ngoài. Nội dung thông báo phải cụ thể

về thời gian, địa điểm chuyển giao; loại tài liệu, vật chứng chuyển giao; loại tài liệu, vật chứng không chuyển giao.

Điều 9. Việc tiếp nhận, chuyển giao vật chứng giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam

1. Trường hợp vật chứng kèm theo hồ sơ:

a) Khi chuyển giao hồ sơ, cơ quan có trách nhiệm phải chuyển giao cả vật chứng kèm theo;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm bảo quản vật chứng kèm theo trong thời gian quản lý hồ sơ.

2. Trường hợp vật chứng đang được bảo quản tại kho vật chứng:

a) Cơ quan yêu cầu phải chụp ảnh hoặc ghi hình kèm theo mô tả vật chứng để đưa vào hồ sơ và thông báo cho cơ quan bảo quản vật chứng biết;

b) Cơ quan đang bảo quản vật chứng có trách nhiệm tiếp tục bảo quản vật chứng cho đến khi có lệnh trích xuất vật chứng của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi có quyết định xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHUYỂN GIAO HỒ SƠ, VẬT CHỨNG CHO NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Trách nhiệm liên hệ, chuyển giao hồ sơ, vật chứng cho nước ngoài

1. Trường hợp giữa Việt Nam và nước được yêu cầu đều là thành viên của điều ước quốc tế tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trực tiếp liên hệ và chuyển giao hồ sơ, vật chứng cho nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế.

2. Trường hợp Việt Nam và nước được yêu cầu không cùng là thành viên của điều ước quốc tế tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có công văn kèm theo hồ sơ gửi đến Bộ Ngoại giao để thực hiện trách nhiệm liên hệ, chuyển giao cho nước được yêu cầu theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch này.

Điều 11. Thủ tục chuyển giao vật chứng cho nước ngoài

1. Nếu vật chứng cần chuyển giao cho nước ngoài kèm theo hồ sơ thì khi chuyển giao hồ sơ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc Bộ Ngoại giao chuyển giao cả vật chứng đó cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

2. Nếu vật chứng cần chuyển giao được bảo quản tại kho vật chứng thì giải quyết theo thủ tục sau:

a) Chậm nhất là năm ngày làm việc trước ngày chuyển giao cho nước ngoài, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan yêu cầu biết về thời gian, địa điểm chuyển giao. Cơ quan yêu cầu có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan bảo quản vật chứng thực hiện việc trích xuất và vận chuyển vật chứng theo đúng thời gian, địa điểm nêu trong thông báo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Trường hợp chuyển qua kênh ngoại giao, khi liên hệ với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để thống nhất về việc chuyển giao, Bộ Ngoại giao cần lưu ý thời gian dành cho việc trích xuất, vận chuyển vật chứng ít nhất là bảy ngày làm việc trước ngày chuyển giao. Trong thời hạn hai ngày làm việc kể từ khi có được sự thống nhất về việc chuyển giao với nước ngoài, Bộ Ngoại giao thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao biết và phối hợp thực hiện việc chuyển giao.

Việc thông báo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho cơ quan yêu cầu để thực hiện trách nhiệm chủ trì, phối hợp thực hiện việc trích xuất, vận chuyển vật chứng được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

Điều 12. Hình thức chuyển giao hồ sơ, vật chứng cho nước ngoài

1. Tùy theo từng trường hợp, việc chuyển giao hồ sơ, vật chứng cho nước ngoài có thể thực hiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

2. Trường hợp chuyển giao trực tiếp, việc chuyển giao phải được lập thành biên bản, thể hiện đầy đủ các tài liệu có trong hồ sơ, danh mục và tình trạng vật chứng được chuyển giao, có chữ ký của bên giao - là đại diện các cơ quan có liên quan của Việt Nam tại địa điểm bàn giao và bên nhận - là đại diện của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tại địa điểm bàn giao.

3. Trường hợp chuyển giao qua đường bưu điện, cơ quan thực hiện việc chuyển giao phải niêm phong hồ sơ, vật chứng trước khi gửi và phải lưu biên nhận của bưu điện.

Điều 13. Chi phí chuyển giao hồ sơ, vật chứng cho nước ngoài

Chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện việc chuyển giao hồ sơ, vật chứng cho nước ngoài do cơ quan thực hiện việc chuyển giao (Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc Bộ Ngoại giao) chi trả từ ngân sách nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 14. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện trong ngành Kiểm sát

nhân dân về việc lập hồ sơ và thủ tục yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội theo quy định của Thông tư liên tịch này.

2. Theo dõi và thông báo kết quả việc thực hiện yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội của nước ngoài cho cơ quan yêu cầu biết trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả từ cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc từ Bộ Ngoại giao; đề nghị phía nước ngoài chuyển trả hồ sơ, vật chứng cho Việt Nam trong trường hợp nước ngoài từ chối truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

3. Hàng năm, tập hợp và gửi các điều ước tương trợ tư pháp về hình sự mà Việt Nam mới ký kết hoặc tham gia cho Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao.

Điều 15. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao

Hướng dẫn và tổ chức thực hiện trong ngành Tòa án về việc lập hồ sơ và thủ tục yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội theo quy định của Thông tư liên tịch này.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện trong ngành Công an nhân dân về việc lập hồ sơ và thủ tục yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội theo quy định của Thông tư liên tịch này.

2. Hướng dẫn cơ quan quản lý kho vật chứng trong Công an nhân dân tổ chức thực hiện việc bảo quản, trích xuất, bàn giao vật chứng của vụ án để chuyển giao cho nước ngoài theo quy định của Thông tư liên tịch này.

Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

Hướng dẫn cơ quan thi hành án dân sự các cấp tổ chức thực hiện việc bảo quản, trích xuất, bàn giao vật chứng của vụ án để chuyển giao cho nước ngoài theo quy định của Thông tư liên tịch này.

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Tổ chức thực hiện trong ngành Ngoại giao về nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Ngoại giao liên quan đến việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án cho nước ngoài theo quy định của Thông tư liên tịch này.

2. Xác định ngôn ngữ của nước được yêu cầu theo đề nghị của cơ quan lập hồ sơ trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

3. Trong trường hợp áp dụng nguyên tắc có đi có lại, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao liên hệ với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để biết kết quả thực hiện yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam; đề nghị phía nước ngoài chuyển trả hồ sơ, vật chứng cho Việt Nam trong trường hợp nước ngoài từ chối truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội; tiếp nhận kết quả truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội hoặc hồ sơ, vật chứng trả lại từ nước ngoài và chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày nhận được.

4. Hàng năm, tập hợp danh sách tên các quốc gia, vùng lãnh thổ có điều ước, hoặc thỏa thuận về áp dụng nguyên tắc có đi có lại với Việt Nam liên quan đến yêu cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội và thông báo cho Viện

kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2013.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh vấn đề mới đề nghị phản ánh kịp thời đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp hoặc Bộ Ngoại giao để giải thích hoặc hướng dẫn bổ sung./.

KT. CHÁNH ÁN

KT. VIỆN TRƯỞNG

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

PHÓ CHÁNH ÁN THƯỜNG TRỰC

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

(Đã ký)

(Đã ký)

Đặng Quang Phương

Trần Công Phàn

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

THỨ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

(Đã ký)

Hoàng Thế Liên

Thượng tướng Lê Quý Vương

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Sơn

PHỤ LỤC MẪU VĂN BẢN
YÊU CẦU NƯỚC NGOÀI
TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG ngày 16 tháng 8 năm 2013 của liên ngành Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Tư pháp - Bộ Ngoại giao)

.....(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../UTTPHS -.....(2), ngày..... tháng..... năm.....(3)

V/v truy cứu trách
nhiệm hình sự

YÊU CẦU TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

..... (4)....., nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin gửi lời chào trân trọng đến..... (5).....;

Căn cứ:..... (6).....

..... (7)....., nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Địa chỉ:..... (8).....

Trân trọng đề nghị:..... (9).....
..... xem xét việc truy cứu trách nhiệm hình sự

Đối với:..... (10).....

Giới tính:..... (11).....

Sinh ngày:..... (12).....

Quốc tịch:..... (13).....

Số hộ chiếu:..... (14).....

Địa chỉ:..... (15).....

Là bị can, bị cáo trong vụ án..... (16).....
do..... (17), nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
đang giải quyết:

Tóm tắt nội dung của vụ án liên quan đến yêu cầu, lý do yêu
cầu:..... (18)..... Quy định của pháp luật Việt Nam liên quan
đến yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự:..... (19).....

Về thời hạn thực hiện yêu cầu:..... (20).....

Nhân dịp này..... (21)....., nước Cộng hòa xã hội chủ
nghĩa Việt Nam xin bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với sự phối hợp
của..... (22).....

THỦ TRƯỞNG

(hoặc KT. THỦ TRƯỞNG

PHÓ THỦ TRƯỞNG)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng Phụ lục:

(1) (4) (7) (17) (21): Ghi cụ thể tên của cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu (cơ quan yêu cầu). Chẳng hạn: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội hoặc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

(2): Viết tắt tên cơ quan yêu cầu. Ví dụ: VKSHN.

(3): Ghi rõ địa điểm, ngày, tháng lập văn bản yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự.

(5) (9) (22): Ghi đầy đủ tên, địa chỉ của cơ quan được yêu cầu theo quy định về địa giới hành chính của nước được yêu cầu (nếu biết) và tên của nước được yêu cầu. Ví dụ: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kinh, địa chỉ: số..., đường..., quận..., thành phố..., nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

(6): Ghi rõ tên văn bản pháp lý mà dựa vào đó hai nước thực hiện yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự của nhau.

Trường hợp yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội dựa trên quy định của Hiệp định mà Việt Nam và nước được yêu cầu đã ký kết thì ghi rõ tên của Hiệp định và trích dẫn quy định có liên quan.

Trường hợp yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội dựa trên Công ước quốc tế mà Việt Nam và nước được yêu cầu là thành viên thì ghi rõ tên của Công ước và quy định có liên quan.

Trường hợp yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội dựa trên nguyên tắc có đi có lại thì ghi rõ: Đề nghị nước được yêu cầu áp dụng nguyên tắc có đi có lại về thực hiện yêu

cầu tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

(8): Ghi đầy đủ thông tin về địa chỉ của cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu.

(10): Ghi rõ họ tên đầy đủ của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự.

(11): Ghi rõ giới tính của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự.

(12): Ghi rõ thông tin về ngày tháng năm sinh của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự.

(13): Ghi rõ quốc tịch của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp người đó không có quốc tịch thì ghi là “Không có quốc tịch”.

(14): Ghi số hộ chiếu của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự.

(15): Ghi đầy đủ thông tin về địa chỉ của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự tại nước được yêu cầu (nếu biết).

(16): Ghi tên của vụ án mà cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu đang thụ lý giải quyết, trong đó người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự là bị can, bị cáo.

(18): Mô tả tóm tắt, ngắn gọn các nội dung sau:

- Nội dung vụ án, đặc biệt là các tình tiết, thông tin của vụ án liên quan đến hành vi phạm tội của người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Các thủ tục tố tụng đã áp dụng đối với người bị yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự tại Việt Nam;

- Thông tin về việc người bị yêu cầu đã trốn khỏi Việt Nam và hiện đang có mặt tại nước được yêu cầu;

- Những yêu cầu của Việt Nam đối với nước được yêu cầu liên quan đến việc điều tra, xử lý người phạm tội như: yêu cầu lấy lời khai, thu thập chứng cứ, dẫn độ... (nếu có) và kết quả thực hiện các yêu cầu đó của nước được yêu cầu.

(19): Cần:

- Trích dẫn cụ thể điều luật, khoản quy định về tội danh và hình phạt đối với hành vi phạm tội của người bị yêu cầu trong Bộ luật Hình sự Việt Nam: Trường hợp mới xác định được tội danh thì trích dẫn toàn bộ điều luật đó. Ví dụ: Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định như sau: (trích dẫn toàn bộ điều luật); Trường hợp đã xác định được tội danh và điều khoản áp dụng thì chỉ cần trích dẫn điều khoản mô tả cấu thành tội phạm đó và hình phạt áp dụng. Ví dụ: Điều 194 khoản 3 Bộ luật Hình sự năm 1999 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định như sau: "...".

- Trích dẫn Điều 23 Bộ luật Hình sự Việt Nam về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

(20): Ghi rõ thời hạn mà cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu mong muốn nhận được kết quả truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

**VIỆN KIỂM SÁT
NHÂN DÂN TỐI CAO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/HD-VKSTC-HTQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2012

V/v thực hiện hoạt động
tương trợ tư pháp trực tiếp
giữa VKS các tỉnh có chung
đường biên giới với Lào

Kính gửi: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh:
Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An,
Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên -
Huế, Quảng Nam, Kon Tum

Điều 4 Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký năm 1998 quy định *“Trong khi thực hiện tương trợ tư pháp, cơ quan tư pháp của các nước ký kết liên hệ với nhau thông qua Viện kiểm sát nhân dân tối cao (về các vấn đề hình sự) của nước mình... Cơ quan tư pháp của các tỉnh giáp biên giới của các nước ký kết được liên hệ trực tiếp với nhau để thực hiện tương trợ tư pháp, nhưng phải báo cáo cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao của nước mình trước”*.

Thực tiễn hoạt động tương trợ tư pháp thời gian qua cho thấy, Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh có chung đường biên giới với Lào đã gặp phải một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Để việc thực hiện tương trợ được tiến hành nhanh chóng, thuận lợi, sau khi thống nhất ý kiến với Viện kiểm sát nhân dân tối cao Lào, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn việc thực

hiện các hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự của Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh có chung đường biên giới với Lào như sau:

1. Phạm vi tương trợ

Căn cứ Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Lào năm 1998, Hiệp định ASEAN về tương trợ tư pháp về hình sự năm 2004 và Luật Tương trợ tư pháp năm 2007, phạm vi tương trợ tư pháp về hình sự có thể bao gồm:

- a) Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự;
- b) Lấy lời khai của đương sự, người làm chứng và những người có liên quan;
- c) Bố trí để những người có liên quan cung cấp chứng cứ hoặc trợ giúp trong các vấn đề hình sự;
- d) Thực hiện các yêu cầu khám xét và thu giữ;
- e) Xác định, tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội;
- f) Xác định địa điểm và nhận dạng người;
- g) Tiến hành giám định;
- h) Thu thập chứng cứ, chuyển giao chứng cứ và kết quả của việc giám định cùng với hồ sơ và các tài liệu khác;
- i) Truy cứu trách nhiệm hình sự;
- j) Trao đổi thông tin; và
- k) Các hình thức tương trợ khác phù hợp với mục đích của Hiệp định và không trái với pháp luật của nước được yêu cầu.

2. Hồ sơ ủy thác tư pháp về hình sự

Hồ sơ ủy thác tư pháp về hình sự được lập theo quy định tại Điều 18, 19 Luật Tương trợ tư pháp (*có mẫu gửi kèm theo*). Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp cần ghi rõ thời hạn mong muốn nhận được kết quả ủy thác.

Để yêu cầu tương trợ tư pháp được thực hiện nhanh chóng, hồ sơ ủy thác và các tài liệu kèm theo nên có bản dịch tiếng Lào.

3. Cách thức liên hệ và thực hiện yêu cầu tương trợ

Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh có chung đường biên giới với Lào được liên hệ trực tiếp với cơ quan tư pháp của nước bạn trong việc tiếp nhận, thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, đồng thời phải báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế), cụ thể như sau:

Đối với tương trợ tư pháp đến, sau khi nhận được yêu cầu tương trợ tư pháp trực tiếp từ cơ quan tiến hành tố tụng các tỉnh biên giới của Lào, Viện kiểm sát địa phương phải báo cáo ngay cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Viện kiểm sát địa phương chủ động thực hiện tương trợ và gửi kết quả thực hiện cho bạn, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Viện kiểm sát địa phương cần cố gắng thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp của nước bạn gửi đến trong thời gian nhanh nhất có thể. Trong trường hợp không thực hiện được yêu cầu hoặc có vướng mắc trong quá trình thực hiện yêu cầu thì kịp thời thông báo cho bạn, đồng thời báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao để phối hợp giải quyết.

Đối với tương trợ tư pháp đi, Viện kiểm sát địa phương khi gửi yêu cầu tương trợ tư pháp trực tiếp tới cơ quan tiến hành tố

tụng các tỉnh biên giới của Lào thì đồng thời phải báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao để theo dõi, đôn đốc việc thực hiện.

Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh có chung đường biên giới với Lào cần giao cho một đơn vị cấp phòng là đầu mối và bố trí cán bộ chuyên trách về hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự với Lào để tiện liên hệ với đơn vị đầu mối của Viện kiểm sát nước bạn.

4. Chế độ thông tin, báo cáo

Ngoài việc báo cáo đối với các vụ việc cụ thể theo quy định tại Mục 3 công văn này, các Viện kiểm sát địa phương thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo quy định của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 và Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ, để thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động tương trợ tư pháp hình sự.

Tùy theo tình hình và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Viện kiểm sát nhân dân tối cao khuyến khích và tạo điều kiện cho Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh có chung đường biên giới với Lào tăng cường các hoạt động phối hợp trao đổi thông tin về tình hình tội phạm khu vực biên giới, về kinh nghiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm và tương trợ tư pháp về hình sự.

Trên đây là hướng dẫn việc thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự của Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh có chung đường biên giới với Lào, đề nghị Viện kiểm sát các địa phương tổ chức phổ biến trong đơn vị, địa phương mình để thực hiện thống nhất nhằm nâng cao chất lượng công tác tương trợ tư pháp về hình sự.

Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các Viện kiểm sát địa phương phản ánh về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế) để được hướng dẫn.

Tài liệu gửi kèm:

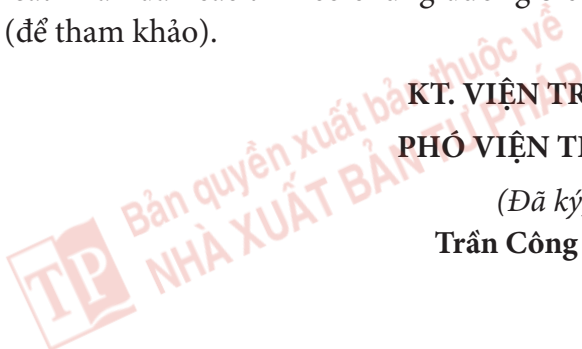
- Mẫu văn bản ủy thác tư pháp về hình sự (để thực hiện);
- Thông tư số 002/VKSNDTC ngày 09/01/2012 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào hướng dẫn việc hợp tác trực tiếp về hình sự giữa Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh có chung đường biên giới Lào - Việt Nam (để tham khảo).

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Công Phàn



**VIỆN KIỂM SÁT
NHÂN DÂN TỐI CAO**

Số: 38/HD-VKSTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2019

HƯỚNG DẪN

Lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao Trung Quốc

- Kính gửi: - Vụ 1, 2, 3, 4, 5, 6, Cục 1 Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Quân sự trung ương;
 - Viện kiểm sát nhân dân cấp cao I, II, III;
 - Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Trung Quốc được thực hiện trên cơ sở Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự năm 1998 giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 của Việt Nam. Thực tiễn hoạt động tương trợ tư pháp giữa hai nước thời gian qua cho thấy, nhiều yêu cầu tương trợ của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng Việt Nam gửi đi Trung Quốc bị Viện kiểm sát nhân dân tối cao Trung Quốc từ chối thực hiện hoặc đề nghị bổ sung thông tin để thực hiện, làm kéo dài thời gian thực hiện tương trợ, ảnh hưởng tới tiến độ và thời hạn điều tra, truy tố, xét xử các vụ

án hình sự có yếu tố nước ngoài của Việt Nam. Trên cơ sở kết quả Hội nghị Viện kiểm sát các tỉnh có chung đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc lần thứ 2 tổ chức trong thời gian 27 đến 29/11/2019 tại Quảng Ninh, Việt Nam, để việc thực hiện tương trợ được tiến hành nhanh chóng, thuận lợi, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn việc lập Yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi Trung Quốc như sau:

Yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi Trung Quốc tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 18, 19 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007, Mẫu số 01 và 02 do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành (*có mẫu gửi kèm theo*), trong đó cần lưu ý một số điểm sau:

1. *Mục đích ủy thác tư pháp*: nêu cụ thể, chi tiết mục đích ủy thác theo từng nội dung yêu cầu phía Trung Quốc thực hiện để các cơ quan có thẩm quyền thực hiện tương trợ phía Trung Quốc đánh giá đầy đủ tính cần thiết của việc thực hiện tương trợ cho phía Việt Nam. Ví dụ: yêu cầu phía Trung Quốc hỗ trợ xác minh lý lịch tư pháp, tiền án tiền sự của công dân Trung Quốc nhằm mục đích gì hay dùng để làm gì.

2. *Nội dung vụ án và các tình tiết liên quan*: nêu cụ thể, chi tiết nội dung của vụ án, đặc biệt là hành vi và quá trình phạm tội; vai trò của từng đồng phạm tham gia vào việc thực hiện hành vi phạm tội (nếu có); nêu rõ ràng họ tên, địa chỉ bằng tiếng Trung Quốc và các thông tin nhân thân khác của bị can và đối tượng liên quan đến việc thực hiện nội dung tương trợ; tiến trình tố tụng và giai đoạn tố tụng của vụ án mà phía Việt Nam đang giải quyết, tư cách tố tụng của các cá nhân được yêu cầu lấy lời khai, bị can có đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn nào không; đối với

yêu cầu tương trợ có liên quan đến việc xác minh tài khoản ngân hàng, cần cung cấp đầy đủ thông tin về tài khoản ngân hàng cần xác minh.

3. *Trích dẫn điều luật có thể áp dụng*: trích dẫn đầy đủ toàn bộ nội dung của điều luật quy định về tội danh và hình phạt có thể áp dụng trong vụ án hình sự mà phía Việt Nam đang giải quyết.

4. *Nội dung yêu cầu*: nêu rõ ràng từng nội dung yêu cầu phía Trung Quốc thực hiện, tránh tình trạng nêu nội dung yêu cầu quá nhiều, phạm vi dàn trải nhưng không cung cấp đủ thông tin chi tiết để phía Trung Quốc thực hiện yêu cầu tương trợ cho phía Việt Nam.

5. *Tài liệu kèm theo yêu cầu*: cung cấp bản sao Hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc các giấy tờ khác thể hiện thông tin nhân thân của cá nhân liên quan đến yêu cầu. Trong trường hợp không thu thập được những giấy tờ đó, cần nêu rõ trong văn bản Yêu cầu tương trợ để tránh việc phía Trung Quốc yêu cầu bổ sung những tài liệu này. Ví dụ: Cơ quan điều tra của Việt Nam không thu thập được Hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc các giấy tờ khác của đối tượng liên quan đến yêu cầu.

6. *Ngôn ngữ*: yêu cầu tương trợ tư pháp gửi Trung Quốc và các tài liệu đính kèm là văn bản do Cơ quan, tổ chức Việt Nam ban hành bằng tiếng Việt cần được dịch sang tiếng Trung Quốc (phổ thông, giản thể) có công chứng, bảo đảm chất lượng dịch thuật để các cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc có thể hiểu được nội dung yêu cầu của phía Việt Nam và tổ chức thực hiện.

7. *Thời hạn mong muốn thực hiện yêu cầu*: đề nghị các Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong nước lập yêu cầu

tương trợ sớm và đề ra thời hạn hợp lý để phía Trung Quốc có thể thực hiện được; Tránh tình trạng sắp hết thời hạn điều tra vụ án hình sự mới lập yêu cầu tương trợ tư pháp gửi đi và đề nghị phía Trung Quốc thực hiện và cung cấp kết quả trong thời hạn quá ngắn.

Trên đây là hướng dẫn việc lập Yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi Trung Quốc, đề nghị các đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát các cấp phối hợp với Cơ quan điều tra cùng cấp tổ chức thực hiện thống nhất nhằm nâng cao chất lượng công tác tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các Viện kiểm sát địa phương phản ánh về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự) để được hướng dẫn./.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
(Đã ký)
Trần Công Phàn

2. Các mẫu văn bản sử dụng trong lập hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

♦ *Mẫu số 01: Văn bản yêu cầu thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao*

.....⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../TTTPHS....⁽²⁾ , ngày.....tháng.....năm.....⁽⁴⁾
V/v tương trợ tư pháp
(lần.....)⁽³⁾

Kính gửi: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Tên cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp:(5).....

Địa chỉ:(6).....

Đang giải quyết vụ án về: (7).....

Xét thấy việc yêu cầu tương trợ tư pháp là cần thiết cho việc giải quyết vụ án,(8)

Căn cứ vào Điều 18 và Điều 22 của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007,

Quyết định yêu cầu:(9).....

Để tiến hành việc:(10)

Đối với:(11)

..... (12)đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp này tới cơ quan có thẩm quyền của nước..... và gửi kết quả về

.....(13)trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Mọi chi tiết xin liên hệ với đồng chí (14)
.....điện thoại

..... (15)xin trân trọng cảm ơn sự
phối hợp của Quý Viện.

Nơi nhận:

-.....;

-.....;

- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng Mẫu số 01:

(1) (5) (8) (12) (13) (15) Ghi tên Cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp (Ví dụ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội hoặc Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội).

(2) Viết tắt Cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp (Ví dụ: PC01).

(3) Ghi rõ số lần yêu cầu tương trợ tư pháp (Ví dụ: V/v ủy thác tư pháp (lần 1)).

(4) Ghi địa điểm và thời gian lập văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp.

(6) Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp.

(7) Ghi tóm tắt nội dung vụ án đang được giải quyết.

(9) Ghi đầy đủ tên và địa chỉ của cơ quan được yêu cầu tương trợ tư pháp theo quy định về địa giới hành chính của nước được ủy

thác tư pháp (nếu biết). Ví dụ: Viện kiểm sát nhân dân tối cao..., địa chỉ: số..., đường..., quận..., thành phố..., nước....

Chú ý: tên của các cơ quan nước ngoài cần được kiểm tra trước khi gửi yêu cầu tương trợ để đảm bảo chính xác, nghiêm túc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc gửi và thực hiện các yêu cầu tương trợ.

(10) Tùy thuộc vào nội dung tương trợ tư pháp mà cơ quan đề nghị tương trợ ghi một hoặc nhiều nội dung tương trợ tư pháp theo quy định tại Điều 20 của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007.

(11) Ghi đầy đủ thông tin về người liên quan trực tiếp đến yêu cầu tương trợ tư pháp.

Nếu người liên quan trực tiếp đến yêu cầu tương trợ tư pháp là cá nhân thì ghi đầy đủ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ liên lạc.

Nếu người liên quan trực tiếp đến yêu cầu tương trợ tư pháp là cơ quan, tổ chức thì ghi tên đầy đủ, địa chỉ liên lạc hoặc văn phòng trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó (nếu có tên bằng tiếng nước ngoài thì ghi cả tên bằng tiếng nước ngoài).

(14) Ghi tên cán bộ thụ lý giải quyết vụ án.

Lưu ý: Nếu trong trường hợp có yêu cầu khẩn cấp thì nêu rõ lý do phải yêu cầu khẩn cấp.

♦ Mẫu số 02: Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài

.....⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:... /TTTPHS - ...⁽²⁾

....., ngày.....tháng.....năm.....⁽⁴⁾

V/v yêu cầu tương trợ
tư pháp (lần.....)⁽³⁾

Số tham chiếu:...⁽⁵⁾

YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

..... (6)+ nước Cộng hoà xã hội chủ
nghĩa Việt Nam xin gửi lời chào trân trọng đến (7)
.....+ tên của nước được yêu cầu.

Căn cứ pháp lý: (8)

Tên cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp: (9).....

Địa chỉ: (10)

Là cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền yêu cầu tương
trợ tư pháp về hình sự theo pháp luật Việt Nam, thông qua Viện
kiểm sát nhân dân tối cao - Cơ quan Trung ương về tương trợ tư
pháp hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trân trọng yêu cầu: Tên cơ quan được yêu cầu tương trợ tư
pháp: (11)

Địa chỉ (nếu có): (12)

Họ và tên người có liên quan trực tiếp đến yêu cầu tương trợ
tư pháp: (13)

Giới tính: (14)

Quốc tịch: (15)

Địa chỉ: (16)

Nội dung công việc tương trợ tư pháp:

a) Mục đích tương trợ tư pháp: (17)

b) Nội dung vụ án và các tình tiết liên quan: (18) .

c) Trích dẫn điều luật có thể áp dụng: (19).....

d) Nội dung yêu cầu tương trợ:..... (20).....

đ) Về các biện pháp có thể thực hiện tương trợ tư pháp:
..... (21).....

e) Chứng nhận chứng thực: (22)

g) Bảo đảm và cam kết: (23).....

h) Về thời hạn thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp:
..... (24)

(Cơ quan yêu cầu) khẳng định rằng yêu cầu này là cần thiết cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án đã nêu trên.

Nhân dịp này (25).....nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam một lần nữa xin gửi tới (26)
.....+ tên của nước được yêu cầu lời chào trân trọng.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm: (27)

Hướng dẫn sử dụng Mẫu số 02:

(1) (6) (9) (10) (25) Ghi tên Cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp (Ví dụ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội hoặc Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội).

(2) Viết tắt Cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp (Ví dụ: PC01).

(3) Ghi rõ số lần yêu cầu tương trợ tư pháp (Ví dụ: V/v yêu cầu tương trợ tư pháp (lần 1)).

(4) Ghi địa điểm và thời gian lập văn bản tương trợ tư pháp.

(5) Ghi mã số hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp lần 1 (Ví dụ: Số tham chiếu: 01/TTTPHS-PC01).

(7) (11) (12) (26) Ghi đầy đủ tên và địa chỉ của cơ quan được yêu cầu tương trợ tư pháp theo quy định về địa giới hành chính của nước được yêu cầu tương trợ tư pháp (nếu biết). Ví dụ: Viện kiểm sát nhân dân tối cao..., địa chỉ: số..., đường..., quận..., thành phố..., nước...

Nếu giữa Việt Nam và nước ngoài có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự thì cơ quan được yêu cầu tương trợ tư pháp là cơ quan có thẩm quyền theo quy định của điều ước quốc tế đó. Nếu Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự thì cơ quan được yêu cầu tương trợ tư pháp là cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

(8) Ghi rõ văn bản pháp lý mà dựa vào đó hai nước thực

hiện tương trợ tư pháp cho nhau (Ví dụ: Hiệp định tương trợ tư pháp.....) hoặc căn cứ nguyên tắc có đi có lại (trong trường hợp Việt Nam và nước được yêu cầu chưa ký Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự); Luật Tương trợ tư pháp 2007 của Việt Nam.

(13) Ghi đầy đủ thông tin về người liên quan trực tiếp đến yêu cầu tương trợ tư pháp.

- Nếu người liên quan trực tiếp đến yêu cầu tương trợ tư pháp là cá nhân thì ghi đầy đủ tên, ngày tháng năm sinh.

- Nếu người liên quan trực tiếp đến yêu cầu tương trợ tư pháp là cơ quan, tổ chức thì ghi tên đầy đủ hoặc văn phòng trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó (nếu có tên bằng tiếng nước ngoài thì ghi cả tên bằng tiếng nước ngoài).

(14) (15) (16) Trước khi tiến hành lập hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp, cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp phải thu thập, xác minh chính xác các thông tin như giới tính, quốc tịch, địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người liên quan trực tiếp đến việc tương trợ.

(17) Mục đích của yêu cầu tương trợ tư pháp là nhằm phục vụ cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự đang được điều tra và nêu tại hồ sơ yêu cầu này tại Việt Nam.

(18) Ghi tóm tắt nội dung vụ án, đặc biệt là các tình tiết hay thông tin về nội dung vụ án mà liên quan việc lập yêu cầu tương trợ.

Nêu các thủ tục tố tụng đã áp dụng đối với vụ án, tiến độ điều tra, truy tố, xét xử.

(19) Trích dẫn điều luật quy định tội danh và hình phạt trong Bộ luật Hình sự Việt Nam.

- Trường hợp mới xác định được tội danh thì trích dẫn toàn bộ nội dung điều luật đó.

- Trường hợp đã xác định được tội danh và điều khoản áp dụng thì chỉ cần trích dẫn nội dung khoản 1 và điều khoản mô tả cấu thành tội đó và hình phạt áp dụng.

“1....

...

3....”

(20) Nêu những công việc cụ thể mà Quốc gia được yêu cầu phải thực hiện. Ví dụ:

- Tổng đạt giấy tờ, tài liệu tố tụng cho một người (nêu chính xác tên, địa chỉ... của người đó).

- Lấy lời khai của một người (nêu chính xác tên, địa chỉ... người đó; các câu hỏi cụ thể...).

- Thu thập chứng cứ, cung cấp đồ vật, tài liệu (mô tả cụ thể, chi tiết chứng cứ cần thu thập, đồ vật, tài liệu cần được cung cấp; tên, địa chỉ... của cá nhân, tổ chức đang cầm giữ, quản lý chứng cứ, đồ vật, tài liệu đó; thời gian, địa điểm chứng cứ, đồ vật, tài liệu đó đang tồn tại (nếu cần thiết thì mô tả cách thức thu thập chứng cứ, đồ vật, tài liệu đó).

- Triệu tập người làm chứng, người giám định (nêu tên, địa chỉ người cần triệu tập; lý do triệu tập; trích dẫn điều luật về quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; nêu khả năng nếu việc triệu tập không thực hiện được thì cần phải làm thủ tục gì, nếu triệu tập

được thì mô tả cách thức, trình tự thời gian để người được triệu tập đến Việt Nam và có mặt tại cơ quan lập yêu cầu, cam kết bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, điều kiện ăn ở, đi lại cho người làm chứng, người giám định).

Lưu ý: phải gửi yêu cầu tương trợ chậm nhất 90 ngày trước ngày dự định người đó phải có mặt.

- Khám xét người hay địa điểm (cơ quan lập yêu cầu có thể ban hành Lệnh khám xét và gửi kèm theo hồ sơ tương trợ để đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu thi hành Lệnh khám xét đó hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu ban hành và thi hành Lệnh khám xét để thu thập chứng cứ, đồ vật, tài liệu, đồng thời nêu các thông tin như phần mục đích thu thập chứng cứ, cung cấp đồ vật tài liệu; hồ sơ yêu cầu tương trợ cần kèm theo các quyết định tố tụng hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng và tài liệu, chứng cứ, thông tin khác cần thiết cho việc khám xét).

- Chuyển giao quyền truy cứu trách nhiệm hình sự (chuyển giao hồ sơ vụ án, tang vật, đồ vật, tài liệu khác có liên quan).

- Nội dung yêu cầu tương trợ khác (nếu có).

Lưu ý:

- Nếu kết quả tương trợ cần được thể hiện theo một mẫu văn bản tố tụng theo pháp luật Việt Nam thì cơ quan lập yêu cầu phải gửi kèm theo mẫu đó cùng bản dịch ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ quy định tại Hiệp định mà các bên là thành viên hay ngôn ngữ khác được nước yêu cầu chấp nhận.

- Liên quan đến nội dung yêu cầu, nếu thấy cần thiết, cơ quan

lập yêu cầu có thể gửi các tài liệu, đồ vật kèm theo để hỗ trợ cho việc thực hiện yêu cầu.

(21) Cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp có thể đề nghị cơ quan được yêu cầu thực hiện theo các biện pháp cụ thể để đảm bảo việc giải quyết vụ án theo pháp luật Việt Nam. Các biện pháp này phải được miêu tả chi tiết để cơ quan được yêu cầu thực hiện chính xác theo đúng yêu cầu của phía Việt Nam.

- Có thể lưu ý thêm: Trường hợp không thể thực hiện được theo địa chỉ đã nêu trong văn bản yêu cầu thì đề nghị cơ quan được yêu cầu căn cứ theo pháp luật của nước mình tiến hành các biện pháp cần thiết để xác minh địa chỉ đúng. Trường hợp không tổng đạt được cho người có liên quan thì đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo theo quy định của pháp luật nước được yêu cầu.

- Trường hợp cần bổ sung thông tin để thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp thì đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo cho cơ quan đã yêu cầu biết.

(22) Trong trường hợp kết quả tương trợ đòi hỏi phải chứng nhận, chứng thực thì nêu cách thức chứng thực, chứng nhận cần thực hiện.

(23) Các tài liệu, thông tin do phía được yêu cầu cung cấp sẽ chỉ được sử dụng cho mục đích điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự nêu trong yêu cầu.

- Kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ sẽ được đảm bảo giữ bí mật theo quy định của pháp luật Việt Nam và yêu cầu của phía được yêu cầu tương trợ (nếu có). Trong trường hợp kết quả tương

trợ cần được sử dụng ngoài mục đích nêu trên thì phải có sự đồng ý của phía được yêu cầu tương trợ.

(24) Nêu thời hạn mong muốn nhận được kết quả thực hiện tương trợ tư pháp (Ví dụ: Thời hạn nhận kết quả tương trợ tốt nhất là trước ngày... tháng... năm...). Trường hợp là yêu cầu khẩn thì phải nêu rõ lý do.

(27) Liệt kê các văn bản gửi kèm theo Công văn yêu cầu tương trợ (gồm ... trang tiếng Việt và ... trang tiếng nước ngoài).

 **Bản quyền xuất bản thuộc về
NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP**

PHẦN THỨ TƯ

DANH SÁCH CÁC HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ ĐANG CÓ HIỆU LỰC

STT	TÊN HIỆP ĐỊNH
1	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN năm 2004
2	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc năm 1982 (hiện Cộng hòa Séc và Cộng hòa Xlô-va-ki-a kế thừa)
3	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Bun-ga-ri năm 1986
4	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Ba Lan năm 1993
5	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga năm 1998
6	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1998

7	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Bê-la-rút năm 2000
8	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mông Cổ năm 2000
9	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và U-crai-na năm 2000
10	Hiệp định về tương trợ tư pháp trong các vấn đề dân sự và hình sự (giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên) năm 2002
11	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc năm 2003
12	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Ấn Độ năm 2007
13	Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen về tương trợ tư pháp về hình sự năm 2009
14	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa An-giê-ri Dân chủ và Nhân dân năm 2010
15	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a năm 2013

16	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ô-xtrây-li-a năm 2014
17	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Tây Ban Nha năm 2015
18	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hung-ga-ri năm 2016
19	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Pháp năm 2016
20	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia năm 2016
21	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Ca-dắc-xtan năm 2017
22	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Cu Ba năm 2018
23	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Mô-dăm-bích năm 2018
24	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào năm 2020

PHẦN THỨ NĂM

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN CỦA NƯỚC NGOÀI
TIẾP NHẬN YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP
VỀ HÌNH SỰ; NGÔN NGỮ SỬ DỤNG
TRONG TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ¹

Danh sách các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài theo Công ước của Liên hợp quốc về chống mua bán trái phép các chất ma túy và các chất hướng thần năm 1988 (Công ước chống ma túy), Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 (Công ước UNTOC) và Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003	Directory of Competent National Authorities under the United Nations Convention against Illicit Traffic in Narcotic Drugs and Psychotropic Substances of 1988, the United Nations Convention against Transnational Organized Crime of 2000 and the United Nations Convention against Corruption of 2003
--	---

¹ Danh sách này do Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổng hợp tính đến hết tháng 7 năm 2022.

1. Áp-ga-nít-xtan Bộ Phòng, chống ma túy Đường Jalalarad Thành phố Kabul Áp-ga-nít-xtan Điện thoại: (93) 799 722 457 E-Mail: abbie.aryan@min.gov.af Ngôn ngữ: tiếng Anh	1. Afghanistan - Afghanistan - Afghaništán Ministry of Counter Narcotics Jalalarad Road Kabul Afghanistan Phone: (93) 799 722 457 E-Mail: abbie.aryan@min.gov.af Languages: English
2. An-ba-ni Tổng Viện kiểm sát Số 1 Rruga “Qemal Stafa” Tirana An-ba-ni Điện thoại: (355) 4 2282009 E-Mail: foreign.department@pp.gov.al Ngôn ngữ: tiếng Anh	2. Albania - Albanie - Albania General Prosecutor’s Office Rr. “Qemal Stafa”, Nr. 1 Tirana Albania Phone: (355) 4 2282009 E-Mail: foreign.department@pp.gov.al Languages: English
3. An-giê-ri Bộ Tư pháp Số 8, quảng trường Bir-Hakeim En-Bi-a An-giê-ri Điện thoại: (213) 21 92 28 32 Điện thoại: (213) 21 92 12 60 Fax: (213) 21 92 28 32 Fax: (213) 21 92 1710 Ngôn ngữ: tiếng Ả-rập, tiếng Pháp	3. Algeria - Algérie - Argelia Ministère de la justice 8, place Bir-Hakeim El-Biar Algérie Phone: (213) 21 92 28 32 Phone: (213) 21 92 12 60 Fax: (213) 21 92 28 32 Fax: (213) 21 92 1710 Languages: Arabic, French

4. An-đô-ra - Bộ Tư pháp và Nội vụ Carretera de l'Obac, s/n, AD700 Escaldes-Engordany An-đô-ra Điện thoại: (376) 872 080 Điện thoại: (376) 872 000 (24 giờ) Fax: (376) 869 250 E-Mail: interior.gov@andorra.ad Ngôn ngữ: tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha - Bộ Ngoại giao Carrer Prat de la Creu, 62-64 AD500 Andorra la Vella An-đô-ra Điện thoại: (376) 875 704 Fax: (376) 869 559 E-Mail: exteriors.gov@andorra.ad Ngôn ngữ: tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha	4. Andorra - Andorre - Andorra - Ministerio de Justicia y Interior Carretera de l'Obac, s/n, AD700 Escaldes-Engordany Andorra Phone: (376) 872 080 Phone: (376) 872 000 (24 hrs) Fax: (376) 869 250 E-Mail: interior.gov@andorra.ad Languages: French, Spanish - Ministry of Foreign Affairs Carrer Prat de la Creu, 62-64 AD500 Andorra la Vella Andorra Phone: (376) 875 704 Fax: (376) 869 559 E-Mail: exteriors.gov@andorra.ad Languages: French, Spanish
5. Ăng-gô-la Bộ Tư pháp Rua 17 de Setembro, Cidade Alta, Luanda Ăng-gô-la Điện thoại: (244) 222 339914 Fax: (244) 222 330327 E-Mail: ramos_cruz@yahoo.com.br	5. Angola - Angola - Angola Ministry of Justice Rua 17 de Setembro, Cidade Alta, Luanda Angola Phone: (244) 222 339914 Fax: (244) 222 330327 E-Mail: ramos_cruz@yahoo.com.br

6. An-ti-go-a và Bác-bu-đa Cơ quan Tổng Chương lý Đường Queen Elizabeth St John's An-ti-go-a Điện thoại: (1 268) 462 8867 Điện thoại: (1 268) 462 2465 E-Mail: legalaffairs@ab.gov.ag Ngôn ngữ: tiếng Anh	6. Antigua and Barbuda - Antigua-et-Barbuda - Antigua y Barbuda Attorney General's Chambers Queen Elizabeth Highway St John's Antigua Phone: (1 268) 462 8867 Phone: (1 268) 462 2465 E-Mail: legalaffairs@ab.gov.ag Languages: English
7. Ác-hen-ti-na Bộ Ngoại giao Esmeralda 1212, Pisa 4o C1007ABR Bueno Aires Ác-hen-ti-na Điện thoại: (54) 11 4819 7385 Điện thoại: (54) 11 4819 7000 (24 giờ) Fax: (54) 11 4819 7353 E-Mail: dajin@mrecic.gov.ar E-Mail: cooperation-penal@mrecic.gov.ar Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha	7. Argentina - Argentine - Argentina Ministerio de Relaciones Exteriores y Culto Esmeralda 1212, Pisa 4o C1007ABR Bueno Aires Argentina Phone: (54) 11 4819 7385 Phone: (54) 11 4819 7000 (24 hours) Fax: (54) 11 4819 7353 E-Mail: dajin@mrecic.gov.ar E-Mail: cooperation-penal@mrecic.gov.ar Languages: Spanish
8. Ác-mê-ni-a Tổng Viện kiểm sát Số 5 phố V. Sargsyan 0010 Yerevan Ác-mê-ni-a Điện thoại: (374) 10 511 599 Fax: (374) 10 586 081 E-Mail: e.avagyan@prosecutor.am Ngôn ngữ: tiếng Ác-mê-ni-a, tiếng Anh, tiếng Nga	8. Armenia - Arménie - Armenia Prosecutor General's Office 5 V. Sargsyan Street 0010 Yerevan Armenia Phone: (374) 10 511 599 Fax: (374) 10 586 081 E-Mail: e.avagyan@prosecutor.am Languages: Armenian, English, Russian

9. Ô-xtrê-rây-li-a Cơ quan Tổng Chương lý 3-5 National Circuit Barton Act 2600 Ô-xtrê-rây-li-a Điện thoại: (61) 2 6141 3244 Fax: (61) 2 6141 5457 E-Mail: mutual.assistance@ag.gov.au Website: http://www.ag.gov.au Ngôn ngữ: tiếng Anh	9. Australia - Australie - Australia Attorney-General's Department 3-5 National Circuit Barton Act 2600 Australia Phone: (61) 2 6141 3244 Fax: (61) 2 6141 5457 E-Mail: mutual.assistance@ag.gov.au Website: http://www.ag.gov.au Languages: English
10. Áo Bộ Tư pháp Vụ IV. 4 Museumstrasse 7 A-1070 Vienna Áo Điện thoại: (43) 1 52152 0 Fax: (43) 1 52152 2727 E-Mail: team.s@bmj.gv.at Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Đức	10. Austria - Autriche - Austria Ministry of Justice Department IV. 4 Museumstrasse 7 A-1070 Vienna Austria Phone: (43) 1 52152 0 Fax: (43) 1 52152 2727 E-Mail: team.s@bmj.gv.at Languages: English, German
11. A-déc-bai-dan - Theo Công ước UNCAC: Tổng Viện kiểm sát Nigar Rafibeyili st 7 AZ1001, Baku A-déc-bai-dan Điện thoại: (994) 12 492 17 70 Fax: (994) 12 492 15 74 E-Mail: muradkazimov@prosecutor.gov.az Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Nga	11. Azerbaijan - Azerbaidjan - Azerbaiyán - UNCAC: General Prosecutor's Office Nigar Rafibeyili st 7 AZ1001, Baku Azerbaijan Phone: (994) 12 492 17 70 Fax: (994) 12 492 15 74 E-Mail: muradkazimov@prosecutor.gov.az Languages: English, Russian

- Theo Công ước UNTOC: Bộ Tư pháp 1 Inshaatchilar Avenue AZ 1073 Baku A-déc-bai-dan Điện thoại: (994) 12510 1001 Máy lẻ 1600 Fax: (994) 12 510 2940 E-Mail: international@justice.gov.az Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ - Theo Công ước chống ma túy: Bộ Nội vụ 17 Abbasgulu Abbaszadeh, Baku A-déc-bai-dan Điện thoại: +99 412 590 21 10 Điện thoại: +99 412 590 21 07; +99 412 590 21 10 Fax: +99 412 590 21 11 E-Mail: bnmi@mia.gov.az	- UNTOC: Ministry of Justice 1 Inshaatchilar Avenue AZ 1073 Baku Azerbaijan Phone: (994) 12 510 1001 Ext. 1600 Fax: (994) 12 510 2940 E-Mail: international@justice.gov.az Languages: English, Russian, Turkish - Drug Convention: Ministry of Internal Affairs 17 Abbasgulu Abbaszadeh, Baku Azerbaijan Phone: +99 412 590 21 10 Phone: +99 412 590 21 07; +99 412 590 21 10 Fax: +99 412 590 21 11 E-Mail: bnmi@mia.gov.az
12. Ba-ha-mát Cơ quan Tổng Chương lý Tòa nhà Paul L. Adderley N. 18 John F. Kennedy Drive, P.O. Box: N-3007 Nassau Ba-ha-mat Điện thoại: (1 242) 502 0479 Fax: (1 242) 356 9277 Fax: (1 242) 322 2255 Website: www.bahamas.gov.bs/attorneygeneral E-Mail: oag_international@bahamas.gov.bs Ngôn ngữ: tiếng Anh	12. Bahamas - Bahamas - Bahamas Office of the Attorney-General Paul L. Adderley Building N. 18 John F. Kennedy Drive, P.O. Box: N-3007 Nassau Bahamas Phone: (1 242) 502 0479 Fax: (1 242) 356 9277 Fax: (1 242) 322 2255 Website: www.bahamas.gov.bs/attorneygeneral E-Mail: oag_international@bahamas.gov.bs Languages: English

13. Ba-ranh Bộ Nội vụ P.O. Box 26698, Adliya Ba-ranh Điện thoại: (973) 17 746904 Fax: (973) 17 718888 (24 giờ) Fax: (973) 17 715818 Ngôn ngữ: tiếng Ả-rập, tiếng Anh	13. Bahrain - Bahreïn - Bahrein Ministry of the Interior P.O. Box 26698, Adliya Bahrain Phone: (973) 17 746904 Fax: (973) 17 718888 (24 hrs) Fax: (973) 17 715818 Languages: Arabic, English
14. Băng-la-đét Bộ Nội vụ Khu tổ hợp Wage Earners Hostel (Tầng-8) Số 71-72, đường Old Elephant (Eskaton Garden) Ramna Dhaka-1000n Băng-la-đét Điện thoại: (880) 2 716 4050 Fax: (880) 2 716 4788 Ngôn ngữ: tiếng Anh	14. Bangladesh - Bangladesh - Bangladesh Ministry of Home Affairs Wage Earners Hostel Complex (Level-8) 71-72, Old Elephant Road (Eskaton Garden) Ramna Dhaka-1000n Bangladesh Phone: (880) 2 716 4050 Fax: (880) 2 716 4788 Languages: English
15. Bác-ba-đốt Cơ quan Tổng Chương lý Jones Building, Webster's Business Park Willey St Michael BB14006 Bác-ba-đốt Điện thoại: (1 246) 621 0110 Fax: (1 246) 228 5433 E-Mail: attgen@caribsurf.com Ngôn ngữ: tiếng Anh	15. Barbados - Barbade - Barbados Office of the Attorney General Jones Building, Webster's Business Park Willey St Michael BB14006 Barbados Phone: (1 246) 621 0110 Fax: (1 246) 228 5433 E-Mail: attgen@caribsurf.com Languages: English

16. Bê-la-rút Tổng Viện kiểm sát 220050 Minsk GSP Internatsionalnaia Street 22 Bê-la-rút Điện thoại: (375) 172 03 72 43 Fax: (375) 172 03 72 43 E-Mail: int_legal_dept@prokuratura.gov.by Website: www.prokuratura.gov.by Website: www.pravo.by Ngôn ngữ: tiếng Bê-la-rút, tiếng Nga	16. Belarus - Bélarus - Belarús General Prosecutor's Office 220050 Minsk GSP Internatsionalnaia Street 22 Belarus Phone: (375) 172 03 72 43 Fax: (375) 172 03 72 43 E-Mail: int_legal_dept@prokuratura.gov.by Website: www.prokuratura.gov.by Website: www.pravo.by Languages: Belorussian, Russian
17. Bỉ Cơ quan trung ương về hợp tác hình sự quốc tế Số 115, Đại lộ Waterloo 1000 Brúc-xen Vương quốc Bỉ Điện thoại: (32) 2 542 71 95 Fax: (32) 2 542 71 99 E-Mail: centralauthority.iccm@just.fgov.be Ngôn ngữ: tiếng Hà Lan, tiếng Anh, tiếng Pháp	17. Belgium - Belgique - Bélgica Autorité central de coopération international pénale Boulevard de Waterloo, 115 1000 Bruxelles Belgium Phone: (32) 2 542 71 95 Fax: (32) 2 542 71 99 E-Mail: centralauthority.iccm@just.fgov.be Languages: Dutch, English, French
18. Bê-li-giê Cơ quan Tổng Chương lý Belmopan Bê-li-giê Điện thoại: (501) 8 222 154 Fax: (501) 8 223 390 E-Mail: parliament@btl.net Ngôn ngữ: tiếng Anh	18. Belize - Belize - Belice Attorney General's Ministry Belmopan Belize Phone: (501) 8 222 154 Fax: (501) 8 223 390 E-Mail: parliament@btl.net Languages: English

19. Bê-nanh Bộ Tư pháp, Pháp luật và Nhân quyền B.P.967 Cô-tô-nu Bê-nanh Điện thoại: (229) 2131 31 46 Điện thoại: (229) 2131 51 45 Điện thoại: (229) 2131 56 51 Điện thoại: (229) 2131 56 57 Fax: (229) 2131 34 48 E-Mail: adsatur@yahoo.fr Ngôn ngữ: tiếng Pháp	19. Benin - Bénin - Benin Ministère de la justice, de la législation et des droits de l'homme B.P.967 Cotonou Bénin Phone: (229) 2131 31 46 Phone: (229) 2131 51 45 Phone: (229) 2131 56 51 Phone: (229) 2131 56 57 Fax: (229) 2131 34 48 E-Mail: adsatur@yahoo.fr Languages: French
20. Bô-li-vi-a Bộ Ngoại giao Calle Junín esquina Ingavi Plaza Murillo La Paz, Bô-li-vi-a Điện thoại: (591) 2 2112163 Điện thoại: (591) 2 2113160 Điện thoại: (591) 2 2409114 Điện thoại: (591) 2 2408900 Điện thoại: (591) 2 2408642 Fax: (591) 2 2408068 E-Mail: pmendoza@rree.gob.bo E-Mail: mreonu@rree.gob.bo Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha	20. Bolivia - Bolivie - Bolivia Ministerio de Relaciones Exteriores Calle Junín esquina Ingavi Plaza Murillo La Paz, Bolivia Phone: (591) 2 2112163 Phone: (591) 2 2113160 Phone: (591) 2 2409114 Phone: (591) 2 2408900 Phone: (591) 2 2408642 Fax: (591) 2 2408068 E-Mail: pmendoza@rree.gob.bo E-Mail: mreonu@rree.gob.bo Languages: Spanish
21. Bốt-xni-a và Héc-di-gô-vi-na Bộ Tư pháp Số 1 phố Bosne i Hercegovine Str. 71000 Sarajevo Bốt-xni-a và Héc-di-gô-vi-na Điện thoại: (387) 33 281 568 Fax: (387) 33 201 653 Ngôn ngữ: tiếng Crô-a-ti-a, tiếng Anh, tiếng Séc-bi	21. Bosnia and Herzegovina - Bosnie-Herzégovine - Bosnia y Herzegovina Ministry of Justice 1 TRG Bosne i Hercegovine Str. 71000 Sarajevo Bosnia and Herzegovina Phone: (387) 33 281 568 Fax: (387) 33 201 653 Languages: Croatian, English, Serbian

22. Bốt-xoa-na - Cơ quan Tổng Chương lý Government Enclave Private Bag 009 Gaborone Bốt-xoa-na Ngôn ngữ: tiếng Anh - Viện Công tố Private Bag 00356 Gaborone Bốt-xoa-na Điện thoại: (267) 72115309 (24 giờ) Điện thoại: (267) 71684060 (24 giờ) Điện thoại: (267) 361 3600 Fax: (267) 3900 363 E-Mail: kleinaeng@gov.bw E-Mail: pmusindo@hotmail.com Ngôn ngữ: tiếng Anh	22. Botswana - Botswana - Botswana - Attorney General's Chambers Government Enclave Private Bag 009 Gaborone Botswana Languages: English - Directorate of Public Prosecutions Private Bag 00356 Gaborone Botswana Phone: (267) 72115309 (24 hrs) Phone: (267) 71684060 (24 hrs) Phone: (267) 361 3600 Fax: (267) 3900 363 E-Mail: kleinaeng@gov.bw E-Mail: pmusindo@hotmail.com Languages: English
23. Bra-xin Bộ Tư pháp SCN Quadra 06, Bloco A, tầng 2 Shopping ID Brasília/DF Bra-xin Điện thoại: (55) 61 2025 8900 Điện thoại: (55) 61 2015 8901 Ngôn ngữ: tiếng Bồ Đào Nha	23. Brazil - Brésil - Brasil Ministry of Justice SCN Quadra 06, Bloco A, 2nd floor Shopping ID Brasília/DF Brazil Phone: (55) 61 2025 8900 Phone: (55) 61 2015 8901 Languages: Portuguese

24. Bru-nây Cơ quan Tổng Chương lý Tòa nhà Pháp luật Jalan Raja Isteri Pengiran Anak Saleha Bandar Seri Begawan BA1910 Bru-nây Điện thoại: (673) 2231192 Điện thoại: (673) 2244 872 Fax: (673) 2231221 Fax: (673) 2231428 E-Mail: mla@agc.gov.bn E-Mail: christopher.ng@agc.gov.bn Website: www.agc.gov.bn Ngôn ngữ: tiếng Anh	24. Brunei Darussalam - Brunéi Darussalam - Brunei Darussalam Attorney General's Chambers The Law Building Jalan Raja Isteri Pengiran Anak Saleha Bandar Seri Begawan BA1910 Brunei Darussalam Phone: (673) 2231192 Phone: (673) 2244 872 Fax: (673) 2231221 Fax: (673) 2231428 E-Mail: mla@agc.gov.bn E-Mail: christopher.ng@agc.gov.bn Website: www.agc.gov.bn Languages: English
25. Bun-ga-ri Viện kiểm sát tối cao Palace of Justice, 2 Vitosha Blvd. 1061 Sofia Bun-ga-ri Điện thoại: (359) 2 9370 337 Fax: (359) 2 988 5895 E-Mail: mpp_vkp@prb.bg E-Mail: randreev@prb.bg Ngôn ngữ: tiếng Bun-ga-ri, tiếng Anh, tiếng Đức	25. Bulgaria - Bulgarie - Bulgaria Supreme Prosecution Office of Cassation Palace of Justice, 2 Vitosha Blvd. 1061 Sofia Bulgaria Phone: (359) 2 9370 337 Fax: (359) 2 988 5895 E-Mail: mpp_vkp@prb.bg E-Mail: randreev@prb.bg Languages: Bulgarian, English, German
26. Bu-ki-na Pha-sô Bộ Tư pháp DACP 01BP526 U-a-ga-đu-gu 01 Bu-ki-na-Pha-sô Điện thoại: (226) 307 177 Ngôn ngữ: tiếng Pháp	26. Burkina Faso - Burkina Faso - Burkina Faso Ministère de la justice DACP 01BP526 Ouagadougou 01 Burkina Faso Phone: (226) 307 177 Languages: French

27. Cam-pu-chia Bộ Tư pháp Số 14, Sothearos (St. 3) Phnôm Pênh Cam-pu-chia Điện thoại: 855 - 23 212 693 Điện thoại: 855 - 23 211 038/ 023 360 327 Điện thoại: 855 - 23 363 204/ 023 360 421/ 023 360 329 Fax: 855 - 23 364 119/ 023 215 349 E-Mail: moj@cambodia.gov.kh Ngôn ngữ: tiếng Khơ me, tiếng Anh	27. Cambodia - Cambodge - Camboya Ministry of Justice No. 14, Sothearos (St. 3) Phnom Penh Cambodia Telephone: 855 - 23 212 693 Telephone: 855 - 23 211 038/ 023 360 327 Telephone: 855 - 23 363 204/ 023 360 421/ 023 360 329 Fax: 855 - 23 364 119/ 023 215 349 E-Mail: moj@cambodia.gov.kh Languages: Khmer, English
28. Ca-mơ-run Bộ Tư pháp Trung tâm hành chính Yaoundé Ca-mơ-run Điện thoại: (237) 22239010 Điện thoại: (237) 22220050 Fax: (237) 22230050 E-Mail: michelmahouve@yahoo.fr E-Mail: emout99@yahoo.fr Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp	28. Cameroon - Cameroun - Camerún Ministère de la justice Centre administratif Yaoundé Cameroun Phone: (237) 22239010 Phone: (237) 22220050 Fax: (237) 22230050 E-Mail: michelmahouve@yahoo.fr E-Mail: emout99@yahoo.fr Languages: English, French
29. Ca-na-đa Bộ Tư pháp 284 Wellington Street, 2nd Floor Ottawa, ON, K1A 0H8 Ca-na-đa Điện thoại: (11) 44 613 851 7891 (24 giờ) Điện thoại: (11) 44 613 957 4832 Fax: (11) 44 613 957 8412 E-Mail: cdncentralauthority@justice.gc.ca Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp	29. Canada - Canada - Canadá Department of Justice 284 Wellington Street, 2nd Floor Ottawa, ON, K1A 0H8 Canada Phone: (11) 44 613 851 7891 (24 hrs) Phone: (11) 44 613 957 4832 Fax: (11) 44 613 957 8412 E-Mail: cdncentralauthority@justice.gc.ca Languages: English, French

30. Chát Vụ Pháp chế và Hợp tác quốc tế 3044 N'Djamena Chát Điện thoại: (235) 6287768 E-Mail: mahamatsalehbrema@yahoo.fr E-Mail: brema1@commail.com Ngôn ngữ: tiếng Pháp	30. Chad - Tchad - Chad Directeur adjoint des affaires juridiques internationales et de la cooperation 3044 N'Djamena Tchad Phone: (235) 6287768 E-Mail: mahamatsalehbrema@yahoo.fr E-Mail: brema1@commail.com Languages: French
31. Chi-lê Bộ Công ích Catedral No 1437 Comuna de Santiago Centro Santiago Chi-lê Điện thoại: (56) 229 659 576 Điện thoại: (56) 229 659 916 E-Mail: uciex@minpublico.cl E-Mail: asegoviaa@minpublico.cl E-Mail: uciex@minpublico.cl Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh	31. Chile - Chili - Chile Ministerio Público Catedral No 1437 Comuna de Santiago Centro Santiago Chile Phone: (56) 229 659 576 Phone: (56) 229 659 916 E-Mail: uciex@minpublico.cl E-Mail: asegoviaa@minpublico.cl E-Mail: uciex@minpublico.cl Languages: Spanish, English
32. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa - Viện kiểm sát nhân dân tối cao Trung Quốc (100726) Beiheyang Street, Dongcheng District, Beijing No. 147 010- 65209114 Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	32. China - Chine - China - Supreme People's Procuratorate of China (100726) Beiheyang Street, Dongcheng District, Beijing No. 147 010- 65209114 China

- Hồng Kông Bộ Tư pháp, Đặc khu hành chính Hồng Kông, Trung Quốc 7/F, Main Wing, Justice Place 18 Lower Albert Road, Central Hồng Kông Điện thoại: (852) 28674343 Fax: (852) 39184792 E-Mail: ild@doj.gov.hk Ngôn ngữ: tiếng Trung Quốc, tiếng Anh - Ma-cao Cơ quan Tổng Chương lý, Đặc khu hành chính Ma-cao, Trung Quốc Alameda de Dr. Carlos D'Assumpção, nos. 335-341 Edifício Hotline, 16º andar, NAPE Đặc khu hành chính Ma-cao, Trung Quốc Điện thoại: (853) 2878 6666 Fax: (853) 2872 53231 E-Mail: info@mp.gov.mo Ngôn ngữ: tiếng Trung Quốc, tiếng Bồ Đào Nha	- Hong Kong Department of Justice of the Hong Kong Special Administrative Region of China 7/F, Main Wing, Justice Place 18 Lower Albert Road, Central Hong Kong Phone: (852) 28674343 Fax: (852) 39184792 E-Mail: ild@doj.gov.hk Languages: Chinese, English - Macao Office of the Prosecutor General, Macao SAR of China Alameda de Dr. Carlos D'Assumpção, nos. 335-341 Edifício Hotline, 16º andar, NAPE Macao SAR of China Phone: (853) 2878 6666 Fax: (853) 2872 53231 E-Mail: info@mp.gov.mo Languages: Chinese, Portuguese
33. Cô-lôm-bi-a Văn phòng Tổng Chương lý Diagonal 22 B (Avda. Luis Carlos Galan) No. 52-01 Edificio (C), Piso 4 Bô-gô-ta, D.C - C.P.111321 Cô-lôm-bi-a Điện thoại: (57) 1 570 2000 - 414 9000 Máy lẻ: 2013, 2560, 2562, 2563, 2569 và 2578	33. Colombia - Colombie - Colombia Fiscalía General de la Nación Diagonal 22 B (Avda. Luis Carlos Galán) No. 52-01 Edificio (C), Piso 4 Bogotá, D.C - C.P. 111321 Colombia Phone: (57) 1 570 2000 - 414 9000 Ext. 2013, 2560, 2562, 2563, 2569 and 2578

E-Mail: d.asuntosinternacionales@fiscalia.gov.co E-Mail: contacto@fiscalia.gov.co E-Mail: dirasuint@fiscalia.gov.co Website: www.fiscalia.gov.co Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha	E-Mail: d.asuntosinternacionales@fiscalia.gov.co E-Mail: contacto@fiscalia.gov.co E-Mail: dirasuint@fiscalia.gov.co Website: www.fiscalia.gov.co Languages: Spanish
34. Cô-mô-rốt Bộ Tư pháp B.P.40, Mroni Cô-mô-rốt Điện thoại: (269) 33346631 Ngôn ngữ: tiếng Pháp	34. Comoros - Comores - Comoras Ministère de la justice B.P.40, Mroni Comores Phone: (269) 33346631 Languages: French
35. Công-gô Bộ Tư pháp và nhân quyền Địa chỉ hòm thư bưu điện 2497 Brazzaville Công-gô Điện thoại: (242) 66727110 Điện thoại: (242) 55297702 E-Mail: lesimonassciate@gmail.com Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp	35. Congo - Congo - Congo Ministère de la justice et des droits humains Boîte postale 2497 Brazzaville Congo Phone: (242) 66727110 Phone: (242) 55297702 E-Mail: lesimonassciate@gmail.com Languages: English, French
36. Đảo Cook Cơ quan pháp luật hoàng gia P.O. Box 494 Rarotonga Avarua Đảo Cook Điện thoại: (682) 29337 Fax: (682) 20839 E-Mail: david.james@cookislands.gov.ck Website: www.crownlaw.gov.ck Ngôn ngữ: tiếng Anh	36. Cook Islands - Iles Cook - Islas Cook Crown Law Office P.O. Box 494 Rarotonga Avarua Cook Islands Phone: (682) 29337 Fax: (682) 20839 E-Mail: david.james@cookislands.gov.ck Website: www.crownlaw.gov.ck Languages: English

37. Cốt-xta-ri-ca Bộ Công ích - Tổng Chương lý Cốt-xta-ri-ca Edificio Corte Suprema de Justicia Noveno piso, Oficina 904 Avenida 6 y 8, Calles 19 y 21 Barrio González Lahman 8-1003, San José Cốt-xta-ri-ca Điện thoại: (506) 2295 3458 Fax: (506) 2223 2602 E-Mail: oatri-mp@poder-judicial.go.cr Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha	37. Costa Rica - Costa Rica - Costa Rica Ministerio Público - Fiscalía General de la República Edificio Corte Suprema de Justicia Noveno piso, Oficina 904 Avenida 6 y 8, Calles 19 y 21 Barrio González Lahman 8-1003, San José Costa Rica Phone: (506) 2295 3458 Fax: (506) 2223 2602 E-Mail: oatri-mp@poder-judicial.go.cr Languages: English, French, Spanish
38. Cốt-đi-voa Bộ Tư pháp Chancellerie, Bloc ministériel B.P.V 107 Abidjan Cốt-đi-voa Điện thoại: (225) 20 32 2432 Fax: (225) 20 32 0472 Ngôn ngữ: tiếng Pháp	38. Côte d'Ivoire - Côte d'Ivoire - Côte d'Ivoire Ministère de la justice Chancellerie, Bloc ministériel B.P.V 107 Abidjan Côte d'Ivoire Phone: (225) 20 32 2432 Fax: (225) 20 32 0472 Languages: French
39. Crô-a-ti-a Bộ Tư pháp Ulica grada Vukovara 49 10 000 Zagreb Crô-a-ti-a Điện thoại: (385) 1 3714 350 Fax: (385) 1 3714 392 E-Mail: lovorka.cveticanin@pravosudje.hr E-Mail: anamarija.barac@pravosudje.hr Ngôn ngữ: tiếng Anh	39. Croatia - Croatie - Croacia Ministry of Justice Ulica grada Vukovara 49 10 000 Zagreb Croatia Phone: (385) 1 3714 350 Fax: (385) 1 3714 392 E-Mail: lovorka.cveticanin@pravosudje.hr E-Mail: anamarija.barac@pravosudje.hr Languages: English

40. Cu Ba Bộ Tư pháp Calle O, No 216, entre las calles 23 y 25, Vedado Plaza de la Revolución Vedado, La Habana Cu Ba Điện thoại: (537) 838 3448 Điện thoại: (537) 8383 450 al 56 Máy lẻ 347 E-Mail: dri@oc.minjus.cu Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha	40. Cuba - Cuba - Cuba Ministerio de Justicia Calle O, No 216, entre las calles 23 y 25, Vedado Plaza de la Revolución Vedado, La Habana Cuba Phone: (537) 838 3448 Phone: (537) 8383 450 al 56 Ext. 347 E-Mail: dri@oc.minjus.cu Languages: Spanish
41. Cộng hòa Síp Bộ Tư pháp và Trật tự công cộng 125 Athalassas Avenue 1461 Nicosia Cộng hòa Síp Điện thoại: (357) 22 805928 Fax: (357) 22 518328 E-Mail: registry@mjpo.gov.cy E-Mail: akyriakides@papd.mof.gov.cy Ngôn ngữ: tiếng Anh	41. Cyprus - Chypre - Chipre Ministry of Justice and Public Order 125 Athalassas Avenue 1461 Nicosia Cyprus Phone: (357) 22 805928 Fax: (357) 22 518328 E-Mail: registry@mjpo.gov.cy E-Mail: akyriakides@papd.mof.gov.cy Languages: English
42. Cộng hòa Séc - Bộ Tư pháp Vysehradská 16 128 10 Praha 2 Cộng hòa Séc Điện thoại: (420) 221 997 435 Fax: (420) 221 997 986 E-Mail: mot@msp.justice.cz Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Séc	42. Czech Republic - République tchèque - República Checa - Ministry of Justice Vysehradská 16 128 10 Praha 2 Czech Republic Phone: (420) 221 997 435 Fax: (420) 221 997 986 E-Mail: mot@msp.justice.cz Languages: English, German, French, Czech

- Viện kiểm sát tối cao Jezuitská 4 660 55 Brno Cộng hòa Séc Điện thoại: (420) 542 512 300 Fax: (420) 542 512 350 E-Mail: mo@nsz.brn.justice.cz E-Mail: klouckova@nsz.brn.justice.cz Ngôn ngữ: tiếng Séc, tiếng Anh, tiếng Pháp	- Supreme Public Prosecutor's Office Jezuitská 4 660 55 Brno Czech Republic Phone: (420) 542 512 300 Fax: (420) 542 512 350 E-Mail: mo@nsz.brn.justice.cz E-Mail: klouckova@nsz.brn.justice.cz Languages: Czech, English, French
43. Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên Tòa án tối cao và Viện kiểm sát tối cao Ngôn ngữ: tiếng Hàn Quốc, tiếng Anh	43. Dem. Peop. Rep. of Korea Supreme Court and Supreme Prosecutor's Office Languages: Korean, English
44. Đan Mạch Bộ Tư pháp Slotsholmsgade 10 DK-1216 Copenhagen K Đan Mạch Điện thoại: (45) 4515 4200 (24 giờ) Điện thoại: (45) 7226 8400 Fax: (45) 3393 3510 E-Mail: jm@jm.dk Website: http://www.justitsministeriet.dk Ngôn ngữ: tiếng Đan Mạch, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Na Uy, tiếng Thụy Điển	44. Denmark - Danemark - Dinamarca Ministry of Justice Slotsholmsgade 10 DK-1216 Copenhagen K Denmark Phone: (45) 4515 4200 (24 hours) Phone: (45) 7226 8400 Fax: (45) 3393 3510 E-Mail: jm@jm.dk Website: http://www.justitsministeriet.dk Languages: Danish, English, French, German, Norwegian, Swedish

45. Di-bu-ti Bộ Tư pháp B.P.12 Di-bu-ti Di-bu-ti Điện thoại: (253) 355 195 Điện thoại: (253) 658340 Fax: (253) 355420 E-Mail: aliafkada@yahoo.fr Ngôn ngữ: tiếng Pháp	45. Djibouti - Djibouti - Djibouti Ministre de la justice B.P.12 Djibouti Djibouti Phone: (253) 355 195 Phone: (253) 658340 Fax: (253) 355420 E-Mail: aliafkada@yahoo.fr Languages: French
46. Đô-mi-ni-ca Bộ các vấn đề pháp luật, nhập cảnh và lao động - Cơ quan Tổng Chương lý Tòa nhà Chính phủ Roseau Đô-mi-ni-ca Điện thoại: (1 767) 448 2401 Máy lẻ 3294 Fax: (1 767) 448 0182 E-Mail: legalaffairs@cwdom.dm Ngôn ngữ: tiếng Anh	46. Dominica - Dominique - Dominica Ministry of Legal Affairs, Immigration and Labour - Attorney General's Chambers Government Headquarters Roseau Dominica Phone: (1 767) 448 2401 Ext. 3294 Fax: (1 767) 448 0182 E-Mail: legalaffairs@cwdom.dm Languages: English
47. Cộng hòa Đô-mi-ni-ca Cơ quan Tổng Chương lý Ave. Jiménez Moya esq. Juan Ventura Simón, Palacio de Justicia, Centro de los Heroes, Constanza, Maimón y Estero Hondo Cộng hòa Đô-mi-ni-ca Điện thoại: (1) 809 533 3522 Điện thoại: (1) 809 533 2250 Fax: (1) 809 532 2584 E-Mail: mfelizbaez@hotmail.com E-Mail: gcueto@procuraduria.gov.do Website: http://pgr.gob.do/Portal/ Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha	47. Dominican Republic - République dominicaine - República Dominicana Procuraduría General de la República Ave. Jiménez Moya esq. Juan Ventura Simón, Palacio de Justicia, Centro de los Heroes, Constanza, Maimón y Estero Hondo República Dominicana Phone: (1) 809 533 3522 Phone: (1) 809 533 2250 Fax: (1) 809 532 2584 E-Mail: mfelizbaez@hotmail.com E-Mail: gcueto@procuraduria.gov.do Website: http://pgr.gob.do/Portal/ Languages: Spanish

48. Ê-cu-a-đô Tống Viện kiểm sát Juan León Mera N19-36 y Av. Patria (Esquina) Quito, Ecuador Điện thoại: (593) 398 5800 Máy lẻ 173085 E-Mail: despacho@fiscalia.gob.ec Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha	48. Ecuador - Equateur - Ecuador Fiscalía General del Estado Juan León Mera N19-36 y Av. Patria (Esquina) Quito, Ecuador Phone: (593) 398 5800 Ext. 173085 E-Mail: despacho@fiscalia.gob.ec Languages: Spanish
49. Ai Cập Bộ Tư pháp Quảng trường Lazoghly Cai-rô Ai Cập Điện thoại: (20-2) 792-2269 Điện thoại: (20-2) 795-0953 Fax: (20-2) 795-6059 Fax: (20-2) 792-2268 E-Mail: int_cooperation@hotmail.com Ngôn ngữ: tiếng Ả rập, tiếng Anh, tiếng Pháp	49. Egypt - Egypte - Egipto Ministry of Justice Lazoghly Square Cairo Egypt Phone: (20-2) 792-2269 Phone: (20-2) 795-0953 Fax: (20-2) 795-6059 Fax: (20-2) 792-2268 E-Mail: int_cooperation@hotmail.com Languages: Arabic, English, French
50. En-san-và-đô Văn phòng Tổng Chương lý Đại lộ La Sultana, Số G-12, Edificio Fiscalía General de la República, Antiguo Cuscatlán, Departamento de La Libertad En-san-và-đô Điện thoại: (503) 7852 5267 (24 giờ) Điện thoại: (503) 2523 7183 Fax: (503) 2523 7147 E-Mail: jecruz@fgr.gob.sv Website: www.fiscalía.gob.sv Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha	50. El Salvador - El Salvador - El Salvador Fiscalía General de la República Bulevar La Sultana, número G-12, Edificio Fiscalía General de la República, Antiguo Cuscatlán, Departamento de La Libertad El Salvador Phone: (503) 7852 5267 (24 hrs) Phone: (503) 2523 7183 Fax: (503) 2523 7147 E-Mail: jecruz@fgr.gob.sv Website: www.fiscalía.gob.sv Languages: English, Spanish

51. E-xoa-ti-ni Bộ Tư pháp và Hiến pháp P.O. Box 924 Mbabane Swaziland Điện thoại: (268) 404 4293 Fax: (268) 404 2809 Ngôn ngữ: tiếng Anh	51. Eswatini - Eswatini - Eswatini Ministry of Justice and Constitutional Affairs P.O. Box 924 Mbabane Swaziland Phone: (268) 404 4293 Fax: (268) 404 2809 Languages: English
52. Ghi-nê xích đạo Bộ Tư pháp và Tôn giáo Malabo Ghi-nê xích đạo Điện thoại: (240) 275534 Fax: (240) 1338	52. Equatorial Guinea - Guinée équatoriale - Guinea Ecuatorial Ministerio de Justicia y Culto e Malabo Guinea Ecuatorial Phone: (240) 275534 Fax: (240) 1338
53. Êt-xtô-ni-a Bộ Tư pháp Tõnismägi 5 A 15191 Tallinn Êt-xtô-ni-a Điện thoại: (372) 620 8190 Fax: (372) 620 8109 E-Mail: central.authority@just.ee Ngôn ngữ: tiếng Anh	53. Estonia - Estonie - Estonia Ministry of Justice Tõnismägi 5 A 15191 Tallinn Estonia Phone: (372) 620 8190 Fax: (372) 620 8109 E-Mail: central.authority@just.ee Languages: English
54. Ê-ti-ô-pi-a Bộ các vấn đề liên bang P.O. Box 199 Addis Ababa Ê-ti-ô-pi-a Điện thoại: (251) 1 55 40 55 Điện thoại: (251) 1 55 33 552 Fax: (251) 1 50 40 15 E-Mail: fpcnd@ethionet.et Ngôn ngữ: tiếng Anh	54. Ethiopia - Ethiopie - Etiopia Ministry of Federal Affairs P.O. Box 199 Addis Ababa Ethiopia Phone: (251) 1 55 40 55 Phone: (251) 1 55 33 552 Fax: (251) 1 50 40 15 E-Mail: fpcnd@ethionet.et Languages: English

55. Phi-gi Tổng Công tố Tòa nhà Chính phủ P.O. Box 2355 Suva Phi-gi Điện thoại: (679) 321 1250 Điện thoại: (679) 321 1793 Fax: (679) 330 2780 Ngôn ngữ: tiếng Anh	55. Fiji - Fidji - Fiji Director of Public Prosecutions Government Buildings P.O. Box 2355 Suva Fiji Phone: (679) 321 1250 Phone: (679) 321 1793 Fax: (679) 330 2780 Languages: English
56. Phần Lan Bộ Tư pháp P.O. Box 25 FIN-00023 Government Phần Lan Điện thoại: (358) 50 33 80 564 Fax: (358) 9 1606 7524 E-Mail: central.authority@om.fi Ngôn ngữ: tiếng Đan Mạch, tiếng Anh, tiếng Phần Lan, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Na Uy, tiếng Thụy Điển	56. Finland - Finlande - Finlandia Ministry of Justice P.O. Box 25 FIN-00023 Government Finland Phone: (358) 50 33 80 564 Fax: (358) 9 1606 7524 E-Mail: central.authority@om.fi Languages: Danish, English, Finnish, French, German, Norwegian, Swedish
57. Pháp Bộ Tư pháp 13, Place Vendôme F-75042 Paris Cedex 01 Pháp Điện thoại: (33) 1 44 77 62 50 Điện thoại: (33) 1 44 77 62 60 Fax: (33) 1 44 77 63 72 E-Mail: liste.entraide.dacg-bepi@justice.gouv.fr Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp	57. France - France - Francia Ministère de la justice 13, Place Vendôme F-75042 Paris Cedex 01 France Phone: (33) 1 44 77 62 50 Phone: (33) 1 44 77 62 60 Fax: (33) 1 44 77 63 72 E-Mail: liste.entraide.dacg-bepi@justice.gouv.fr Languages: English, French

58. Gióc-giơ Viện Công tố 24, phố Gorgasali 0114, Tibilisi Gióc-giơ Điện thoại: (995) 32 240 51 43 E-Mail: international@justice.gov.ge Ngôn ngữ: tiếng Anh	58. Georgia - Géorgie - Georgia Office of the Chief prosecutor 24, Gorgasali Str. 0114, Tibilisi Georgia Phone: (995) 32 240 51 43 E-Mail: international@justice.gov.ge Languages: English
59. Găm-bi-a Cơ quan Tổng Chương lý Marina Parade Ban-dun Găm-bi-a Điện thoại: (220) 422 8181 Điện thoại: (220) 422 8450 Fax: (220) 422 5352 Ngôn ngữ: tiếng Anh	59. Gambia - Gambie - Gambia Attorney General's Chambers Marina Parade Banjul Gambia Phone: (220) 422 8181 Phone: (220) 422 8450 Fax: (220) 422 5352 Languages: English
60. Đức Bộ Tư pháp liên bang Adenauerallee 99-103 D-53113 Bonn Đức Điện thoại: (49) 228 9941040 Fax: (49) 228 994105591 E-Mail: poststelle@bfj.bund.de Ngôn ngữ: tiếng Đức	60. Germany - Allemagne - Alemania Federal Office of Justice Adenauerallee 99-103 D-53113 Bonn Germany Phone: (49) 228 9941040 Fax: (49) 228 994105591 E-Mail: poststelle@bfj.bund.de Languages: German

61. Ga-na Bộ Tư pháp và Cơ quan Tổng Chưởng lý P.O. Box MB 60, Accra Ga-na Điện thoại: (233) 302 666664 Fax: (233) 302 666664 Fax: (233) 302 667609 Ngôn ngữ: tiếng Anh	61. Ghana - Ghana - Ghana Ministry of Justice and Attorney- General's Department P.O. Box MB 60, Accra Ghana Phone: (233) 302 666664 Fax: (233) 302 666664 Fax: (233) 302 667609 Languages: English
62. Hy Lạp Bộ Tư pháp 96, Messogeion Ave. 11527 Athens Hy Lạp Điện thoại: (30) 213 1307 311 Điện thoại: (30) 213 1307 312 Fax: (30) 213 1307 499 E-Mail: minjustice.penalaffairs@justice. gov.gr Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Hy Lạp	62. Greece - Grèce - Grecia Ministry of Justice 96, Messogeion Ave. 11527 Athens Greece Phone: (30) 213 1307 311 Phone: (30) 213 1307 312 Fax: (30) 213 1307 499 E-Mail: minjustice.penalaffairs@justice. gov.gr Languages: English, Greek
63. Grê-na-đa Bộ Các vấn đề pháp luật Church Street St. George's Grê-na-đa Điện thoại: (1 473) 440 3121 Điện thoại: (1 473) 440 2050 Điện thoại: (1 473) 440 3999 (24 giờ) Điện thoại: (1 473) 440 2094 Fax: (1 473) 435 5624 Fax: (1 473) 435 2964 E-Mail: legalaffairs@caribsurf.com Ngôn ngữ: tiếng Anh	63. Grenada - Grenade - Granada Ministry of Legal Affairs Church Street St. George's Grenada Phone: (1 473) 440 3121 Phone: (1 473) 440 2050 Phone: (1 473) 440 3999 (24 hrs) Phone: (1 473) 440 2094 Fax: (1 473) 435 5624 Fax: (1 473) 435 2964 E-Mail: legalaffairs@caribsurf.com Languages: English

64. Goa-tê-ma-la CƠ QUAN TƯ PHÁP VÀ TÒA ÁN TƯ PHÁP tối cao Phone: (502) 242 67000 Máy lẻ 6442 Fax: (502) 242 67000 Máy lẻ 6442 Fax: (502) 242 67000 Máy lẻ 4149 Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh	64. Guatemala - Guatemala - Guatemala Organismo Judicial y Corte Suprema de Justicia Phone: (502) 242 67000 Ext. 6442 Fax: (502) 242 67000 Ext. 6442 Fax: (502) 242 67000 Ext. 4149 Languages: Spanish, English
65. Ghi-nê Bít-xao Bộ Tư pháp Ex. P. 17 Bissau Av. Amilear Cabral Ghi-nê Bít-xao Ngôn ngữ: tiếng Pháp, tiếng Bồ Đào Nha	65. Guinea-Bissau - Guinée-Bissau - Guinea-Bissau Ministerio da Justicia Ex. P. 17 Bissau Av. Amilear Cabral Guinea-Bissau Languages: French, Portuguese
66. Guy-a-na Bộ Công an Lot 6 Brickdam, Stabroek Georgetown Guy-a-na Điện thoại: (592) 225 7270 Fax: (592) 227 4806 E-Mail: homemin@guyana.net.gy Ngôn ngữ: tiếng Anh	66. Guyana - Guyana - Guyana Ministry of Public Security Lot 6 Brickdam, Stabroek Georgetown Guyana Phone: (592) 225 7270 Fax: (592) 227 4806 E-Mail: homemin@guyana.net.gy Languages: English
67. Hai-i-ti Bộ Tư pháp Avenue Charles Summer Port-au-Prince Hai-i-ti Điện thoại: (509) 245-5862 Fax: (509) 245-0474 Ngôn ngữ: tiếng Pháp	67. Haiti - Haïti - Haïti Ministre de la justice Avenue Charles Summer Port-au-Prince Haïti Phone: (509) 245-5862 Fax: (509) 245-0474 Languages: French

68. Tòa thánh Va-ti-căng Hội đồng Tòa thánh Vatican City State 00120 Tòa thánh Va-ti-căng Điện thoại: (39) 0669883626 Fax: (39) 0669885514 Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha	68. Holy See - Saint-Siège - Santa Sede Secretariat of State Vatican City State 00120 Holy See Phone: (39) 0669883626 Fax: (39) 0669885514 Languages: English, French, Spanish
69. Ôn-đu-rát Công tố viên Tegucigalpa Ôn-đu-rát Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha	69. Honduras - Honduras - Honduras Ministerio Público Tegucigalpa Honduras Languages: Spanish
70. Hung-ga-ri Viện kiểm sát tối cao Marko u. 16 1055 Budapest Hung-ga-ri Điện thoại: (36) 1 354 5541 Fax: (36) 1 269 2662 E-Mail: nyfel@mku.hu Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Hung-ga-ri	70. Hungary - Hongrie - Hungría Office of the Prosecutor General Marko u. 16 1055 Budapest Hungary Phone: (36) 1 354 5541 Fax: (36) 1 269 2662 E-Mail: nyfel@mku.hu Languages: English, French, German, Hungarian
71. Ai-xơ-len Bộ Nội vụ Sölvhólsögötu 7 150 Reykjavík Ai-xơ-len Điện thoại: (354) 545 9000 Fax: (354) 552 7340 E-Mail: postur@irr.is Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Ai-xơ-len	71. Iceland - Islande - Islandia Ministry of the Interior Sölvhólsögötu 7 150 Reykjavík Iceland Phone: (354) 545 9000 Fax: (354) 552 7340 E-Mail: postur@irr.is Languages: English, Icelandic

72. Ấn Độ Bộ Nội vụ West Block No. I, Wing No.5. R.K. Puram Niu Đê-li 110066 Ấn Độ Điện thoại: (91) 11 2617 2089 Fax: (91) 11 2618 5240 E-Mail: dg-ncb@nic.in Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Hindi	72. India - Inde - India Ministry of Home Affairs West Block No. I, Wing No.5. R.K. Puram New Delhi 110066 India Phone: (91) 11 2617 2089 Fax: (91) 11 2618 5240 E-Mail: dg-ncb@nic.in Languages: English, Hindi
73. In-đô-nê-xi-a Bộ Pháp luật và nhân quyền Jl. HR. Rasuna Said Kav. 6-7 Kuningan, Gia-các-ta, 12940 In-đô-nê-xi-a Điện thoại: (62) 21 522 1619 Fax: (62) 21 522 1619 E-Mail: cr.muzhar@gmail.com Website: www.kemenkumham.go.id Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng In-đô-nê-xi-a	73. Indonesia - Indonésie - Indonesia Ministry of Law and Human Rights Jl. HR. Rasuna Said Kav. 6-7 Kuningan, Jakarta, 12940 Indonesia Phone: (62) 21 522 1619 Fax: (62) 21 522 1619 E-Mail: cr.muzhar@gmail.com Website: www.kemenkumham.go.id Languages: English, Indonesian
74. Cộng hòa Hồi giáo I-ran Bộ Tư pháp 1816, Valiasr Ave., 1415855151 Teheran I-ran Điện thoại: (98) 21 8894584506 Fax: (98) 21 88946053 E-Mail: Alimirkoochi@Iran.ir	74. Iran - Iran - Irán Ministry of Justice 1816, Valiasr Ave., 1415855151 Teheran Iran Phone: (98) 21 8894584506 Fax: (98) 21 88946053 E-Mail: Alimirkoochi@Iran.ir
75. I-rắc Bộ Nội vụ Ngôn ngữ: tiếng Ả-rập, tiếng Anh,	75. Iraq - Iraq - Iraq Ministry of Interior Languages: Arabic, English

76. Ai-len Bộ Tư pháp và Bình đẳng 51 St. Stephen's Green Dublin 2 Ai-len Điện thoại: (353) 87 254-5235 (24 giờ) Điện thoại: (353) 1 476-8639 Fax: (353) 1 476-8665 E-Mail: mutual@justice.ie Ngôn ngữ: tiếng Anh	76. Ireland - Irlande - Irlanda Department of Justice and Equality 51 St. Stephen's Green Dublin 2 Ireland Phone: (353) 87 254-5235 (24 hours) Phone: (353) 1 476-8639 Fax: (353) 1 476-8665 E-Mail: mutual@justice.ie Languages: English
77. I-xra-en Bộ Tư pháp P.O. Box 34142, 22 Kanfei Nesharim Giê-ru-sa-lem 95464 I-xra-en Điện thoại: (972) 2 5309445 Fax: (972) 2 6556846 Fax: (972) 2 5309393 Ngôn ngữ: tiếng Do Thái, tiếng Anh	77. Israel - Israël - Israel Ministry of Justice P.O. Box 34142, 22 Kanfei Nesharim Jerusalem 95464 Israel Phone: (972) 2 5309445 Fax: (972) 2 6556846 Fax: (972) 2 5309393 Languages: Hebrew, English
78. I-ta-li-a Bộ Tư pháp Via Arenula 70 I-00186 Rome I-ta-li-a Điện thoại: (39-6) 6885-2180 Fax: (39-6) 6899-7529 E-Mail: ufficio2.dgpenale.dag@giustizia.it Ngôn ngữ: tiếng Anh	78. Italy - Italie - Italia Ministry of Justice Via Arenula 70 I-00186 Rome Italy Phone: (39-6) 6885-2180 Fax: (39-6) 6899-7529 E-Mail: ufficio2.dgpenale.dag@giustizia.it Languages: English

79. Gia-mai-ca Văn phòng Tổng Công tố Tòa nhà Public West King Street Kingston Gia-mai-ca Điện thoại: (1 876) 922 6321 Fax: (1 876) 922 4318 E-Mail: dpp@moj.gov.jm Ngôn ngữ: tiếng Anh	79. Jamaica - Jamaïque - Jamaica Office of the Director of Public Prosecutions Public West Building King Street Kingston Jamaica Phone: (1 876) 922 6321 Fax: (1 876) 922 4318 E-Mail: dpp@moj.gov.jm Languages: English
80. Nhật Bản Bộ Tư pháp 1-1-1 Kasumigaseki Chiyoda-ku Tokyo 100-8977 Nhật Bản Điện thoại: (81) 3 3592-7049 Fax: (81) 3 3592-7063 Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Nhật	80. Japan - Japon - Japon Ministry of Justice 1-1-1 Kasumigaseki Chiyoda-ku Tokyo 100-8977 Japan Phone: (81) 3 3592-7049 Fax: (81) 3 3592-7063 Languages: English, Japanese
81. Gioóc-đa-ni Bộ Tư pháp P.O. Box 6040 Amman Gioóc-đa-ni Điện thoại: (962) 460 36 30 Máy lẻ 309 Fax: (962) 64653545 Ngôn ngữ: tiếng Ả rập, tiếng Anh	81. Jordan - Jordanie - Jordania Ministry of Justice P.O. Box 6040 Amman Jordan Phone: (962) 460 36 30 Ext. 309 Fax: (962) 64653545 Languages: Arabic, English

82. Ca-dắc-xtan TỔNG VIỆN KIỂM SÁT Mangilig el street, 14 Astana 010000 Ca-dắc-xtan Điện thoại: (7) 8 7172 115 (24 giờ) Điện thoại: (7) 7172 301945, (7) 8 7172 115 Fax: (7) 7172 506402 E-Mail: gp-rk@mail.online.kz Website: www.prokuror.kz Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Nga	82. Kazakhstan - Kazakhstan - Kazajstán Office of the Prosecutor General Mangilig el street, 14 Astana 010000 Kazakhstan Phone: (7) 8 7172 115 (24hrs) Phone: (7) 7172 301945, (7) 8 7172 115 Fax: (7) 7172 506402 E-Mail: gp-rk@mail.online.kz Website: www.prokuror.kz Languages: English, Russian
83. Kê-ni-a Cơ quan Tổng Chương lý và Bộ Tư pháp P.O. Box 40 112-00 100 Nairobi Kê-ni-a Điện thoại: (254) 20 22 140 69 Fax: (254) 20 315 165 E-Mail: attorney-general@kenya.go.ke Ngôn ngữ: tiếng Anh	83. Kenya - Kenya - Kenya Office of the Attorney General and Department of Justice P.O. Box 40 112-00 100 Nairobi Kenya Phone: (254) 20 22 140 69 Fax: (254) 20 315 165 E-Mail: attorney-general@kenya.go.ke Languages: English
84. Ki-ri-ba-ti Bộ Ngoại giao Văn phòng Tổng Chương lý PO Box 68 Bairiki Tarawa Ki-ri-ba-ti Điện thoại: (686) 21242 Fax: (686) 21025 E-Mail: titabutabane@yahoo.com Ngôn ngữ: tiếng Anh	84. Kiribati - Kiribati - Kiribati Ministry of Foreign Affairs Attorney General's Chambers PO Box 68 Bairiki Tarawa Kiribati Phone: (686) 21242 Fax: (686) 21025 E-Mail: titabutabane@yahoo.com Languages: English

85. Cô-Oét Bộ Nội vụ Điện thoại: (965) 25425739 Fax: (965) 25441734 Ngôn ngữ: tiếng Ả-rập	85. Kuwait - Koweit - Kuwait Ministry of Interior Phone: (965) 25425739 Fax: (965) 25441734 Languages: Arabic
86. Kư-gi-xtan Bộ Nội vụ Toktogula Str. 80 Bishkek City 720021 Kư-gi-xtan Điện thoại: (996) 312 439807 Điện thoại: (996) 312 660244 Fax: (996) 312 660244 Ngôn ngữ: tiếng Nga	86. Kyrgyzstan - Kirghizistan - Kirguistan Ministry of Internal Affairs of the Kyrgyz Republic Toktogula Str. 80 Bishkek City 720021 Kyrgyz Republic Phone: (996) 312 439807 Phone: (996) 312 660244 Fax: (996) 312 660244 Languages: Russian
87. Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào Viện kiểm sát nhân dân tối cao Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào Đường Ban Beung-kha-nyong Thadeua, Quận Sisattanak, Viêng Chăn, Lào. Điện thoại: (856) 21.832006 Điện thoại: (856) 21.832008 Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Lào, tiếng Việt	87. Lao Peop. Dem. Rep. - Rép. dém. pop. lao - Rep. Dem. Pop. Lao The Office of the Supreme People Prosecutor of the Lao PDR Ban Beung-kha-nyong Thadeua Road, Sisattanak District, Vientiane, Lao PDR Phone: (856) 21.832006 Phone: (856) 21.832008 Languages: English, Lao, Vietnamese
88. Lát-vi-a Tổng Viện kiểm sát Kalpaka Blvd. 6 Riga LV-1801 Lát-vi-a Điện thoại: (371) 670 44 448 Fax: (371) 670 44 449 E-Mail: gen@lrp.gov.lv E-Mail: darbdep@lrp.gov.lv Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Lát-vi-a	88. Latvia - Lettonie - Letonia Prosecutor's General Office Kalpaka Blvd. 6 Riga LV-1801 Latvia Phone: (371) 670 44 448 Fax: (371) 670 44 449 E-Mail: gen@lrp.gov.lv E-Mail: darbdep@lrp.gov.lv Languages: English, Latvian

89. Li-băng Bộ Tư pháp Palace of Justice Beirut Li-băng Điện thoại: (961) 142-2956 Điện thoại: (961) 142-2938 Điện thoại: (961) 142-2978 Điện thoại: (961) 142-2951 Điện thoại: (961) 142-5670 Fax: (961) 161-1142 Ngôn ngữ: tiếng Ả rập, tiếng Anh, tiếng Pháp	89. Lebanon - Liban - Líbano Ministry of Justice Palace of Justice Beirut Lebanon Phone: (961) 142-2956 Phone: (961) 142-2938 Phone: (961) 142-2978 Phone: (961) 142-2951 Phone: (961) 142-5670 Fax: (961) 161-1142 Languages: Arabic, English, French
90. Lê-sô-thô - Bộ Ngoại giao P.O. Box 1387 Maseru 100 Lê-sô-thô Điện thoại: (266) 311-150 Điện thoại: (266) 314-847 (Lễ tân) Fax: (266) 310-178 Telex: 4330 (Lễ tân) Telex: 4292 Ngôn ngữ: tiếng Anh - Cơ quan Tổng Chương lý Maseru Lê-sô-thô Ngôn ngữ: tiếng Anh	90. Lesotho - Lesotho - Lesotho - Ministry for Foreign Affairs P.O. Box 1387 Maseru 100 Lesotho Phone: (266) 311-150 Phone: (266) 314-847 (Protocol) Fax: (266) 310-178 Telex: 4330 (Protocol) Telex: 4292 Languages: English - The Attorney General's Chambers Maseru Lesotho Languages: English
91. Li-bi Bộ Tư pháp Tri-pô-li Li-bi Điện thoại: (218) 21 3400 402 Fax: (218) 21 3400/40 hoặc 04 Ngôn ngữ: tiếng Ả rập	91. Libya - Libye - Libia Ministry of Justice Tripoli Libya Phone: (218) 21 3400 402 Fax: (218) 21 3400/40 or 04 Languages: Arabic

92. Lích-then-xtai-in Bộ Tư pháp Aeulestrasse 70 FL-9490 Vaduz Lích-then-xtai-in Điện thoại: (423) 236 6590 Fax: (423) 236 7581 E-Mail: harald.oberdorfer@llv.li Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Đức	92. Liechtenstein - Liechtenstein - Liechtenstein Office of Justice Aeulestrasse 70 FL-9490 Vaduz Liechtenstein Phone: (423) 236 6590 Fax: (423) 236 7581 E-Mail: harald.oberdorfer@llv.li Languages: English, German
93. Lít-va Bộ Tư pháp Gedimino Avenue 30 LT-01104 Vilnius Lít-va Điện thoại: (370) 5 266 2940 Fax: (370) 5 266 2854 Fax: (370) 5 262 5940 E-Mail: tbs@tm.lt E-Mail: rastine@tm.lt Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Lít-va, tiếng Nga	93. Lithuania - Lituanie - Lituania Ministry of Justice Gedimino Avenue 30 LT-01104 Vilnius Lithuania Phone: (370) 5 266 2940 Fax: (370) 5 266 2854 Fax: (370) 5 262 5940 E-Mail: tbs@tm.lt E-Mail: rastine@tm.lt Languages: English, Lithuanian, Russian
94. Lúc-xăm-bua Cơ quan Tổng Chương lý Cité judiciaire L-2080 Lúc-xăm-bua Điện thoại: (352) 47 59 81/329393 Fax: (352) 47 0550 E-Mail: parquet.general@justice.etat.lu Ngôn ngữ: tiếng Pháp, tiếng Đức	94. Luxembourg - Luxembourg - Luxemburgo Parquet général du Grand-Duché de Luxembourg Cité judiciaire L-2080 Luxembourg Phone: (352) 47 59 81/329393 Fax: (352) 47 0550 E-Mail: parquet.general@justice.etat.lu Languages: French, German

95. Ma-đa-gát-xca Bộ Tư pháp 43, rue Joël Rakotomalala 101 Antananarivo Ma-đa-gát-xca Điện thoại: (261) 34 07 573 02 Điện thoại: (261) 32 03 300 35 E-Mail: daj@justice.mg E-Mail: sjpsminjus@yahoo.fr Ngôn ngữ: tiếng Pháp	95. Madagascar - Madagascar - Madagascar Ministre de la Justice 43, rue Joël Rakotomalala 101 Antananarivo Madagascar Phone: (261) 34 07 573 02 Phone: (261) 32 03 300 35 E-Mail: daj@justice.mg E-Mail: sjpsminjus@yahoo.fr Languages: French
96. Man-đi-vơ Bộ Tài chính và Kho bạc Ameene Magu Malé Man-đi-vơ E-Mail: admin@finance.gov.mv Điện thoại: (960) 332 8790 Điện thoại: (960) 334 9200 Fax: (960) 332 443	96. Maldives - Maldives - Maldives Ministry of Finances and Treasury Ameene Magu Malé Maldives E-Mail: admin@finance.gov.mv Phone: (960) 332 8790 Phone: (960) 334 9200 Fax: (960) 332 443
97. Ma-la-uy Bộ Nội vụ và An ninh P/Bag 331 Capital Hill Lilongwe 3 Ma-la-uy Điện thoại: (265) 1 789 177 Fax: (265) 1 789 509 Ngôn ngữ: tiếng Anh	97. Malawi - Malawi - Malawi Ministry for Home Affairs and Internal Security P/Bag 331 Capital Hill Lilongwe 3 Malawi Phone: (265) 1 789 177 Fax: (265) 1 789 509 Languages: English

98. Ma-lai-xi-a Cơ quan Tổng Chương lý Tầng 16, số 45 Persiaran Perdana Precinct 4 Federal Government Administrative Centre 62100, Putrajaya Ma-lai-xi-a Điện thoại: (60) 3 8872 2000 Fax: (60) 3 8890 5670 E-Mail: pro@agc.gov.my Website: www.agc.gov.my Ngôn ngữ: tiếng Anh	98. Malaysia - Malaisie - Malasia The Attorney General's Chambers Level 16. No.45, Persiaran Perdana Precinct 4 Federal Government Administrative Centre 62100, Putrajaya Malaysia Phone: (60) 3 8872 2000 Fax: (60) 3 8890 5670 E-Mail: pro@agc.gov.my Website: www.agc.gov.my Languages: English
99. Ma-li Bộ Tư pháp P.O. Box 97 Điện thoại: (223) 66 90 27 21 E-Mail: manekamadou1@yahoo.fr Ngôn ngữ: tiếng Pháp	99. Mali - Mali - Mali Ministère de la justice P.O. Box 97 Phone: (223) 66 90 27 21 E-Mail: manekamadou1@yahoo.fr Languages: French
100. Man-ta Cơ quan Tổng Chương lý The Palace Valletta Man-ta Điện thoại: (356) 2122 5841 Fax: (356) 2124 0738 E-Mail: ag@gov.mt Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Man-ta	100. Malta - Malte - Malta Attorney General's Office The Palace Valletta Malta Phone: (356) 2122 5841 Fax: (356) 2124 0738 E-Mail: ag@gov.mt Languages: English, Maltese
101. Mau-ri-tốt Cơ quan Tổng Chương lý Tầng 5 Tòa nhà Renganaden Seeneevassen Building Jules Koenig Street, Port Louis Mau-ri-tốt	101. Mauritius - Maurice - Mauricio Attorney-General Office 5th Floor Renganaden Seeneevassen Building Jules Koenig Street, Port Louis Mauritius

Điện thoại: (230) 203 4740 Fax: (230) 211 6433 Fax: (230) 212 6742 E-Mail: ago@mail.gov.mu E-Mail: sgo@mail.gov.mu Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp	Phone: (230) 203 4740 Fax: (230) 211 6433 Fax: (230) 212 6742 E-Mail: ago@mail.gov.mu E-Mail: sgo@mail.gov.mu Languages: English, French
102. Mê-hi-cô Tổng Viện công tố Avenida Insurgentes # 20, piso 22, Colonia Roma Norte, Delegación Cuauhtémoc, 06700 Ciudad de México Mê-hi-cô Điện thoại: (52) 55 53460125 Điện thoại: (52) 55 53460113 Fax: (52) 55 53460903 Fax: (52) 55 53460902 E-Mail: josemanuel.merino@pgr.gob.mx Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha	102. Mexico - Mexique - México Procuraduría General de la República Avenida Insurgentes # 20, piso 22, Colonia Roma Norte, Delegación Cuauhtémoc, 06700 Ciudad de México México Phone: (52) 55 53460125 Phone: (52) 55 53460113 Fax: (52) 55 53460903 Fax: (52) 55 53460902 E-Mail: josemanuel.merino@pgr.gob.mx Languages: English, Spanish
103. Mô-na-cô Cơ quan thường trực văn phòng đa quốc gia INTERPOL Trụ sở Toà án 5, đường Colobel Bellando de Castro MC-98000 Monaco Điện thoại: (377) 9315-3200 (24 giờ) Điện thoại: (377) 9315-3323 (24 giờ) Điện thoại: (377) 9315-3311 Fax: (377) 9350-8746 E-Mail: monacobcn@yahoo.fr Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp	103. Monaco - Monaco - Mónaco Service de permanence du BCN- INTERPOL BCN-INTERPOL ou Palais de justice 5, rue du Colonel Bellando de Castro MC-98000 Monaco Phone: (377) 9315-3200 (24 hours) Phone: (377) 9315-3323 (24 hours) Phone: (377) 9315-3311 Fax: (377) 9350-8746 E-Mail: monacobcn@yahoo.fr Languages: English, French

104. Mông Cổ Bộ Tư pháp và Nội vụ 5th Government building, Hudaldaanii gudamj 6/1 Chingeltei district Ulaanbaatar Mông Cổ Điện thoại: (976) 51 263932 Fax: (976) 51 267533 E-Mail: undralsaikhan@mojha.gov.mn Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Nga	104. Mongolia - Mongolie - Mongolia Ministry of Justice and Homeland Affairs 5th Government building, Hudaldaanii gudamj 6/1 Chingeltei district Ulaanbaatar Mongolia Phone: (976) 51 263932 Fax: (976) 51 267533 E-Mail: undralsaikhan@mojha.gov.mn Languages: English, Russian
105. Môn-tê-nê-gơ-rô Bộ Tư pháp Số 3 Vuka Karadzica 81000 Podgorica Môn-tê-nê-gơ-rô Điện thoại: (382) 20 407 510 Fax: (382) 20 407 510 E-Mail: duska.velimirovic@gov.me E-Mail: snezana.maras@gov.me Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp	105. Montenegro - Monténégro - Montenegro Ministry of Justice Vuka Karadzica no.3 81000 Podgorica Montenegro Phone: (382) 20 407 510 Fax: (382) 20 407 510 E-Mail: duska.velimirovic@gov.me E-Mail: snezana.maras@gov.me Languages: English, French
106. Ma-rốc Bộ Tư pháp Place Mamounia Rabat CP 10000 Ma-rốc Điện thoại: (212) 53 7702365 Điện thoại: (212) 66 1187396 (24 giờ) Fax: (212) 53 7702365 E-Mail: benalilou_m@yahoo.fr Ngôn ngữ: tiếng Ả rập, tiếng Pháp	106. Morocco - Maroc - Marruecos Ministère de la justice Place Mamounia Rabat CP 10000 Maroc Phone: (212) 53 7702365 Phone: (212) 66 1187396 (24 hrs) Fax: (212) 53 7702365 E-Mail: benalilou_m@yahoo.fr Languages: Arabic, French

107. Mô-dăm-bích Bộ Tư pháp Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Bồ Đào Nha	107. Mozambique - Mozambique - Mozambique Attorney-General's Office Languages: English, Portuguese
108. Mi-an-ma Bộ Nội vụ Post Box No. - 004, 15011 Nay Pyi Taw Mi-an-ma Điện thoại: (95) 67 3412552 Fax: (95) 67 3412552 E-Mail: Naypitaw.ncb@gmail.com Ngôn ngữ: tiếng Anh	108. Myanmar - Myanmar - Myanmar Ministry of Home Affairs Post Box No. - 004, 15011 Nay Pyi Taw Myanmar Phone: (95) 67 3412552 Fax: (95) 67 3412552 E-Mail: Naypitaw.ncb@gmail.com Languages: English
109. Nam-mi-bi-a Bộ Tư pháp Private Bag 13302 Windhoek Nam-mi-bi-a Điện thoại: (264) 61 2805-317 Fax: (264) 61 254-054 E-Mail: dkhama@moj.gov.na Ngôn ngữ: tiếng Anh	109. Namibia - Namibie - Namibia Ministry of Justice Private Bag 13302 Windhoek, Namibia Phone: (264) 61 2805-317 Fax: (264) 61 254-054 E-Mail: dkhama@moj.gov.na Languages: English
110. Nê-pan Bộ Nội vụ Singh Durbar Kathmandu Nê-pan Điện thoại: (977) 1 4211281 Điện thoại: (977) 1 4211241 Fax: (977) 1 4211283 E-Mail: lxd321@gmail.com Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Nê-pan	110. Nepal - Népal - Nepal Ministry of Home Affairs Singh Durbar Kathmandu Nepal Phone: (977) 1 4211281 Phone: (977) 1 4211241 Fax: (977) 1 4211283 E-Mail: lxd321@gmail.com Languages: English, Nepalese

111. Hà Lan Bộ An ninh và Tư pháp P.O. Box 20301 2500 EH La-Hay Hà Lan Điện thoại: (31) 70 370 7314 Fax: (31) 70 370 7945 Ngôn ngữ: tiếng Hà Lan, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức	111. Netherlands - Pays-Bas - Países Bajos Ministry of Security and Justice P.O. Box 20301 2500 EH The Hague Netherlands Phone: (31) 70 370 7314 Fax: (31) 70 370 7945 Languages: Dutch, English, French, German
112. Niu Di-lân Cơ quan Pháp luật Hoàng gia P.O. Box 2858 Wellington 6140 Niu Di-lân Điện thoại: (64) 4 472 1719 Fax: (64) 4 494 5678 E-Mail: library@crownlaw.govt.nz Ngôn ngữ: tiếng Anh	112. New Zealand - Nouvelle-Zélande - Nueva Zelandia Crown Law Office P.O. Box 2858 Wellington 6140 New Zealand Phone: (64) 4 472 1719 Fax: (64) 4 494 5678 E-Mail: library@crownlaw.govt.nz Languages: English
113. Ni-ca-ra-go Tổng Viện công tố Kilómetro 3 1/2 Carretera Sur Managua Ni-ca-ra-go Điện thoại: (505) 2 665437 Website: www.pgr.gob.ni Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha	113. Nicaragua - Nicaragua - Nicaragua Procuraduría General de la República Kilómetro 3 1/2 Carretera Sur Managua Nicaragua Phone: (505) 2 665437 Website: www.pgr.gob.ni Languages: Spanish

114. Ni-giơ Tổng Công tố B.P. 466 Ni-a-mây Ni-giơ Điện thoại: (227) 775 2179 Fax: (227) 775 2179 Ngôn ngữ: tiếng Pháp	114. Niger - Niger - Níger Procureur général B.P. 466 Niamey Niger Phone: (227) 775 2179 Fax: (227) 775 2179 Languages: French
115. Ni-giê-ri-a Bộ Tư pháp liên bang Plot 71B, Shehu Shagari Way, Maitama-Abuja P.M.B. 192 Abuja Ni-giê-ri-a Điện thoại: (234) 9 523 5183 Điện thoại: (234) 9 523 5208 Ngôn ngữ: tiếng Anh	115. Nigeria - Nigéria - Nigeria Federal Ministry of Justice Plot 71B, Shehu Shagari Way, Maitama-Abuja P.M.B. 192 Abuja Nigeria Phone: (234) 9 523 5183 Phone: (234) 9 523 5208 Languages: English
116. Ni-uê Cơ quan pháp luật hoàng gia P.O. Box 70, Trung tâm thương mại Alofi Ni-uê Điện thoại: (683) 4228 Fax: (683) 4206 Website: www.gov.nu Ngôn ngữ: tiếng Anh	116. Niue - Ile Nioué - Niue Crown Law Office P.O. Box 70, Commercial Centre Alofi Niue Phone: (683) 4228 Fax: (683) 4206 Website: www.gov.nu Languages: English

117. Bắc Ma-xê-đô-ni-a Bộ Tư pháp Dimitrie Cupovski 9 Skopje Bắc Ma-xê-đô-ni-a Điện thoại: (389) 232 56821 Fax: (389) 232 26975 E-Mail: mmuca@mjustice.gov.mk E-Mail: gordanamilevska@mjustice.gov.mk/ Ngôn ngữ: tiếng Ma-xê-đô-ni-a, tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp	117. North Macedonia - Macédoine du Nord - Macedonia del Norte Ministry of Justice Dimitrie Cupovski 9 Skopje Republic of North Macedonia Phone: (389) 232 56821 Fax: (389) 232 26975 E-Mail: mmuca@mjustice.gov.mk E-Mail: gordanamilevska@mjustice.gov.mk/ Languages: Macedonian, English, German, French
118. Na Uy Bộ Tư pháp và An ninh công cộng Gullhaug Torg 4A, 0484 Oslo Norway P.O. Box 8005 Dep. N-0030 Oslo Na Uy Điện thoại: (47) 22 24 54 51 Fax: (47) 22 24 27 22 E-Mail: postmottak@jd.dep.no Website: www.regjeringen.no/jd Ngôn ngữ: tiếng Đan Mạch, tiếng Anh, tiếng Na Uy, tiếng Thụy Điển	118. Norway - Norvège - Noruega Ministry of Justice and Public Security Gullhaug Torg 4A, 0484 Oslo Norway P.O. Box 8005 Dep. N-0030 Oslo Norway Phone: (47) 22 24 54 51 Fax: (47) 22 24 27 22 E-Mail: postmottak@jd.dep.no Website: www.regjeringen.no/jd Languages: Danish, English, Norwegian, Swedish

119. Ô-man Ban Giám đốc Cơ quan Điều tra hình sự P.O. Box 446 Muscat, P.C. 113 Ô-man Điện thoại: (968) 565-754 Điện thoại: (968) 569-476 Fax: (968) 571-040 Ngôn ngữ: tiếng Ả rập, tiếng Anh	119. Oman - Oman - Omán Directorate-General of Criminal Inquiries and Investigation P.O. Box 446 Muscat, P.C. 113 Oman Phone: (968) 565-754 Phone: (968) 569-476 Fax: (968) 571-040 Languages: Arabic, English
120. Pa-kit-xtan Bộ Nội vụ Block “R”, Pak. Secretariat Islamabad Pa-kit-xtan Điện thoại: (92) 51 9204128 (24 giờ) Điện thoại: (92) 51 9210086 Fax: (92) 51 9201472 E-Mail: info@interior.gov.pk Ngôn ngữ: tiếng Anh	120. Pakistan - Pakistan - Pakistán Ministry of Interior Block “R”, Pak. Secretariat Islamabad Pakistan Phone: (92) 51 9204128 (24 hrs) Phone: (92) 51 9210086 Fax: (92) 51 9201472 E-Mail: info@interior.gov.pk Languages: English
121. Pa-na-ma Tổng Viện Công tố quốc gia Calidonia, Avenida Perú y Calle 33 0816-06747, Zona 1 Panamá Pa-na-ma Điện thoại: (507) 507 3002/3018 Fax: (507) 504 3413/3421 E-Mail: ainternacionales@procuraduria.gob.pa Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha	121. Panama - Panama - Panamá Procuraduría General de la Nación Calidonia, Avenida Perú y Calle 33 0816-06747, Zona 1 Panamá Panamá Phone: (507) 507 3002/3018 Fax: (507) 504 3413/3421 E-Mail: ainternacionales@procuraduria.gob.pa Languages: Spanish

122. Pa-pua Niu Ghi-nê Cục Chống ma túy quốc gia Tòa nhà Old POM Grammar Champion Parade, Down Town P.O. Box 1970, Port Moresby National Capital District Pa-pua Niu Ghi-nê Điện thoại: (675) 321 3495 Điện thoại: (675) 321 3695 Fax: (675) 321 1797 E-Mail: narcotics@online.net.pg Ngôn ngữ: tiếng Anh	122. Papua New Guinea - Papouasie-Nouvelle-Guinée - Papua Nueva Guinea National Narcotics Bureau Old POM Grammar Building Champion Parade, Down Town P.O. Box 1970, Port Moresby National Capital District Papua New Guinea Phone: (675) 321 3495 Phone: (675) 321 3695 Fax: (675) 321 1797 E-Mail: narcotics@online.net.pg Languages: English
123. Pa-ra-goay Tổng Chương lý Nhà nước Chile 1100 e/ Jejui e Ygatimi Asunción Pa-ra-goay Điện thoại: (595) 21 415 6113 Điện thoại: (595) 21 498 537 E-Mail: jeoviedo@ministeriopublico.gov.py E-Mail: mquinonez@ministeriopublico.gov.py Website: www.ministeriopublico.gov.py Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha	123. Paraguay - Paraguay - Paraguay Fiscalia General del Estado Chile 1100 e/ Jejui e Ygatimi Asunción Paraguay Phone: (595) 21 415 6113 Phone: (595) 21 498 537 E-Mail: jeoviedo@ministeriopublico.gov.py E-Mail: mquinonez@ministeriopublico.gov.py Website: www.ministeriopublico.gov.py Language: Spanish

124. Pê-ru Viện Công tố quốc gia Avenida Abancay Cuadra 5 s/n, 9th Floor, Cercado de Lima Pê-ru Điện thoại: (51) 1 208 5555 5012 Điện thoại: (51) 1 208 5555 5018 Điện thoại: (51) 1 208 5555 5019 E-Mail: ucjie@mpfn.gob.pe Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha	124. Peru - Pérou - Perú Fiscalía de la Nación Avenida Abancay Cuadra 5 s/n, 9th Floor, Cercado de Lima Peru Phone: (51) 1 208 5555 5012 Phone: (51) 1 208 5555 5018 Phone: (51) 1 208 5555 5019 E-Mail: ucjie@mpfn.gob.pe Languages: English, Spanish
125. Phi-líp-pin Bộ Tư pháp Padre Faura Street, Ermita, Manila 1000 Cộng hòa Phi-líp-pin Điện thoại: (+632) 525 0764 Fax: (+632) 525 2218 E-Mail: rvp@doj.gov.ph Ngôn ngữ: tiếng Anh	125. Philippines - Philippines - Filipinas Department of Justice Padre Faura Street, Ermita, Manila 1000 Republic of the Philippines Phone: (+632) 525 0764 Fax: (+632) 525 2218 E-Mail: rvp@doj.gov.ph Languages: English
126. Ba Lan Viện kiểm sát quốc gia Ul. Rakowiecka 28/30 02-528 Vác-sa-va Ba Lan Điện thoại: (48) 22 1251490 Fax: (48) 22 1251422 E-Mail: dwm@pg.gov.pl Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Ba Lan	126. Poland - Pologne - Polonia Prosecutor General's Office Ul. Rakowiecka 28/30 02-528 Warszawa Poland Phone: (48) 22 1251490 Fax: (48) 22 1251422 E-Mail: dwm@pg.gov.pl Languages: English, Polish

127. Bồ Đào Nha Cơ quan Tổng Chương lý Rua da Escola Politécnica, 140 1200-069 Lisbon Bồ Đào Nha Điện thoại: (351) 21 382 03 00 Điện thoại: (351) 21 382 03 57 Fax: (351) 21 382 03 01 E-Mail: mail@gddc.pt Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý	127. Portugal - Portugal - Portugal Attorney General's Office Rua da Escola Politécnica, 140 1200-069 Lisbon Portugal Phone: (351) 21 382 03 00 Phone: (351) 21 382 03 57 Fax: (351) 21 382 03 01 E-Mail: mail@gddc.pt Languages: English, French, Spanish, Italian
128. Ca-ta Tổng Viện công tố Doha P.O. Box 705 Ca-ta Điện thoại: (974) 4843333 Fax: (974) 4839057 E-Mail: drug@moi.gov.qa Ngôn ngữ: tiếng Ả-rập	128. Qatar - Qatar - Qatar General Prosecutor's Office Doha P.O. Box 705 Qatar Phone: (974) 4843333 Fax: (974) 4839057 E-Mail: drug@moi.gov.qa Languages: Arabic
129. Đại Hàn Dân Quốc Bộ Tư pháp 1, Joongang-dong, Gwacheon-city Gyeonggi-do Đại Hàn Dân Quốc Điện thoại: (82) 2 2110 3297 Fax: (82) 2 3480 1113 E-Mail: pwonb@moj.go.kr Ngôn ngữ: tiếng Hàn Quốc, tiếng Anh	129. Republic of Korea - République de Corée - República de Corea Ministry of Justice 1, Joongang-dong, Gwacheon-city Gyeonggi-do Republic of Korea Phone: (82) 2 2110 3297 Fax: (82) 2 3480 1113 E-Mail: pwonb@moj.go.kr Languages: Korean, English

130. Cộng hòa Môn-đô-va Tổng Viện kiểm sát bl. Mitropolitul Banulescu-Bodoni nr.26 MD-2500 Chisinau Môn-đô-va Điện thoại: (373) 22 22 13 35 Điện thoại: (373) 22 22 75 50 Điện thoại: (373) 22 22 53 89 Fax: (373) 22 22 13 35 E-Mail: d.rotundu@procuratora.md Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Ru-ma-ni, tiếng Nga	130. Republic of Moldova - République de Moldova - República de Moldova General Prosecutor's Office bl. Mitropolitul Banulescu-Bodoni nr.26 MD-2500 Chisinau Moldova Phone: (373) 22 22 13 35 Phone: (373) 22 22 75 50 Phone: (373) 22 22 53 89 Fax: (373) 22 22 13 35 E-Mail: d.rotundu@procuratora.md Languages: English, French, Romanian, Russian
131. Ru-ma-ni Bộ Tư pháp 17, Apolodor Street, 5th Sector 050741 Bucharest Ru-ma-ni Điện thoại: (40) 0372041085 Fax: (40) 0372041084 Fax: (40) 0372041079 E-Mail: dreptinternational@just.ro Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Ru-ma-ni, tiếng Tây Ban Nha	131. Romania - Roumanie - Rumania Ministry of Justice 17, Apolodor Street, 5th Sector 050741 Bucharest Romania Phone: (40) 0372041085 Fax: (40) 0372041084 Fax: (40) 0372041079 E-Mail: dreptinternational@just.ro Languages: English, French, Italian, Romanian, Spanish

132. Liên bang Nga Tổng Viện kiểm sát Ul. Bolshaya Dmitrovka Street 15 A 125993, GSP-3, Mát-xcơ-va Liên bang Nga Điện thoại: (7) 495 982 77 28 Điện thoại: (7) 495 986 32 85 Fax: (7) 495 986 34 57 E-Mail: transgprf@genproc.gov.ru Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Nga	132. Russian Federation - Fédération de Russie - Federación de Rusia Office of the Prosecutor General Ul. Bolshaya Dmitrovka Street 15 A 125993, GSP-3, Moscow Russian Federation Phone: (7) 495 982 77 28 Phone: (7) 495 986 32 85 Fax: (7) 495 986 34 57 E-Mail: transgprf@genproc.gov.ru Languages: English, Russian
133. Ru-an-đa Bộ Tư pháp B.P.160 Kigali Ru-an-đa Điện thoại: (250) 866-26 Ngôn ngữ: tiếng Pháp	133. Rwanda - Rwanda - Rwanda Ministre de la justice B.P.160 Kigali Rwanda Phone: (250) 866-26 Languages: French
134. Xanh-kít và Ne-vít Cơ quan Tổng Chương lý Trụ sở Chính phủ Phố Church P.O. Box 164 Basseterre Xanh-kít và Ne-vít Điện thoại: (1-869) 465 2521 Fax: (1-869) 465 5040	134. Saint Kitts and Nevis - Saint-Kitts-et-Nevis - Saint Kitts y Nevis Attorney General's Chambers Government Headquarters Church Street P.O. Box 164 Basseterre St. Kitts and Nevis Phone: (1-869) 465 2521 Fax: (1-869) 465 5040

135. Xanh Lu-xi-a Cơ quan Tổng Chương lý Tầng 2, Tòa nhà Francis Compton Waterfront, Castries Xanh Lu-xi-a, West Indies Ngôn ngữ: tiếng Anh	135. Saint Lucia - Sainte-Lucie - Santa Lucía Attorney General's Chambers 2nd Floor, Francis Compton Building Waterfront, Castries Saint Lucia, West Indies Languages: English
136. Xanh Vành-xăng và Gre-na-đin Cơ quan Tổng Chương lý Tòa nhà Methodist Phố Corner Granby and Sharpe Kingstown Xanh Vành-xăng và Gre-na-đin Điện thoại: (1 784) 456 1762 Fax: (1 784) 457 2898 E-Mail: ag@gov.vc Ngôn ngữ: tiếng Anh	136. Saint Vincent and the Grenadines - Saint-Vincent-et-les-Grenadines - San Vicente y las Granadinas Attorney General's Chambers Methodist Building Corner Granby and Sharpe Streets Kingstown St. Vincent and the Grenadines Phone: (1 784) 456 1762 Fax: (1 784) 457 2898 E-Mail: ag@gov.vc Languages: English
137. San Ma-ri-nô Bộ Ngoại giao Palazzo Begni Contrada Omerelli n.31 47890, San Marino San Ma-ri-nô Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Ý	137. San Marino - Saint-Marin - San Marino Ministry of Foreign Affairs Palazzo Begni Contrada Omerelli n.31 47890, San Marino San Marino Languages: English, Italian

138. Sa-moa Bộ Ngoại giao O. Box L 1861 Apia Sa-moa Điện thoại: (685) 633 33 Điện thoại: (685) 253 13 Fax: (685) 215 04 Telex: 221malosx E-Mail: mfa@mfa.gov.ws Ngôn ngữ: tiếng Anh	138. Samoa - Samoa - Samoa Ministry of Foreign Affairs P.O. Box L 1861 Apia Samoa Phone: (685) 633 33 Phone: (685) 253 13 Fax: (685) 215 04 Telex: 221malosx E-Mail: mfa@mfa.gov.ws Languages: English
139. Sao Tô-mê và Prin-xi-pê Bộ Tư pháp CP 901 Av. 12 Juillet, Largo das Alfandegas Sao Tô-mê và Prin-xi-pê Điện thoại: (239) 222 318 (24 giờ) Điện thoại: (239) 222 256 Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha	139. Sao Tome and Principe - Sao Tomé-et-Príncipe - Santo Tomé y Príncipe Ministère de la justice CP 901 Av. 12 Juillet, Largo das Alfandegas Sao Tome and Principe Phone: (239) 222 318 (24 hrs) Phone: (239) 222 256 Languages: English, Spanish
140. Ả-rập Xê-út Bộ Nội vụ P.O. Box 66244 11576 Riyadh Ả-rập Xê-út Điện thoại: (966) 11 453 7496 Điện thoại: (966) 11 461 5996 Fax: (966) 11 454 2889 Fax: (966) 11 404 4626 E-Mail: scmla@hq.moi.gov.sa Ngôn ngữ: tiếng Ả rập, tiếng Anh	140. Saudi Arabia - Arabie saoudite - Arabia Saudita Ministry of Interior P.O. Box 66244 11576 Riyadh Saudi Arabia Phone: (966) 11 453 7496 Phone: (966) 11 461 5996 Fax: (966) 11 454 2889 Fax: (966) 11 404 4626 E-Mail: scmla@hq.moi.gov.sa Languages: Arabic, English

141. Xê-nê-gan Bộ Nội vụ B.P. 1770 Dakar Xê-nê-gan Điện thoại: (221) 77 529 15 90 Fax: (221) 33 827 96 29 Ngôn ngữ: tiếng Pháp	141. Senegal - Sénégal - Senegal Ministère de l'intérieur B.P. 1770 Dakar Sénégal Phone: (221) 77 529 15 90 Fax: (221) 33 827 96 29 Languages: French
142. Séc-bi Bộ Tư pháp Nemanjina 22-26 11000 Belgrade Séc-bi Điện thoại: (381) 11 362 23 51 Fax: (381) 11 362 23 51 Website: www.mpravde.gov.rs Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Séc-bi	142. Serbia - Serbie - Serbia Ministry of Justice Nemanjina 22-26 11000 Belgrade Serbia Phone: (381) 11 362 23 51 Fax: (381) 11 362 23 51 Website: www.mpravde.gov.rs Languages: English, Serbian
143. Xây-sen - Bộ Ngoại giao P.O. Box 656, National House, Mahé Victoria Xây-sen E-Mail: mfapesey@seychelles.net Điện thoại: (248) 283 500 Fax: (248) 224 84 - Cơ quan Tổng Chương lý P.O. Box 58 National House, Victoria, Mahé Victoria Xây-sen E-Mail: agoffice@seychelles.sc Điện thoại: (248) 283 000 Fax: (248) 225 063	143. Seychelles - Seychelles - Seychelles - Ministry of Foreign Affairs P.O. Box 656, National House, Mahé Victoria Seychelles E-Mail: mfapesey@seychelles.net Phone: (248) 283 500 Fax: (248) 224 84 - Attorney General's Office P.O. Box 58 National House, Victoria, Mahé Victoria Seychelles E-Mail: agoffice@seychelles.sc Phone: (248) 283 000 Fax: (248) 225 063

144. Xi-ê-ra Lê-ôn Văn phòng Tổng Chương lý và Bộ trưởng Bộ Tư pháp Guma Building Lamina Sankoh Street Freetown Xi-ê-ra Lê-ôn Ngôn ngữ: tiếng Anh	144. Sierra Leone - Sierra Leone - Sierra Leona Office of the Attorney General and Minister of Justice Guma Building Lamina Sankoh Street Freetown Sierra Leone Languages: English
145. Xinh-ga-po Cơ quan Tổng Chương lý 1 Upper Pickering Street Singapore 058288 Xinh-ga-po Điện thoại: (65) 6908 9000 Fax: (65) 6702 0513 E-Mail: AGC_CentralAuthority@agc. gov.sg Ngôn ngữ: tiếng Anh	145. Singapore - Singapour - Singapur The Attorney General's Chamber 1 Upper Pickering Street Singapore 058288 Singapore Phone: (65) 6908 9000 Fax: (65) 6702 0513 E-Mail: AGC_CentralAuthority@agc. gov.sg Languages: English
146. Xlô-va-ki-a Bộ Tư pháp Zupné Námestie c. 13 813 11 Bratislava Xlô-va-ki-a Điện thoại: (+421) 259 353 591 Fax: (+421) 259 353 604 E-Mail: inter.coop@justice.sk E-Mail: ms.smep.sek@justice.sk Ngôn ngữ: tiếng Séc, tiếng Anh, tiếng Xlô-va-ki-a Tương trợ tư pháp: Bộ Tư pháp Cộng hòa Xlô-va-ki-a. Vụ án đang trong giai đoạn trước khi xét xử thì gửi tới Tổng Viện kiểm sát Cộng hòa Xlô-va-ki-a.	146. Slovakia - Slovaquie - Eslovaquia Ministry of Justice Zupné Námestie c. 13 813 11 Bratislava Slovakia Phone: (+421) 259 353 591 Fax: (+421) 259 353 604 E-Mail: inter.coop@justice.sk E-Mail: ms.smep.sek@justice.sk Languages: Czech, English, Slovak Mutual legal assistance: Ministry of Justice of the Slovak Republic. In preliminary proceedings the General Prosecutor's Office of the Slovak Republic.

- Tổng Viện kiểm sát Sturova 2, 812 85 Bratislava Xlô-va-ki-a Ngôn ngữ: tiếng Séc, tiếng Anh, tiếng Xlô-va-ki-a	- General Prosecutor's Office Sturova 2, 812 85 Bratislava Slovakia Languages: Czech, English, Slovak
147. Xlô-ve-ni-a - Bộ Tư pháp Zupanciceva 3 1000 Ljubljana Xlô-ve-ni-a Điện thoại: (386) 1 369 5268 Fax: (386) 1 369 5233 E-Mail: gp.mp@gov.si Ngôn ngữ: tiếng Anh - Bộ Ngoại giao Prešernova cesta 25 1000 Ljubljana Xlô-ve-ni-a Điện thoại: (386) 1 4782 206 Fax: (386) 1 4782 249 Ngôn ngữ: tiếng Anh	147. Slovenia - Slovénie - Eslovenia - Ministry of Justice Zupanciceva 3 1000 Ljubljana Slovenia Phone: (386) 1 369 5268 Fax: (386) 1 369 5233 E-Mail: gp.mp@gov.si Languages: English - Ministry of Foreign Affairs Prešernova cesta 25 1000 Ljubljana Slovenia Phone: (386) 1 4782 206 Fax: (386) 1 4782 249 Languages: English
148. Đảo Xô-lô-môn Bộ Tư pháp và Cảnh sát Cơ quan Tổng Chương lý P.O. Box 404 Honiara Đảo Xô-lô-môn Điện thoại: (677) 216 16 Fax: (677) 227 02 Ngôn ngữ: tiếng Anh	148. Solomon Islands - Iles Salomon - Islas Salomón Ministry of Police and Justice Attorney-General's Chambers P.O. Box 404 Honiara Solomon Islands Phone: (677) 216 16 Fax: (677) 227 02 Languages: English

149. Nam Phi Bộ Tư pháp và Xây dựng Hiến pháp Private Bag x81 Pretoria 0001 Nam Phi Điện thoại: (27-12) 315-1658 Fax: (27) 12 321 1557 Ngôn ngữ: tiếng Anh	149. South Africa - Afrique du Sud - Sudáfrica Department of Justice and Constitutional Development Private Bag x81 Pretoria 0001 South Africa Phone: (27-12) 315-1658 Fax: (27) 12 321 1557 Languages: English
150. Tây Ban Nha Bộ Tư pháp C / San Bernardo 62 28015 Ma-đrít Tây Ban Nha Điện thoại: +34 91 390 24 79 Fax: +34 91 390 44 34 E-Mail: extradiciones@mjusticia.es Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha	150. Spain - Espagne - España Ministerio de Justicia C/ San Bernardo 62 28015 Madrid Spain Phone: +34 91 390 24 79 Fax: +34 91 390 44 34 E-Mail: extradiciones@mjusticia.es Languages: Spanish
151. Xri-lan-ca Bộ Ngoại giao Tòa nhà Cộng hòa Colombo 01 Xri-lan-ca Điện thoại: (94) 11 2438263 Fax: (94) 11 2446091 E-Mail: sfa@formin.gov.lk Ngôn ngữ: tiếng Anh	151. Sri Lanka - Sri Lanka - Sri Lanka Ministry of Foreign Affairs Republic Building Colombo 01 Sri Lanka Phone: (94) 11 2438263 Fax: (94) 11 2446091 E-Mail: sfa@formin.gov.lk Languages: English

152. Xu Đăng Văn phòng Tổng Chương lý P.O. Box 302 Justice Tower, Aljamhuria Avenue Khartoum Xu Đăng Điện thoại: (249) 183 773221 Fax: (249) 183 773221 Ngôn ngữ: tiếng Ả rập	152. Sudan - Soudan - Sudán Office of the Prosecutor-General P.O. Box 302 Justice Tower, Aljamhuria Avenue Khartoum Sudan Phone: (249) 183 773221 Fax: (249) 183 773221 Languages: Arabic
153. Xu-ri-nam Bộ Tư pháp và Cảnh sát Gravenstraat 1 Paramaribo Xu-ri-nam Điện thoại: (597) 473 559 Fax: (597) 412 104 Ngôn ngữ: tiếng Anh	153. Suriname - Suriname - Suriname Ministry of Justice and Police Gravenstraat 3 Paramaribo Suriname Phone: (597) 473 559 Fax: (597) 412 104 Languages: English
154. Xoa-di-len Bộ Tư pháp và các vấn đề Hiến pháp P.O. Box 924 Mbabane Xoa-di-len Điện thoại: Fax: (268) 404 4293 (268) 404 2809 Ngôn ngữ: tiếng Anh	154. Swaziland - Swaziland - Swazilandia Ministry of Justice and Constitutional Affairs P.O. Box 924 Mbabane Swaziland Phone: Fax: (268) 404 4293 (268) 404 2809 Languages: English

155. Thụy Điển Bộ Tư pháp S-103 33 Xtóc-khôm Thụy Điển Điện thoại: (46) 8 405 4500 Fax: (46) 8 405 4676 E-Mail: ju.birs@gov.se Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Đan Mạch, tiếng Na Uy, tiếng Thụy Điển, tiếng Đức, tiếng Pháp	155. Sweden - Suède - Suecia Ministry of Justice S-103 33 Stockholm Sweden Phone: (46) 8 405 4500 Fax: (46) 8 405 4676 E-Mail: ju.birs@gov.se Languages: English, Danish, Norwegian, Swedish, German, French
156. Thụy Sĩ Cơ quan Tư pháp liên bang Bundesrain 20 CH-3003 Bern Thụy Sĩ Điện thoại: (41) 31 327 1060 (24 giờ) Điện thoại: (41) 58 462 4380 Fax: (41) 31 322 5380 Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha	156. Switzerland - Suisse - Suiza Federal Office of Justice Bundesrain 20 CH-3003 Bern Switzerland Phone: (41) 31 327 1060 (24hrs) Phone: (41) 58 462 4380 Fax: (41) 31 322 5380 Languages: English, French, German, Italian, Spanish
157. Cộng hòa Ả-rập Xi-ri Bộ Nội vụ Dummar Project Area Aljazeera 20 Damascus Cộng hòa Ả-rập Xi-ri	157. Syrian Arab Republic- République arabe syrienne- República Árabe Siria Ministry of Interior Dummar Project Area Aljazeera 20 Damascus Syrian Arab Republic

Điện thoại: (963) 11 311 4610 Điện thoại: (963) 11 311 3610 Điện thoại: (963) 11 311 5068 Fax: (963) 11 311 5017 E-Mail: antidrug-sy@mail.sy Ngôn ngữ: tiếng Ả-rập, tiếng Anh	Phone: (963) 11 311 4610 Phone: (963) 11 311 3610 Phone: (963) 11 311 5068 Fax: (963) 11 311 5017 E-Mail: antidrug-sy@mail.sy Languages: Arabic, English
158. Ta-gi-ki-xtan Tổng Viện kiểm sát 126 A. Sino Avenue Dushanbe Ta-gi-ki-xtan Điện thoại: (992) 372 36 57 10 Điện thoại: (992) 372 36 53 33 Fax: (992) 372 35 24 41 E-Mail: prokuratura_gen@mail.ru E-Mail: rmb@prokuratura.tj Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Nga	158. Tajikistan - Tadjikistan - Tayikistán General Prosecutor's Office 126 A. Sino Avenue Dushanbe Tajikistan Phone: (992) 372 36 57 10 Phone: (992) 372 36 53 33 Fax: (992) 372 35 24 41 E-Mail: prokuratura_gen@mail.ru E-Mail: rmb@prokuratura.tj Languages: English, Russian
159. Thái Lan Cơ quan Tổng Chương lý Tòa nhà Rajaburi Direkriddhi, Government Complex, Chaeng Watthana Road, Lak Si Băng-cốc 10210 Thái Lan Điện thoại: (66) 2 142 1632 Fax: (66) 2 515 4657 E-Mail: inter@ago.go.th Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Thái	159. Thailand - Thaïlande - Tailandia Office of the Attorney General Rajaburi Direkriddhi Building, Government Complex, Chaeng Watthana Road, Lak Si Bangkok 10210 Thailand Phone: (66) 2 142 1632 Fax: (66) 2 515 4657 E-Mail: inter@ago.go.th Languages: English, Thai

160. Cộng hòa Ma-xê-đô-ni-a thuộc Nam Tư cũ Bộ Tư pháp St. Dimitrie Cupovski No. 9 1000 Skopje Cộng hòa Ma-xê-đô-ni-a thuộc Nam Tư cũ Điện thoại: (389) 2 310 6577 Điện thoại: (389) 2 310 6537 Fax: (389) 2 322 6975 E-Mail: vcvetanovska@mjustice.gov.mk E-Mail: marijanikolovska@mjustice.gov.mk Ngôn ngữ: tiếng Crô-a-ti-a, tiếng Anh, tiếng Ma-xê-đô-ni-a, tiếng Séc-bi	160. The form. Yug. Rep. of Macedonia - L'ex-Rép. yougosl. de Macédoine - La ex Rep. Yug. de Macedonia Ministry of Justice St. Dimitrie Cupovski No. 9 1000 Skopje The form. Yug. Rep. of Macedonia Phone: (389) 2 310 6577 Phone: (389) 2 310 6537 Fax: (389) 2 322 6975 E-Mail: vcvetanovska@mjustice.gov.mk E-Mail: marijanikolovska@mjustice.gov.mk Languages: Croatian, English, Macedonian, Serbian
161. Tô-gô Văn phòng Tổng Chương lý B.P. 315 Lomé Tô-gô Điện thoại: (228) 904 45 78 Di động Điện thoại: (228) 221 72 32 Fax: (228) 222 87 15 E-Mail: aurelienmdakena@yahoo.com Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp	161. Togo - Togo - Togo Cabinet du Procureur général B.P. 315 Lomé Togo Phone: (228) 904 45 78 Portable Phone: (228) 221 72 32 Fax: (228) 222 87 15 E-Mail: aurelienmdakena@yahoo.com Languages: English, French

162. Tri-ni-đát và Tô-ba-gô Bộ Tổng Chương lý và Pháp luật AGLA Tower, Level 22 Government Campus Plaza Corner of London and Richmond Streets Port of Spain Tri-ni-đát và Tô-ba-gô Điện thoại: (1 868) 623 7010 Máy lẻ 2622 Điện thoại: (1 868) 625 6579 Fax: (1 868) 627 9171 E-Mail: centralauthoritytt@tstt.net.tt Ngôn ngữ: tiếng Anh	162. Trinidad and Tobago - Trinité-et-Tobago - Trinidad y Tobago Ministry of the Attorney General and Legal Affairs AGLA Tower, Level 22 Government Campus Plaza Corner of London and Richmond Streets Port of Spain Trinidad and Tobago Phone: (1 868) 623 7010 Ext. 2622 Phone: (1 868) 625 6579 Fax: (1 868) 627 9171 E-Mail: centralauthoritytt@tstt.net.tt Languages: English
163. Tuy-ni-di Bộ Tư pháp và Nhân quyền Chehloul Jamel Đường Bab Bnet 1006 Tunis Tuy-ni-di Điện thoại: (216) 71 561354 Điện thoại: (216) 71 564065 Fax: (216) 71 568106 Fax: (216) 71 569234 E-Mail: minjus.affaires.penales@email.ati.tn Ngôn ngữ: tiếng Ả rập, tiếng Pháp	163. Tunisia - Tunisie - Túnez Ministère de la justice et des droits de l'homme Chehloul Jamel Avenue Bab Bnet 1006 Tunis Tunisie Phone: (216) 71 561354 Phone: (216) 71 564065 Fax: (216) 71 568106 Fax: (216) 71 569234 E-Mail: minjus.affaires.penales@email.ati.tn Languages: Arabic, French

164. Thổ Nhĩ Kỳ Bộ Tư pháp Milli Müdafaa Cad. Adalet Bak. Ek.Binasi Cankaya Ankara Thổ Nhĩ Kỳ Điện thoại: (90) 312 414 8443 Fax: (90) 312 219 45 23 E-Mail: ab101504@adalet.gov.tr Ngôn ngữ: tiếng Anh	164. Turkey - Turquie - Turquía Ministry of Justice Milli Müdafaa Cad. Adalet Bak. Ek.Binasi Cankaya Ankara Turkey Phone: (90) 312 414 8443 Fax: (90) 312 219 45 23 E-Mail: ab101504@adalet.gov.tr Languages: English
165. Tuốc-mê-ni-xtan Tổng Viện công tố 2005 Street, 4 Ashgabat, 744000 Tuốc-mê-ni-xtan	165. Turkmenistan - Turkménistan - Turkmenistán General Prosecutor's Office 2005 Street, 4 Ashgabat, 744000 Turkmenistan
166. U-gan-đa Bộ Ngoại giao P.O. Box 7048 Kampala U-gan-đa Điện thoại: (256) 41 230 913 Điện thoại: (256) 41 230 911 Fax: (256) 41 230 911 Fax: (256) 41 342 342 Fax: (256) 41 230 911 Ngôn ngữ: tiếng Anh	166. Uganda - Ouganda - Uganda Ministry of Foreign Affairs P.O. Box 7048 Kampala Uganda Phone: (256) 41 230 913 Phone: (256) 41 230 911 Fax : (256) 41 230 911 Fax: (256) 41 342 342 Fax: (256) 41 230 911 Languages: English

167. U-crai-na Tổng Viện kiểm sát Riznyts'ka St, 13/15, Kyiv, Kyivs'ka oblast, Ukraine, 01011 U-crai-na Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Nga	167. Ukraine - Ukraine - Ucraina Prosecutor General's Office of Ukraine Riznyts'ka St, 13/15, Kyiv, Kyivs'ka oblast, Ukraine, 01011 Ukraine Languages: English, Russian
168. Các Tiểu Vương quốc Ả rập thống nhất Bộ Nội vụ P.O. Box 398 A-bu Đa-bi Các Tiểu Vương quốc Ả rập thống nhất Điện thoại: (971) 2 441 666 Fax: (971) 2 441 5475 Ngôn ngữ: tiếng Ả rập, tiếng Anh	168. United Arab Emirates - Emirats arabes unis - Emiratos Árabes Unidos Ministry of the Interior P.O. Box 398 Abu Dhabi United Arab Emirates Phone: (971) 2 441 666 Fax: (971) 2 441 5475 Languages: Arabic, English
169. Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len A. Xcốt-len - Người phát ngôn Thượng viện London SW1A 0PW Vương quốc Anh B. Vương quốc Anh và Bắc Ai Len - Bộ Nội vụ Tầng 2, Tòa nhà Peel 2 phố Marsham London SW1P 4DF Vương quốc Anh Điện thoại: (44) 20 7035 1256 Fax: (44) 20 7035 6986 Ngôn ngữ: tiếng Anh	169. United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland - Royaume- Uni - Reino Unido A. Scotland - Speaker of House of Lords London SW1A 0PW United Kingdom B. United Kingdom and North Ireland - Home Office 2nd Floor, Peel Building 2 Marsham Street London SW1P 4DF United Kingdom Phone: (44) 20 7035 1256 Fax: (44) 20 7035 6986 Languages: English

- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và các vấn đề Khối thịnh vượng chung Liên hiệp Vương quốc Anh King Charles Street London SW1A 2AH Vương quốc Anh - Tổng Cục Hải quan và Thuế Hoàng gia HMRC FoI Act Team Room 1C/23 100 Parliament Street London SW1A 2BQ Vương quốc Anh	- Secretary of State for Foreign and Commonwealth Affairs of the United Kingdom King Charles Street London SW1A 2AH United Kingdom - HM Revenue and Custom HMRC FoI Act Team Room 1C/23 100 Parliament Street London SW1A 2BQ United Kingdom
170. Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a Bộ Nội vụ P.O. BOX 9093 Dares Salaam Tan-da-ni-a Điện thoại: (255) 22 266 7669 (24 giờ) Fax: (255) 22 211 8223 Ngôn ngữ: tiếng Anh	170. United Republic of Tanzania - République-Unie de Tanzanie - República Unida de Tanzania Ministry of Internal Affairs P.O. BOX 9093 Dar Es Salaam Tanzania Phone: (255) 22 266 7669 (24 hrs) Fax: (255) 22 211 8223 Languages: English
171. Hợp chúng quốc Hoa Kỳ Bộ Tư pháp P.O. Box 27330 Washington, D.C. 20038-7330 Hợp chúng quốc Hoa Kỳ Điện thoại: (1) 202 514 0000 Fax: (1) 202 514 0080 Ngôn ngữ: tiếng Anh	171. United States of America - Etats-Unis d'Amérique - Estados Unidos de América Department of Justice P.O. Box 27330 Washington, D.C. 20038-7330 United States of America Phone: (1) 202 514 0000 Fax: (1) 202 514 0080 Languages: English

172. U-ru-goay Bộ Ngoại giao Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha	172. Uruguay - Uruguay - Uruguay Ministerio de Relaciones Exteriores Languages: Spanish
173. U-dơ-bê-ki-xtan Tổng Viện kiểm sát Ul. Akademika Y. Gulyamova, Tashkent 100047 U-dơ-bê-ki-xtan Điện thoại: (998) 71 233 91 28 Fax: (998) 71 233 48 35 E-Mail: mpo@prokuratura.uz Ngôn ngữ: tiếng Nga	173. Uzbekistan - Ouzbékistan - Uzbekistán Office of the Prosecutor-General Ul. Akademika Y. Gulyamova, Tashkent 100047 Uzbekistan Phone: (998) 71 233 91 28 Fax: (998) 71 233 48 35 E-Mail: mpo@prokuratura.uz Languages: Russian
174. Vê-nê-du-ê-la Bộ Ngoại giao Esquina de Conde a Carmelitas Edificio M.R.E. Piso 6 Caracas 1010 Vê-nê-du-ê-la Điện thoại: (58) 212 862 8091 Điện thoại: (58) 212 862 0557 Fax: (58) 212 862 2420 E-Mail: dgscon@mre.gov.ve Ngôn ngữ: tiếng Tây Ban Nha	174. Venezuela (Bolivarian Republic of) - Venezuela (République bolivarienne du) - Venezuela Ministerio de Relaciones Exteriores Esquina de Conde a Carmelitas Edificio M.R.E. Piso 6 Caracas 1010 Venezuela Phone: (58) 212 862 8091 Phone: (58) 212 862 0557 Fax: (58) 212 862 2420 E-Mail: dgscon@mre.gov.ve Languages: Spanish

175. Việt Nam Viện kiểm sát nhân dân tối cao Số 9 phố Phạm Văn Bạch Quận Cầu Giấy Hà Nội Việt Nam Điện thoại: (84) 24 3 825 5058 Máy lẻ 810021 Fax: (84) 24 3 936 1637 E-Mail: ttpp_mla@vks.gov.vn Ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Việt	175. Viet Nam - Viet Nam - Viet Nam Supreme People's Procuracy 9 Pham Van Bach Street Cau Giay District Ha Noi Viet Nam Phone: (84) 24 3 825 5058 Extension 810021 Fax: (84) 24 3 936 1637 E-Mail: ttpp_mla@vks.gov.vn Languages: English, Vietnamese
176. Yê-men Bộ Tư pháp Bộ Nội vụ Aden Yê-men Điện thoại: (43) 1 503 29 30 31 Fax: (43) 1 503 31 59 E-Mail: embassy@yemenembassy.at Ngôn ngữ: tiếng Ả-rập, tiếng Anh	176. Yemen - Yémen - Yemen Ministry of Justice Ministry of Interior Aden Yemen Phone: (43) 1 503 29 30 31 Fax: (43) 1 503 31 59 E-Mail: embassy@yemenembassy.at Languages: Arabic, English
177. Dăm-bi-a Bộ Tư pháp PO Box 50106 Ridgeway Lusaka Dăm-bi-a Điện thoại: (260) 1 250435 Fax: (260) 1 253675 E-Mail: attgen@zamnet.zm Ngôn ngữ: tiếng Anh	177. Zambia - Zambie - Zambia Ministry of Justice PO Box 50106 Ridgeway Lusaka Zambia Phone: (260) 1 250435 Fax: (260) 1 253675 E-Mail: attgen@zamnet.zm Languages: English

178. Dim-ba-bu-ê Bộ Tư pháp P. Bag 7714, Causeway Harare Dim-ba-bu-ê Điện thoại: (263) 11 861 073 (24 giờ) Điện thoại: (263) 4 777 049 Fax: (263) 4 777 049 Ngôn ngữ: tiếng Anh	178. Zimbabwe - Zimbabwe - Zimbabwe Ministry of Justice P. Bag 7714, Causeway Harare Zimbabwe Phone: (263) 11 861 073 (24 hrs) Phone: (263) 4 777 049 Fax: (263) 4 777 049 Languages: English
--	--

 Bản quyền xuất bản thuộc về
NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	7
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	11
PHẦN THỨ NHẤT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP HÌNH SỰ	13
1. Nguyên tắc tương trợ tư pháp về hình sự	13
2. Phạm vi tương trợ tư pháp về hình sự	13
2.1. <i>Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định của pháp luật trong nước</i>	13
2.2. <i>Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia</i>	19
3. Từ chối hoặc hoãn thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự	21
3.1. <i>Từ chối tương trợ</i>	21
3.2. <i>Hoãn thực hiện tương trợ</i>	23

4. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự	23
4.1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao	24
4.2. Bộ Công an	24
4.3. Bộ Ngoại giao	24
4.4. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh	25
4.5. Cơ quan điều tra	25
4.6. Tòa án nhân dân cấp tỉnh	25
5. Ngôn ngữ sử dụng trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự	25
6. Chi phí thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự	26

PHẦN THỨ HAI: QUY TRÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

28

1. Quy trình yêu cầu nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự	28
1.1. Hồ sơ tương trợ tư pháp về hình sự	30
1.2. Lập, gửi hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp	32
2. Quy trình thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài	35

2.1. Trình tự, thủ tục tiếp nhận và thực hiện yêu cầu	37
2.2. Xử lý kết quả thực hiện yêu cầu cho nước ngoài	38
3. Một số vấn đề cần lưu ý	38
3.1. Cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp hình sự, phân biệt với các kênh liên hệ khác	38
3.2. Thời hạn trong việc lập, giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự	41
3.3. Nội dung và hình thức của yêu cầu tương trợ	42
3.4. Yêu cầu liên quan đến xác minh nhân thân, tiền án, tiền sự	45
3.5. Yêu cầu liên quan đến thu hồi tài sản	45
3.6. Xử lý yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài và việc ban hành quyết định pháp lý cuối cùng	48
3.7. Sự có mặt của người tiến hành tố tụng của nước yêu cầu tại nước được yêu cầu	49
3.8. Vấn đề hợp pháp hóa lãnh sự tài liệu liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự	51
3.9. Tương trợ tư pháp về hình sự trực tiếp giữa các tỉnh có chung đường biên giới với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	52

3.10. Thông báo và tiếp xúc lãnh sự trong vụ án liên quan đến người nước ngoài tại Việt Nam	53
---	----

PHẦN THỨ BA: VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ	55
--	-----------

1. Một số văn bản pháp luật và hướng dẫn thi hành trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự	55
--	----

♦ Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 (Trích)	55
---	----

♦ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (Trích)	75
---	----

♦ Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BNG ngày 16/8/2013 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự	88
--	----

♦ Hướng dẫn số 19/HD-VKSTC-HTQT ngày 24/7/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp trực tiếp giữa Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh có chung đường biên giới với Lào	107
---	-----

♦ Hướng dẫn số 38/HD-VKSTC ngày 24/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao Trung Quốc	112
--	-----

2. Các mẫu văn bản sử dụng trong lập hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự	116
---	-----

♦ <i>Mẫu số 01: Văn bản yêu cầu thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao</i>	116
---	-----

♦ <i>Mẫu số 02: Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài</i>	119
---	-----

PHẦN THỨ TƯ: DANH SÁCH CÁC HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ ĐANG CÓ HIỆU LỰC	127
---	-----

PHẦN THỨ NĂM: DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NƯỚC NGOÀI TIẾP NHẬN YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ; NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ	130
---	-----



NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

Trụ sở đăng ký: 58 - 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội
Trụ sở chính: 35 Trần Quốc Toản, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
Phát hành tại Hà Nội: Điện thoại 024.62632078 - 024.62632079 - 0989819688
Phát hành tại TP. HCM: 200C Võ Văn Tần, P. 5, Q. 3, TP. HCM
Điện thoại: 0906056818 - Email: gianght@moj.gov.vn
Email: nxbtvp@moj.gov.vn - Website: <https://nxbtuphap.moj.gov.vn>

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Giám đốc kiêm Tổng biên tập

TS. TRẦN MẠNH ĐẠT

Biên tập

TRẦN THỊ HOÀNG YẾN

Biên tập mỹ thuật

ĐẶNG VINH QUANG

Trình bày

PHẠM VIỆT HÀ

Sửa bản in

TRẦN THỊ MY NI - NGUYỄN NGỌC CƯỜNG

Đọc sách mẫu

NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

**Đối tác liên kết xuất bản: Wildlife Conservation Society
(106 nhà D, số 3 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội)**

In 1.000 bản, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Công ty Cổ phần in Khoa học Công nghệ mới (Số 181 Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội - Xưởng sản xuất: Đường Phạm Văn Nghị, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội). Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2896-2022/CXBIPH/03-283/TP được Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận đăng ký ngày 18/8/2022. Quyết định xuất bản số 114/QĐ-NXBTP ngày 23/9/2022 của Giám đốc kiêm Tổng biên tập Nhà xuất bản Tư pháp. In xong, nộp lưu chiểu năm 2022.

ISBN: 978-604-81-2769-5



Các lĩnh vực hoạt động chính của WCS tại Việt Nam bao gồm:

- Hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện khung chính sách, pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã
- Thu thập, phân tích và cung cấp thông tin về các vi phạm liên quan tới động vật hoang dã cho các cơ quan thực thi pháp luật
- Thúc đẩy hợp tác song phương và đa phương nhằm đấu tranh với các đường dây tội phạm buôn bán động vật hoang dã xuyên quốc gia
- Tăng cường năng lực thực thi pháp luật
- Tăng cường sự tham gia của nhà báo và các cơ quan báo chí, truyền thông trong phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã
- Nghiên cứu, giám sát dịch bệnh trên động vật hoang dã và nguy cơ lây truyền bệnh giữa người và động vật hoang dã
- Bảo tồn loài rùa Hoàn Kiếm tại Việt Nam



ISBN: 978-604-81-2769-5



SÁCH KHÔNG BÁN